Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dich vu viết luân văn thac sỹ uy tín, giá cả phải chăng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ NỘI VỤ**

……/…… **……/……**

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI, TỈNH QUẢNG NAM

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Thừa Thiên Huế

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ NỘI VỤ**

……/…… **……/……**

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI, TỈNH QUẢNG NAM

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Chuyên ngành:

Mã số:

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dich vu viết luân văn thac sỹ uy tín, giá cả phải chăng

Thừa Thiên Huế

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết luận nêu trong luận văn là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng. Tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về công trình khoa học này.

Thừa Thiên Huế, ngày .... tháng ..... năm 2017

Tác giả luận văn

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn Quý Thầy, Cô của Học viện Hành chính quốc gia và Cơ sở Học viện Hành chính khu vực miền Trung đã tận tâm giảng dạy, truyền đạt những kiến thức quý báu cho tôi trong suốt thời gian tôi học tập tại Học viện. Đặc biệt, tôi xin chân thành cám ơn **TS. Lê Toàn Thắng** đã nhiệt tình hướng dẫn cho tôi hoàn thành luận văn này.

Đồng thời, tôi cũng xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo, các anh, chị đồng nghiệp của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đã hết lòng hỗ trợ, cung cấp số liệu và đóng góp ý kiến quý báu giúp tôi hoàn thành luận văn.

Dù đã rất cố gắng nhưng trình độ bản thân còn hạn chế, trong luận văn của tôi sẽ không tránh khỏi thiếu sót, kính mong các thầy, cô giáo đóng góp ý kiến để nội dung nghiên cứu này hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thừa Thiên Huế, ngày .... tháng ..... năm 2017

Tác giả luận văn



Huỳnh Minh Thảo

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn 1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn 2
3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn 3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn 4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn 4
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn 4
7. Kết cấu của luận văn 5
Chương 1 6
CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT 6
CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ MỞ 6
1.1. Một số vấn đề cơ bản về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở 6
1.1.1. *Khái niệm về Khu kinh tế mở* 6
1.1.2. *Khái niệm quản lý nhà nước* 6
1.1.3. *Khái niệm dự án đầu tư* 7
1.1.4. *Khái niệm vốn đầu tư* 8
1.1.5. *Khái niệm thu hút dự án đầu tư* 8
1.2. Quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở 8
1.2.1. *Khái niệm quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở* 8
1.2.2. *N i dung quản lý nhà nước thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở* 9
1.2.3. *Những nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở* 22
1.3. Một số kinh nghiệm quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào

các khu kinh tế mở 30

1.3.1. *Những kinh nghiệm quốc tế nói chung* 30

1.3.2. ***Những kinh nghiệm của Trung Quốc*** 31

1.3.3. ***Những kinh nghiệm của Ấn Độ*** 32

1.3.4. ***Kinh nghiệm đối với Khu kinh tế mở tại Việt Nam*** 33

Tiểu kết Chương 1 **35**

Chương 2 **36**

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI, TỈNH QUẢNG NAM **36**

2 1. Đặc điểm, tiềm năng phát triển và vai trò của Khu kinh tế mở chu lai36

2.1.1. *Đặc điểm Khu kinh tế mở Chu Lai* 36

2.1.2. *Tiềm năng phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai* 39

2.1.3. *Vai trò của Khu kinh tế mở Chu Lai đối với sự phát triển của tỉnh Quảng Nam* 39

2.1.4. Tình hình thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai 43

2.2. Thực trạng quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam 45

2.2.1. Thực trạng hệ thống thể chế, chính sách về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam 45

2.2.2. *Thực trạng triển khai các chính sách thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam* 51

2.2.3. *Thực trạng tổ chức b máy quản lý nhà nước về thu hút đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam* 70

2.2.4. *Thực trạng nguồn tài chính quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam* 81

2.2.5. *Thực trạng quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai tại các Sở, ngành và địa phương của tỉnh Quảng Nam* 82

2.3. Đánh giá về hoạt động thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai 83

2.3.1. *Những kết quả đạt được* 83

2.3.2. *Những tồn tại, hạn chế* 85

2.3.3. *Những nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế* 86

Tiểu kết Chương 2 **90**

Chương 3 **91**

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN **91**

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ **91**

VÀO KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI, TỈNH QUẢNG NAM **91**

3.1. Định hướng quản lý nhà nước về thu hút các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam 91

3.1.1. *Mục tiêu phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và các năm tiếp theo* 91

3.1.2. *Phương hướng quản lý nhà nước về thu hút các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam* 92

3.2. Hệ thống giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam 94

3.2.1. *Nhóm giải pháp về thể chế* 94

3.2.2. *Nhóm giải pháp về quảng bá, xúc tiến đầu tư* 95

3.2.3. *Nhóm giải pháp tạo môi trường đầu tư* 98

3.2.4. *Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư* 111

3.3. Một số đề xuất, kiến nghị 116

3.3.1. *Đối với ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam* 116

3.3.2. *Đối với B , ngành và cơ quan Trung ương* 119

T m tắt Chương 3 **120**

KẾT LUẬN **121**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BOT	Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao
BT	Xây dựng - Chuyển giao
BTO	Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh
CSHT	Cơ sở hạ tầng
DAĐT	Dự án đầu tư
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
KCN	Khu công nghiệp
KCNC	Khu công nghệ cao
KCX	Khu chế xuất
KKT	Khu kinh tế
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
KT-XH	Kinh tế - xã hội
NĐT	Nhà đầu tư
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
PPP	Đầu tư theo hình thức đối tác công tư
QLNN	Quản lý nhà nước
TN&MT	Tài nguyên và môi trường
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
XTĐT	Xúc tiến đầu tư

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1.	Số lượng các dự án đang có tại Khu kinh tế mở Chu Lai	43
Bảng 2.2.	Cơ cấu dự án đầu tư theo lĩnh vực hoạt động	44
Bảng 2.3.	Cơ cấu dự án đầu tư theo tiến độ triển khai thực hiện	44
Bảng 2.4.	Danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai giai đoạn 2015-2020	126
Bảng 2.5.	Danh mục các dự án sẽ khởi công, hoàn thành trong quý I, năm 2017	127
Bảng 2.6.	Danh mục các dự án được trao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Thỏa thuận đầu tư trong quý I, năm 2017	128
Bảng 2.7.	Bảng thống kê các chỉ số PCI của tỉnh Quảng Nam 2011-2015	53

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 2.1. Bản đồ quy hoạch tổng thể Khu kinh tế mở Chu Lai 37

Hình 2.2. Công ty Sản xuất và lắp ráp Ô tô Chu Lai - Trường Hải 42

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Bảng xếp hạng chỉ số PCI 2016 của 20 tỉnh, thành phố 53

Biểu đồ 2.2. Biểu đồ chỉ số thành phần của tỉnh Quảng Nam 2014-2015 54

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai 78

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn

Ngày 10/7/1999, Bộ Chính trị ban hành Thông báo số 232-TB/TW chọn khu vực Chu Lai, tỉnh Quảng Nam để xây dựng Khu kinh tế (KKT) mở đầu tiên của cả nước. Để cụ thể hóa chủ trương của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 184/2003/QĐ-TTg ngày 08/9/2003 về việc thành lập KKT mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam, nhằm mục tiêu: (1) Áp dụng các thể chế, cơ chế, chính sách mới, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi và bình đẳng, phù hợp với thông lệ quốc tế cho các loại hình đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư (NĐT) trong nước và ngoài nước; (2) Áp dụng các mô hình, động lực mới cho phát triển kinh tế nhằm khắc phục những vướng mắc trong chính sách và cơ chế quản lý kinh tế hiện hành trong khi chưa có điều kiện thực hiện trên phạm vi cả nước; (3) Phát triển sản xuất, tạo ra những sản phẩm có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng ra thị trường thế giới; (4) Tạo việc làm, thúc đẩy việc đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (5) Khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) tỉnh Quảng Nam, góp phần tạo động lực phát triển KT-XH cho toàn bộ khu vực miền Trung, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực này với các vùng khác trong cả nước; (6) Đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng và phát triển KKT mở Chu Lai cùng với KKT Dung Quất để sau năm 2010, các KKT này từng bước trở thành những hạt nhân tăng trưởng, trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá khu vực miền Trung.

Để đạt được những yêu cầu đã đặt ra, vai trò quản lý của nhà nước là rất quan trọng, trong đó cần: (1) Tập trung phát triển các ngành dịch vụ như

du lịch, đô thị, vận tải hàng hoá và hành khách quốc tế, dịch vụ thương mại; (2) Có cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư thực sự thông thoáng, vượt trội, hấp dẫn và được hưởng những cơ chế đặc thù nhằm huy động tổng hợp các nguồn lực tạo ra hạ tầng hoàn thiện để thu hút được các NĐT lớn trong và ngoài nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh; (3) Phát triển sản xuất, tạo ra những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao, nằm trong chuỗi giá trị toàn cầu; (4) đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng ra thị trường thế giới; (5) tạo việc làm, tập trung đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các NĐT.

Mặc dù đạt được những thành quả nhất định, nhưng những kết quả đạt được của KKT mở Chu Lai còn khiêm tốn và chưa đạt được mục tiêu mà Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ đã đề ra, chưa thu hút được nhiều NĐT lớn, nhất là NĐT nước ngoài. Những tồn tại có nhiều nguyên nhân, nhưng có một số nguyên nhân cơ bản, sâu xa là do cơ chế đầu tư vốn từ ngân sách Trung ương cho KKT mở Chu Lai không ổn định và yếu, kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu của NĐT nên công tác thu hút các dự án còn hạn chế, nhất là nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Mặt khác, cơ chế ưu đãi đầu tư áp dụng tại KKT mở Chu Lai cũng chỉ là cơ chế ưu đãi cao nhất của pháp luật Việt Nam áp dụng tại các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; các thể chế, cơ chế, chính sách, mô hình, động lực mới hầu như chưa có.

Xuất phát từ những nguyên nhân nêu trên, tôi chọn đề tài **"Quản lý nhà nước về thu hút các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam"** để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn

Đã có nhiều tác giả thực hiện các đề tài nghiên cứu các giải pháp thu hút vốn đầu tư phát triển KT-XH nói chung và thu hút nguồn vốn đầu tư trực

tiếp nước ngoài (FDI) vào các khu công nghiệp nói riêng, ví dụ như: Luận văn tiến sĩ *"Đầu tư phát triển khu kinh tế Vũng Án giai đoạn 2006-2020"* của tác giả Nguyễn Hữu Khiếu; Luận văn thạc sĩ *"Cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp tỉnh Bình Định"* của tác giả Phan Thị Quốc Hương; Luận văn thạc sĩ *"Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi"* của tác giả Nguyễn Thị Diễm Hương; Luận án thạc sĩ *"Giải pháp thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam"* của tác giả Nguyễn Thị Nhàn; Luận văn thạc sĩ *"Các giải pháp thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Nam"* của tác giả Trần Xuân Vinh; Luận văn tiến "*Phát triển bền vững các khu kinh tế ven biển đồng bằng sông Hồng" của tác giả Đoàn Hải Yến*… Các công trình khoa học này đã thể hiện rõ những thành công và hạn chế của việc thu hút các nguồn vốn đầu tư vào khu công nghiệp, nêu được vai trò của nguồn FDI đối với việc phát triển khu công nghiệp; đánh giá thực trạng và đề ra giải pháp cải thiện môi trường đầu tư để thu hút các nguồn vốn đầu tư, hoàn thiện quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về quản lý nhà nước về thu hút các dự án đầu tư, nhất là các dự án mang tính động lực, có quy mô lớn và công nghệ cao, để đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển KKT mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam từ trước đến nay chưa có công trình khoa học nào đề cập đến. Do vậy, luận văn có thể coi là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu vấn đề này.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận quản lý nhà nước (QLNN) về thu hút các dự án đầu tư (DAĐT).

- Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về thu hút các dự án

đầu tư tại Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam để chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của thực trạng.

- Đề xuất những giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về thu hút các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến QLNN về thu hút các DAĐT vào KKT mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: QLNN về thu hút các DAĐT vào KKT mở Chu Lai.
- Về thời gian: Thời gian từ khi thành lập KKT mở Chu Lai (2003) đến nay và tầm nhìn 2020.
- Về không gian: KKT mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

- Phương pháp luận: Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm nền tảng cơ sở phương pháp luận.
- Các phương pháp nghiên cứu cụ thể: Phương pháp thống kê, phương pháp trừu tượng hóa, phương pháp phân tích tổng hợp, điều tra, khảo sát thực tế, xử lý số liệu, so sánh để khái quát thành những luận điểm có căn cứ lý luận thực tiễn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu, khả năng về nguồn vốn đầu tư, cơ chế ưu đãi đầu tư và các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư, đề ra các giải pháp thu hút các DAĐT, nhất là các dự án mang tính động lực, có quy mô lớn và công nghệ cao vào KKT mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam - Là tài liệu khoa học giúp cho các cơ quan quản lý và KKT mở Chu Lai tham khảo, vận dụng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm 03 chương:

Chương 1. Cơ sở khoa học của quản lý nhà nước về thu hút các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở.

Chương 2. Thực trạng quản lý nhà nước về thu hút các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam.

Chương 3. Định hướng và giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về thu hút các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam.

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

Chương 1
CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ MỞ

1.1. Một số vấn đề cơ bản về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở

1.1.1. Khái niệm về Khu kinh tế mở

KKT mở trên thế giới có quá trình phát triển từ cách đây 50 năm. Khởi đầu là khu chế xuất (KCX) nhỏ được hình thành nhằm chuyên môn hóa sản xuất cho xuất khẩu, sau đó phát triển thành mô hình cảng tự do ở Singapo, Hồng Kông và biến thể thành khu vực xuất khẩu ở Puerto Rico.

Một số nước có thể gọi theo cách khác, chẳng hạn như đặc KKT, khu thương mại tự do. Trong KKT có thể gồm nhiều khu chức năng như khu vực phi thuế quan (khu bảo thuế), khu công nghiệp (KCN), khu công nghệ cao (KCNC), các tiểu khu du lịch, giải trí, dịch vụ…

Theo Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì:

- KCN là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp.
- KCX là KCN chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu.
- KKT mở (hay KKT) có nội hàm rộng hơn, đó là khu vực có ranh giới địa lý xác định, gồm các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng, được thành lập với các chính sách ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài và cơ chế quản lý thông thoáng, để thực hiện các mục tiêu thu hút đầu tư, phát triển KT-XH và bảo vệ quốc phòng, an ninh.

1.1.2. Khái niệm quản lý nhà nước

Theo Giáo trình quản lý hành chính nhà nước: “QLNN là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực Nhà nước đối với các quá trình xã

hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc".

Như vậy, QLNN là hoạt động mang tính chất quyền lực nhà nước, được sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội và được hiểu là toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước, từ lập pháp, hành pháp và tư pháp, đến việc chỉ đạo trực tiếp hoạt động của đối tượng bị quản lý và vấn đề tư pháp đối với đối tượng quản lý. Hoạt động QLNN chủ yếu và trước hết được thực hiện bởi tất cả các cơ quan nhà nước, song có thể các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể quần chúng và nhân dân trực tiếp thực hiện nếu được nhà nước uỷ quyền, trao quyền thực hiện chức năng của nhà nước theo quy định của pháp luật.

1.1.3. Khái niệm dự án đầu tư

Theo Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì DAĐT là tập hợp các đề xuất bỏ vốn trung và dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định.

Như vậy DAĐT có thể xem xét từ nhiều góc độ khác nhau:

- *Về mặt hình thức:* DAĐT là một tập hợp hồ sơ tài liệu trình bày một cách chi tiết và có hệ thống các hoạt động và chi phí theo một kế hoạch để đạt được những kết quả và thực hiện được những mục tiêu nhất định trong tương lai.

- *Trên góc đ quản lý:* DAĐT là một công cụ quản lý sử dụng vốn, vật tư, lao động để tạo ra các kết quả tài chính, KT-XH trong một thời gian dài.

- *Trên góc đ kế hoạch:* DAĐT là một công cụ thể hiện kế hoạch chi tiết của một công cuộc đầu tư sản xuất kinh doanh, phát triển KT-XH, làm tiền đề cho cho các quyết định đầu tư và tài trợ.

- *Về mặt n i dung:* DAĐT là một tập hợp các hoạt động có liên quan

với nhau được kế hoạch hoá nhằm đạt các mục tiêu đã định bằng việc tạo ra các kết quả cụ thể trong một thời gian nhất định, thông qua việc sử dụng các nguồn lực xác định.

1.1.4. Khái niệm vốn đầu tư

Vốn đầu tư là tiền tích luỹ của xã hội, của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, là vốn huy động của dân cư và vốn huy động từ các nguồn khác ở trong và ngoài nước, được đưa vào sử dụng trong quá trình tái sản xuất xã hội nhằm duy trì tiềm lực sẵn có và tạo ra năng lực mới cho nền kinh tế quốc dân. Nói cách khác, vốn đầu tư là tiền và tài sản khác để thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh.

1.1.5. Khái niệm thu hút dự án đầu tư

Thu hút DAĐT là những hoạt động thực thi các cơ chế, chính sách, giải pháp của chính quyền (tổ chức) nhằm quảng bá, tác động và khuyến khích các NĐT bỏ vốn để thực hiện các DAĐT theo mục đích phát triển của chính quyền (tổ chức) và NĐT.

1.2. Quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở

1.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở

Vận dụng các khái niệm nêu ở phần trên, luận văn đưa ra khái niệm quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở như sau: Đó là sự tác động liên tục, có tổ chức, có định hướng của cơ quan QLNN có chức năng và thẩm quyền bằng những hoạt động thực thi các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm quảng bá, tác động và khuyến khích các NĐT bỏ vốn để thực hiện các DAĐT vào KKT mở trong một thời gian nhất định, nhằm đạt được mục tiêu phát triển KT-XH và bảo vệ quốc phòng, an ninh của cơ quan QLNN và mục đích phát triển của NĐT.

1.2.2. Nội dung quản lý nhà nước thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở

1.2.2.1. Hệ thống thể chế, chính sách quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở

So với KCN và KCX, KKT mở có điểm giống nhau là được áp dụng những chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư, các thủ tục hải quan thuế khóa được nới lỏng và giảm nhẹ, cơ chế quản lý thông thoáng, quyền tự quyết của các doanh nghiệp được tôn trọng và phát huy ở mức cao độ. Những quy định này có khác biệt với quy định chung và được nhà nước cho phép áp dụng riêng. Điểm khác nhau ở chỗ, KKT mở có nội dung hoạt động kinh tế rộng, đa dạng hơn, hay còn gọi là mô hình khu, gồm khu thương mại tự do, KCX, KCN, khu du lịch, khu đô thị có cả dân cư sinh sống… một mô hình kinh tế xã hội tổng hợp.

**** Nội dung quản lý nhà nước về đầu tư:***

- Ban hành, phổ biến và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách về đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài.
- Tổng hợp tình hình đầu tư, đánh giá tác động và hiệu quả kinh tế vĩ mô của hoạt động đầu tư.
- Xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.
- Cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Luật này.
- QLNN về KCN, KCX, KCNC và KKT.
- Tổ chức và thực hiện hoạt động XTĐT.
- Kiểm tra, thanh tra và giám sát hoạt động đầu tư; quản lý và phối hợp quản lý hoạt động đầu tư.

- Hướng dẫn, hỗ trợ, giải quyết vướng mắc, yêu cầu của NĐT trong thực hiện hoạt động đầu tư; giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động đầu tư.

- Đàm phán, ký kết điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động đầu tư.

**** Quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư:***

- Chính phủ thống nhất QLNN về hoạt động đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài.

- Bộ KH&ĐT giúp Chính phủ thống nhất QLNN về đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài.

- Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ KH&ĐT:

+ Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách về đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài;

+ Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài;

+ Ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài;

+ Hướng dẫn, phổ biến, tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư;

+ Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài;

+ Xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc giám sát, đánh giá, thanh tra hoạt động đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài;

+ Trình cấp có thẩm quyền quyết định việc đình chỉ thực hiện DAĐT

đã được cấp, điều chỉnh không đúng thẩm quyền, trái với quy định của pháp luật về đầu tư;

+ QLNN về KCN, KCX, KKT;

+ QLNN về XTĐT và điều phối hoạt động XTĐT tại Việt Nam và ở nước ngoài;

+ Đàm phán, ký kết điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động đầu tư;

+ Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý hoạt động đầu tư theo phân công của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

- Trách nhiệm, quyền hạn của các bộ, cơ quan ngang bộ:

+ Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT), các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng pháp luật, chính sách liên quan đến hoạt động đầu tư;

+ Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng và ban hành pháp luật, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn thực hiện;

+ Trình Chính phủ ban hành theo thẩm quyền điều kiện đầu tư đối với ngành, nghề quy định tại Điều 7 của Luật này;

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ KH&ĐT xây dựng quy hoạch, kế hoạch, danh mục dự án thu hút vốn đầu tư của ngành; tổ chức vận động, XTĐT chuyên ngành;

+ Tham gia thẩm định các DAĐT thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật này;

+ Giám sát, đánh giá, thanh tra chuyên ngành việc đáp ứng điều kiện đầu tư và QLNN đối với DAĐT thuộc thẩm quyền;

+ Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh và các bộ, cơ quan ngang bộ giải quyết khó khăn, vướng mắc của DAĐT trong lĩnh vực QLNN; hướng dẫn việc phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý KCN, KCX,

KCNC, KKT thực hiện nhiệm vụ QLNN trong KCN, KCX, KCNC, KKT;

+ Định kỳ đánh giá hiệu quả KT-XH của DAĐT thuộc phạm vi QLNN và gửi Bộ KH&ĐT;

+ Duy trì, cập nhật hệ thống thông tin quản lý đầu tư đối với lĩnh vực được phân công và tích hợp vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

- Trách nhiệm, quyền hạn của UBND cấp tỉnh, Sở KH&ĐT, Ban quản lý các KCN, KCX, KCNC, KKT:

+ Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ lập và công bố Danh mục dự án thu hút đầu tư tại địa phương;

+ Chủ trì thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

+ Thực hiện chức năng QLNN đối với DAĐT thuộc thẩm quyền;

+ Giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc của NĐT;

+ Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư trên địa bàn và báo cáo Bộ KH&ĐT;

+ Duy trì, cập nhật Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư đối với lĩnh vực được phân công;

+ Chỉ đạo việc tổ chức, giám sát và đánh giá thực hiện chế độ báo cáo đầu tư.

- Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm theo dõi, hỗ trợ hoạt động đầu tư và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của NĐT Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư.

1.2.2.2. Chính sách thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở

Một là: Thu hút bằng chính sách quảng bá, xúc tiến đầu tư

Xúc tiến đầu tư (XTĐT) là một công cụ nhằm thu hút đầu tư. Hoạt động XTĐT có vai trò quản bá hình ảnh của một đất nước, một địa phương về

môi trường đầu tư sở tại nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư vào địa bàn. XTĐT là một hoạt động KT-XH nhằm mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc thu hút các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và noài nước đến đất nước một đất nước, một địa phương… để đầu tư. Nói cách khác, hoạt động XTĐT thực chất là hoạt động cạnh tranh để marketing trong thu hút đầu tư, thông qua biện pháp tiếp thị tổng hợp của các chiến lược về "sản phẩm", "xúc tiến" và "giá", mà kết quả của nó là nguồn vốn đầu tư thu hút được.

Theo Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy chế QLNN đối với hoạt động XTĐT thì hoạt động XTĐT có 06 nội dung sau: Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư; Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động XTĐT; Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư; Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động XTĐT; Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư; Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về XTĐT; Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, NĐT trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; triển khai dự án sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư; Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về XTĐT.

Để công tác XTĐT đạt hiệu quả cao thì việc quảng bá hình ảnh và hoàn thiện bộ tài liệu XTĐT là rất quan trọng. Philip Kotler cho rằng: "Hình ảnh địa phương là tổ hợp những niềm tin, ý tưởng và ấn tượng mà người ta có về một địa phương đó". Công tác quảng bá hình ảnh có thể tiến hành thông qua trang Website XTĐT; trên sóng phát thanh - truyền hình; trên các tạp chí, báo giấy trung ương và địa phương; Brochure giới thiệu; phim tư liệu,...

Nếu bộ tài liệu XTĐT được xây dựng một cách bài bản, chuyên nghiệp,

thậm chí trả lời trực tiếp với NĐT bằng ngôn ngữ bản địa, giới thiệu các DAĐT bằng những thông tin rõ ràng, đầy đủ thì NĐT sẽ có được cái nhìn toàn diện, thấy được những lợi ích khi tham gia đầu tư, sức hấp dẫn của XTĐT tăng rất nhiều. Bộ tài liệu XTĐT phải đảm bảo yêu cầu: Hấp dẫn, lôi cuốn và tạo ấn tượng tốt; thông tin hữu ích, phù hợp với quan tâm của NĐT; nội dung chọn lọc, ngắn gọn, đầy đủ, đặc biệt cần có "điểm nhấn"; tuyệt đối không có lỗi đánh máy, định dạng và in ấn; các hình ảnh đẹp, thiết kế trình bày đẹp, chuyên nghiệp; in trên giấy chất lượng cao; đa ngôn ngữ - cần có các thứ tiếng của các đối tác đầu tư trọng điểm: Anh, Nhật, Hàn, Hoa,…

i là: Thu hút bằng chính sách tạo môi trường đầu tư

a) Năng c o Chỉ số năng lực cạnh tr nh cấp tỉnh:

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) hợp tác với Cơ quan hợp tác Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ US-Aid công bố chính thức từ năm 2005. PCI do VCCI công bố hàng năm, nhằm đánh giá chất lượng điều hành kinh tế của chính quyền cấp tỉnh trong việc tạo lập môi trường chính sách thích hợp để phát triển kinh tế, bao gồm 10 chỉ số thành phần: Chi phí gia nhập thị trường; tiếp cận đất đai và Sự ổn định trong sử dụng đất; tính minh bạch và tiếp cận thông tin; chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước; chi phí không chính thức; tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp; đào tạo lao động; thiết chế pháp lý và cạnh tranh bình đẳng.

PCI có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với các tỉnh, thành phố trong cả nước, là công cụ thúc đẩy cải cách trong điều hành kinh tế, được chính quyền các tỉnh, thành phố sử dụng để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu trong môi trường kinh doanh của địa phương mình. Ngoài ra, các báo cáo chỉ số PCI là kênh thông tin cung cấp cho lãnh đạo tỉnh có thể biết được đâu là điểm then chốt trong công tác cải cách hành chính của mình, nâng cao trình độ của lãnh

đạo và cán bộ tỉnh, cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút các DAĐT có giá trị cao nhằm duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững. Đối với các doanh nghiệp, các NĐT có thể hình dung sơ bộ được tình hình kinh tế của tỉnh, thành phố, những thuận lợi và khó khăn để có thể dự đoán phát triển trong tương lai; đồng thời có cái nhìn tổng quan về môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh của mỗi địa phương, của cả nước nói chung để quyết định địa điểm đầu tư chính xác, hiệu quả.

b) Cải cách thủ tục hành chính:

Thủ tục hành chính (TTHC) là một loại quy phạm pháp luật quy định trình tự về thời gian, về không gian khi thực hiện một thẩm quyền nhất định của bộ máy nhà nước, là cách thức giải quyết công việc của các cơ quan Nhà nước trong mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức và cá nhân công dân.

Hiện nay, TTHC ở nước ta còn những nhược điểm: Hình thức đòi hỏi quá nhiều giấy tờ, gây phiền hà cho nhân dân; nặng nề, nhiều cửa, nhiều cấp trung gian, rườm rà, không rõ ràng về trách nhiệm; không phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mở cửa và hội nhập. Vì vậy, cải cách TTHC là yêu cầu bức xúc của nhân dân, doanh nghiệp, của các tổ chức và NĐT nước ngoài, là khâu đột phá của tiến trình cải cách hành chính nhà nước. Trong tiến trình phát triển và hội nhập, cải cách TTHC có một vai trò đặc biệt quan trọng. Nếu TTHC nói riêng, nền hành chính nói chung không được hay chậm cải cách thì sẽ là một rào cản kìm hãm sự phát triển KT-XH.

Cải cách TTHC là điều kiện cần thiết để tăng cường củng cố mối quan hệ giữa nhà nước và nhân dân, tăng cường sự tham gia QLNN của nhân dân. Cải cách thủ tục được coi là khâu đột phá trong cải cách nền hành chính nhà nước, nghĩa là để tạo sự chuyển động của toàn bộ hệ thống nền hành chính quốc gia; TTHC là khâu được chọn đầu tiên, cải cách TTHC sẽ gây ra sự chuyển động của toàn bộ hệ thống khi bị tác động.

Những yêu cầu của quá trình cải cách TTHC trong giai đoạn hiện nay của nước ta là: Phải đảm bảo tính thống nhất của hệ thống TTHC; Bảo đảm sự chặt chẽ của hệ thống TTHC; Bảo đảm tính hợp lý của TTHC; Bảo đảm tính khoa học của quy trình thực hiện các TTHC đã ban hành; Bảo đảm tính rõ ràng và công khai của các TTHC; Dễ hiểu, dễ tiếp cận; Có tính khả thi; Bảo đảm tính ổn định cần thiết của quy trình TTHC.

Để đáp ứng yêu cầu trên, cần phải xây dựng những cơ chế thích hợp cho việc thực hiện các TTHC đã ban hành. Ngoài việc ban hành hệ thống các văn bản hợp lý và đơn giản hóa các TTHC, cần thực hiện cải cách TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và tiến tới một cửa liên thông hiện đại, thực hiện giao dịch điện tử rộng rãi và phổ biến; áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, ưu tiên triển khai ISO điện tử; đồng thời phải xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngoài trình độ chuyên môn tốt, cần phải có tinh thần, ý thức, trách nhiệm trong giải quyết các TTHC đối với tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

c) Phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ:

Cơ sở hạ tầng (CSHT) là một bộ phận đặc thù của cơ sở vật chất kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân, có chức năng, nhiệm vụ cơ bản là đảm bảo những điều kiện chung cần thiết cho quá trình sản xuất và tài sản xuất mở rộng được diễn ra bình thường, liên tục. CSHT cũng được xem là tổng thể các cơ sở vật chất, kỹ thuật, kiến trúc đóng vai trò nền tảng cho các hoạt động KT-XH được diễn ra một cách bình thường. CSHT được chia thành hai loại cơ bản là:

- CSHT kỹ thuật: Bao gồm cả hệ thống đường bộ, đường sắt, đường hàng không, cảng biển, mạng lưới cung cấp điện, nước, bưu chính viễn thông và các dịch vụ tiện ích khác như hệ thống ngân hàng, các công ty kiểm toán,

tư vấn...

- CSHT xã hội: Bao gồm hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cho người dân, hệ thống giáo dục và đào tạo, nhà ở cho chuyên gia và công nhân, vui chơi giải trí và các dịch vụ khác.

Kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển KT-XH của mỗi quốc gia cũng như mỗi địa phương. Kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ và hiện đại tạo ra cơ hội thuận lợi để thu hút các DAĐT nói chung và các DAĐT trực tiếp nước ngoài nói riêng, thu hút các nguồn vốn đầu tư đa dạng cho phát triển KT-XH, là điều kiện để phát triển các vùng kinh tế động lực, trọng điểm và từ đó tạo ra các tác động lan tỏa lôi kéo các vùng liền kề phát triển.

d) Đào tạo nguồn nhân lực:

* Nguồn nhân lực: Là nguồn lực về con người được nghiên cứu dưới nhiều khía cạnh. Theo nghĩa hẹp nó bao gồm các nhóm dân cư trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, như vậy nguồn nhân lực tương đương với nguồn lao động. Theo nghĩa rộng nguồn nhân lực gồm những người từ đủ 15 tuổi trở lên, nó là tổng hợp những cá nhân, những con người cụ thể tham gia vào quá trình lao động. Nguồn nhân lực được xem xét trên hai góc độ là số lượng và chất lượng.

* Đào tạo nguồn nhân lực: Là những hoạt động học tập nhằm nâng cao trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, trình độ lành nghề nhằm giúp người lao động thực hiện công việc hiện tại của họ tốt hơn. Hoạt động đào tạo sẽ trang bị những kiến thức thông qua đào tạo mới áp dụng đối với những người chưa có nghề, đào tạo lại áp dụng đối với những người đó có nghề nhưng vì lý do nào đó nghề của họ không phù hợp nữa và đào tạo nâng cao trình độ lành nghề. Trình độ lành nghề của nguồn nhân lực thể hiện mặt chất lượng của sức lao động, nó có liên quan chặt chẽ với lao động phức tạp và

biểu hiện

ở sự hiểu biết về lý thuyết về kỹ thuật sản xuất và kỹ năng lao động, cho phộp người lao động hoàn thành được những công việc phức tạp. Hoạt động đào tạo sẽ hướng vào cá nhân cụ thể và cần tiến hành ngay để đáp ứng nhu cầu hiện tại, thực tế công việc đòi hỏi.

là: Thu hút bằng chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư

a) oạt động hỗ trợ đầu tư:

Hỗ trợ đầu tư là việc nhà nước tạo cơ hội cho phép NĐT được hưởng những điều kiện thuận lợi nhất định về tài chính, hạ tầng kỹ thuật, khoa học công nghệ, thông tin… trong hoạt động đầu tư và hoạt động sản xuất, kinh doanh. Theo Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 thì nhà nước hỗ trợ đầu tư bằng các hình thức sau đây: Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án; Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hỗ trợ tín dụng; Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất ra khỏi nội thành, nội thị; Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

b) Chính sách ưu đãi về thuế:

Chính sách ưu đãi về thuế là một trong những yếu tố không thể thiếu trong tất cả các sắc thuế. Chính sách ưu đãi về thuế không chỉ thể hiện sự quan tâm của nhà nước đối với các đối tượng nộp thuế, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có hành vi ứng xử phù hợp với định hướng của nhà nước trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng hoặc chia sẻ với người nộp thuế khi họ gặp khó khăn chịu thiệt hại ảnh hưởng đến khả năng nộp. Nói cách khác, ưu đãi về thuế là tổng hợp các quy định pháp luật mà theo đó, chủ thể nộp thuế được hưởng những ưu tiên nhất định so với mặt bằng chung trong quan hệ thuế với nhà nước. Do tác động của quá trình hội nhập kinh tế, cạnh tranh giữa các quốc gia ngày càng gay gắt hơn, nên ưu đãi về thuế trở thành một công cụ

quan trọng để tăng sức hấp dẫn thu hút đầu tư.

Hiện nay, các quốc gia thường sử dụng chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập (Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân) để thực hiện mục tiêu điều tiết nền kinh tế xã hội của mình. Thông thường các nước áp dụng chế độ ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập cho các lĩnh vực quan trọng, các ngành mũi nhọn hoặc có lợi thế phát triển và các ngành tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh của từng nước. Nhà nước sử dụng các chính sách ưu đãi về thuế suất và ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế nhằm tác động đến hoạt động đầu tư vốn và tổ chức sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của các doanh nghiệp. Các quốc gia trên thế giới đều xem chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là một trong những công cụ quan trọng để thực hiện mục tiêu điều tiết KT-XH của mình. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là việc nhà nước ưu tiên các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung ứng dịch vụ trong các lĩnh vực, địa bàn, loại hình mà nhà nước khuyến khích phát triển, với những điều kiện thuận lợi hơn về thuế suất, về thời gian miễn, giảm thuế và những vấn đề khác nhằm thu hút đầu tư, hỗ trợ, giúp đỡ các doanh nghiệp đó trong quá trình hoạt động, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển KT-XH.

Việt Nam là một trong các quốc gia đang trong quá trình chuyển đổi cơ cấu, các điều kiện phát triển và nguồn lực về vốn được phân bổ không đồng đều, nên các chính sách, pháp luật ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

c) Chính sách ưu đãi về đất đ i:

Trong thời đại hiện nay, khoa học công nghệ đã dần trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Tuy nhiên đất đai vẫn giữ một vị trí rất đặc biệt, là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, tạo ra nguồn thu cho ngân sách để tái đầu tư

phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong nhiều trường hợp còn được dùng vốn góp trong liên doanh đầu tư, thu hút đầu tư…

Để phát huy được nguồn lực đất đai thì việc đổi mới chính sách ưu đãi đất đai cho phù hợp với đường lối phát triển KT-XH của đất nước nhằm điều chỉnh một cách tốt nhất các quan hệ đất đai là một yêu cầu mang tính thời đại. Vì vậy, chính sách ưu đãi về đất đai có một vị trí hết sức quan trọng, mang tính tổng hợp cả về kinh tế, chính trị và xã hội; bảo đảm hài hòa lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp và người sử dụng đất.

Chính sách ưu đãi về đất đai không chỉ đơn thuần là sự thể chế các chính sách về ưu đãi mà còn đảm bảo về mặt pháp lý cho các quyền ưu đãi của người sử dụng đất trong thực tế. Để nguồn lực đất đai phát triển, ngoài tăng mạnh đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiến tiến cho từng ngành thì việc ban hành chính sách đặc biệt ưu đãi về đất đai phù hợp với tình hình phát triển cụ thể từng địa phương, từng lĩnh vực nhằm tạo động lực để phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững, hiệu quả.

d) Chính sách ưu đãi về tín dụng:

Tín dụng là một phạm trù kinh tế phản ánh mối quan hệ giao dịch giữa hai chủ thể, trong đó một bên chuyển giao một lượng giá trị sang cho bên kia được sử dụng trong một thời gian nhất định, đồng thời bên nhận được phải cam kết hoàn trả theo thời hạn đã thoả thuận.

Ưu đãi tín dụng là việc sử dụng các nguồn lực tài chính do Nhà nước huy động từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, vốn tín dụng thương mại phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh, vốn vay có bảo lãnh của Qũy bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa, Qũy phát triển đất…, cho các doanh nghiệp, tổ chức vay theo một chính sách ưu đãi nhất định, để các doanh nghiệp, tổ chức dùng vào việc phát triển sản xuất kinh

doanh, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức mở rộng quy mô đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, giảm thiểu chi phí kinh doanh, góp phần thực hiện các mục tiêu ổn định và phát triển KT-XH.

Nhà nước thực hiện chính sách ưu đãi về tín dụng thông qua cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức tiếp cận thông tin, tiếp cận và sử dụng các nguồn vốn nêu trên theo các hình thức: Trong khuôn khổ hạn mức tín dụng cho vay đến tổ chức tài chính, tín dụng trong nước; Chính phủ sử dụng làm vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện DAĐT theo hình thức đối tác công tư (PPP); vay lại qua hệ thống ngân hàng thương mại theo phương thức ngân hàng thương mại chịu rủi ro toàn bộ; thông qua việc tham gia thực hiện chương trình, dự án hỗ trợ khu vực tư nhân của cơ quan chủ quản.

đ) Chính sách ưu đãi khác:

Trong hoạt động thu hút đầu tư, thì ngoài những ưu đãi theo quy định chung về đầu tư, đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, tín dụng, nhà nước còn áp dụng những chính sách đặc thù nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, cung ứng dịch vụ tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn hoặc những dự án quy mô vốn đầu tư lớn, có công nghệ cao và có vai trò quan trọng đối với phát triển ngành, lĩnh vực.

1.2.2.3. Hệ thống tổ chức b máy và nhân lực quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở

Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý bao gồm: các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; Văn phòng Ban Quản lý; Văn phòng đại diện tại KCN, KKT (nếu có); đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có).

Số lượng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ không quá 05 phòng với tên gọi như sau: Phòng Kế hoạch tổng hợp; Phòng Quản lý đầu tư; Phòng Quản lý doanh nghiệp; Phòng Quản lý tài nguyên và môi trường (TN&MT);

Phòng Quản lý quy hoạch và xây dựng.

Đối với các địa phương có số lượng lao động làm việc trong KCN, KKT từ 50.000 lao động trở lên, Ban Quản lý được bổ sung, thành lập Phòng Quản lý lao động.

Đối với các địa phương có từ 200 DAĐT trở lên đang hoạt động với tổng đầu tư đăng ký trên 2,5 tỷ USD hoặc 100 DAĐT với tổng số vốn đầu tư đăng ký trên 5,0 tỷ USD trong KCN, KKT, Ban Quản lý được bổ sung, thành lập Phòng Hỗ trợ và giám sát hoạt động đầu tư.

Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Quản lý KKT mở được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

Ban quản lý KKT mở là đơn vị dự toán ngân sách nhà nước, mọi kinh phí cho hoạt động của Ban quản lý KKT mở do ngân sách nhà nước cấp. Các khoản thu do Ban quản lý KKT mở thực hiện theo quy định đều phải nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành. Hằng năm, UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để Ban quản lý KKT mở thực hiện các chương trình, kế hoạch XTĐT vào KKT mở.

1.2.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở

1.2.3.1. Thể chế

Thể chế là các quy tắc chính thức và phi chính thức điều chỉnh hành vi của tổ chức, cá nhân trong xã hội. Thể chế, với tư cách là "luật chơi" điều chỉnh các tương tác, trực tiếp hạn chế, thúc đẩy, định hướng hành vi của con người, ràng buộc sự lựa chọn của tổ chức, cá nhân trong đời sống kinh tế,

chính trị và xã hội. Đây là hệ thống quy tắc phân định vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết bài toán phát triển của cá nhân, cộng đồng và quốc gia, dân tộc.

Thể chế đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế và quá trình phân phối thành quả phát triển của mỗi quốc gia. Thể chế trực tiếp thúc đẩy hoặc cản trở các hoạt động đầu tư, kinh doanh, tạo việc làm, mở rộng sản xuất. Thể chế nào khuyến khích hành vi có lợi cho xã hội, ví dụ khuyến khích cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, hoặc thúc đẩy hợp tác giữa các cá nhân hoặc các nhóm, thì sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và các kết quả mong muốn khác. Những thể chế kém chất lượng, ví dụ có lợi cho tham nhũng, khuyến khích thông đồng, che dấu thông tin công khai hoặc các hành vi làm giảm hiệu suất khác, sẽ làm nản lòng các NĐT và người dân theo đuổi các hoạt động nhằm tăng năng suất, hoặc tạo dư địa cho các hành vi trục lợi. Các thể chế không được xây dựng tốt, sẽ gây ra tình trạng cạnh tranh không lành mạnh và "ép buột" lẫn nhau.

Sự thuận lợi của yếu tố thể chế thể hiện ở quy định của chính quyền trung ương và địa phương và việc thực thi những quy định này của chính quyền địa phương. Yếu tố này được xem là yếu tố vùng, bởi Việt Nam được xem là nền kinh tế chuyển đổi (thể chế địa phương đóng vai trò quan trọng). NĐT nhận thức được sự thuận lợi của yêu tố này sẽ ảnh hưởng đến ý định, hành vi đầu tư của họ, bởi sự thuận lợi của chúng không chỉ giúp tiết giảm chi phí giao dịch, thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch, mà còn cải tiến các yếu tố liên quan đến quá trình kinh doanh. Thực tế cho thấy, thể chế ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh quốc tế của các NĐT như: Quyết định địa điểm, hình thức, quy mô đầu tư và khả năng sống sót của quyết định đầu tư. Cộng hòa Séc, Ba Lan và Hungary là các quốc gia thành công nhất ở Trung

và Đông Âu trong thu hút đầu tư nước ngoài, do họ có tiến bộ hơn trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế theo định hướng thị trường. Quốc gia có chế độ chính sách tương lai dự đoán được, tiến bộ trong cải cách thị trường vốn, quy định về quyền sở hữu, thị trường lao động sẽ hấp dẫn đầu tư hơn. NĐT tại Việt Nam thường chọn địa điểm đầu tư có chính sách hỗ trợ thuận lợi của chính quyền địa phương để phát triển thị trường, tiếp cận nguồn tài nguyên. Chính sách ưu đãi đặc biệt của chính quyền địa phương ảnh hưởng đến sự lựa chọn của NĐT. Quy định của chính quyền địa phương về thuê đất, sự sẵn có của mặt bằng "sạch" sẽ ảnh hưởng đến chi phí, tiến độ triển khai thực hiện và hiệu quả hoạt động của NĐT, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực đòi hỏi mặt bằng sản xuất rộng như: Sản xuất lắp ráp ô tô; du lịch - dịch vụ; đầu tư CSHT; đầu tư KCN, KCX, KCNC. Tuy nhiên, trong thực tế, việc thực thi thể chế địa phương ở Việt Nam (được đo bằng PCI) là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thu hút đầu tư nước ngoài của tỉnh. Các nhân tố để đo lường sự thuận lợi của yếu tố này gồm: Hệ thống luật pháp liên quan đến đầu tư nói chung và đầu tư nước ngoài nói riêng đồng bộ; TTHC đơn giản; chính sách ưu đãi về thuế, tiền thuê đất, giải phóng mặt bằng.

1.2.3.2. Môi trường chính trị - xã h i

Sự ổn định chính trị - xã hội đóng vai rò quyết định đối với việc thu hút đầu tư, luôn là yếu tố hấp dẫn hàng đầu đối với các NĐT nước ngoài vì có ổn định chính trị thì các cam kết của Chính phủ nước chủ nhà với các NĐT về sở hữu vốn, các chính sách ưu tiên định hướng phát triển mới được thực hiện. Đây là những vấn đề được các NĐT quan tâm nhất vì nó tác động mạnh đến các yếu tố rủi ro trong đầu tư, nhất là hoạt động đầu tư nước ngoài là phải chấp nhận mạo hiểm, nhiều khi mạo hiểm và độ rủi ro cao lại đi liền với một tầng suất lợi nhuận cao.

Dòng vốn đầu tư nước ngoài vào các nước đang phát triển không chỉ

được quyết định bởi các yếu tố về kinh tế, mà còn chịu sự chi phối của các yếu tố chính trị. Sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô, kết hợp với các ổn định về chính trị được xem là rất quan trọng. Mối quan hệ rất chặt chẽ giữa ổn định về chính trị với việc thu hút đầu tư nước ngoài.

Ảnh hưởng của môi trường chính trị - xã hội thể hiện rõ ở các nước có nền chính trị ổn định đã thu hút lượng vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng như: Dòng vốn FDI đổ vào Singapore, Malaysia trong hai thập kỷ cuối của thế kỷ 20 nhiều hơn hẳn vào Thái Lan và Philipin; tình hình đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc, Việt Nam trong những năm gần đây cũng ngày càng tăng lên với tốc độ cao. Điều đó cho thấy rằng, giữ ổn định chính trị - xã hội ngày càng trở nên quan trọng hàng đầu trong thu hút đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư nước ngoài và ngay cả khi đã đầu tư vào một nước nào đó mà tình hình chính trị mất ổn định thì khả năng các NĐT phải tính đến là có nên tiếp tục đầu tư hay chuyển đến một nơi khác an toàn hơn. Kinh nghiệm cho thấy, nhiều quốc gia có lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, thị trường rộng lớn nhưng lại gặp khó khăn về thu hút vốn đầu tư chủ yếu là do xung đột về chính trị, quân sự. Vì vậy, sự ổn định về chính trị là yếu tố đầu tiên để NĐT xem xét quyết định có đầu tư hay không.

1.2.3.3. Các yếu tố kinh tế

- Nhân tố thị trường:

Qui mô và tiềm năng phát triển của thị trường là một trong những nhân tố quan trọng trong việc thu hút các DAĐT, nhất là đầu tư nước ngoài. Khi đề cập đến qui mô của thị trường, tổng giá trị GDP - chỉ số đo lường qui mô của nền kinh tế - thường được quan tâm. Qui mô thị trường là cơ sở quan trọng trong việc thu hút đầu tư tại tất cả các quốc gia và các nền kinh tế. FDI là hàm số phụ thuộc vào qui mô thị trường của nước mời gọi đầu tư. Nhằm duy trì và mở rộng thị phần, các công ty đa quốc gia (MNEs) thường thiết lập các nhà

máy sản xuất ở các nước dựa theo chiến lược thay thế nhập khẩu của các nước này. Các nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng, mức tăng trưởng GDP cũng là tín hiệu tốt cho việc thu hút đầu tư. Bên cạnh đó, nhiều NĐT với chiến lược "đi tắt đón đầu" cũng sẽ mạnh dạn đầu tư vào những nơi có nhiều kỳ vọng tăng trưởng nhanh trong tương lai và có các cơ hội mở rộng ra các thị trường lân cận. Khi lựa chọn địa điểm để đầu tư, các NĐT cũng nhắm đến những vùng tập trung đông dân cư - thị trường tiềm năng của họ.

- Nhân tố lợi nhuận:

Lợi nhuận thường được xem là động cơ và mục tiêu cuối cùng của NĐT. Trong thời đại toàn cầu hóa, việc thiết lập các cơ sở sản xuất ở nước ngoài được xem là phương tiện rất hữu hiệu của các NĐT trong việc tối đa hóa lợi nhuận. Điều này được thực hiện thông qua việc thiết lập các mối liên kết chặt chẽ với khách hàng và thị trường, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, chia sẽ rủi ro trong kinh doanh và tránh được các rào cản thương mại. Tuy vậy trong ngắn hạn, không phải lúc nào lợi nhuận cũng được đặt lên hàng đầu để cân nhắc.

- Nhân tố về chi phí:

Nhiều nghiên cứu cho thấy, phần đông các NĐT đầu tư vào các nước, các vùng là để khai thác các tiềm năng, lợi thế về chi phí. Trong đó, chi phí về lao động thường được xem là nhân tố quan trọng nhất khi ra quyết định đầu tư. Thực tiễn cho thấy, đối với các nước đang phát triển, lợi thế chi phí lao động thấp là cơ hội để thu hút FDI trong các thập kỷ qua. Khi giá nhân công tăng lên, đầu tư nước ngoài có khuynh hướng giảm rõ rệch. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư trực tiếp ở nước ngoài cho phép các công ty tránh được hoặc giảm thiểu các chi phí vận chuyển và do vậy có thể nâng cao năng lực cạnh tranh, kiểm soát được trực tiếp các nguồn cung cấp nguyên nhiên vật liệu với giá rẻ, nhận được các ưu đãi về đầu tư và thuế, cũng như các chi phí sử dụng

đất. Ngoài ra, cũng cần nhấn mạnh đến động cơ đầu tư ra nước ngoài là nhằm tránh ảnh hưởng của hàng rào quan thuế và phi quan thuế, cũng như giúp giảm thiểu đáng kể chi phí xuất nhập khẩu. Tại Philippines, hoạt động đầu tư trên nhiều lĩnh vực khác nhau cho thấy vị trí địa lý, chi phí nhân công thấp và thị trường nội địa là ba nhân tố cơ bản có tính quyết định đến việc thu hút đầu tư nước ngoài vào các vùng khác nhau quốc gia này. Trong khi đó, những nhân tố quan trọng nhất giúp thu hút đầu tư nước ngoài vào các địa phương của Thái Lan là chi phí nhân công thấp, các điều kiện ưu đãi đầu tư của chính quyền địa phương và sự sẵn có về tài nguyên thiên nhiên.

1.2.3.4. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, nguồn tài nguyên

Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, nguồn tài nguyên thiên nhiên có tầm quan trọng to lớn trong việc thành công hay thất bại việc xây dựng KKT mở. Việc xác định đúng vị trí để xây dựng các KKT mở có ý nghĩa quyết định 50% sự thành công, 50% còn lại phụ thuộc vào vai trò còn lại của các nhân tố khác.

- Vị trí địa lý: Là đặc thù riêng, không thể sao chép, góp phần tạo nên sự thuận lợi của yếu tố vùng; là môi trường đầu tư tự nhiên mà thiên nhiên tạo ra cho con người, điều kiện đó thỏa mãn các yêu cầu của sự phát triển ngày càng nhiều thì sự thuận lợi ngày càng lớn và ngược lại. Lợi thế về vị trí địa lý giúp tiết kiệm đáng kể chi phí vận chuyển, dễ dàng mở rộng ra các thị trường xung quanh, khai thác có hiệu quả nguồn nhân lực và thúc đẩy các doanh nghiệp tập trung hóa. Để xác định vị trí cho một KKT mở người ta thường dựa vào nhiều tiêu chí, tuy nhiên về mặt địa lý thì phải hội tụ được các yếu tố cơ bản sau:

+ Trước hết, đó phải là nơi có điều kiện giao thông thuận lợi nhất là cảng biển nước sâu, gần với đường hàng hải quốc tế, nơi thông thương với các quốc gia và vùng lãnh thổ về các quan hệ buôn bán trao đổi.

+ Trong điều kiện hiện nay, khi khoa học công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, các quốc gia trên thế giới hình thành ngày càng nhiều các KKT với các chức năng tổng hợp như các đặc KKT, các KKT mở, các KKT tự do thì yếu tố cảng hàng không đã trở thành tiêu chí không thể thiếu trong sự phát triển của các KKT.

+ Hệ thống đường bộ nối liền giữa các vùng trong một quốc gia hoặc nối liền giữa các quốc gia cũng là nhân tố cần thiết cho sự phát triển. Hệ thống đường bộ bao gồm đường sắt, đường bộ nội vùng và liên vùng.

+ Một điều kiện không kém phần quan trọng nơi xây dựng KKT phải gần với các trung tâm đô thị phát triển hoặc đầu mối thương mại để tiêu thụ hàng hóa, cung cấp nguyên, nhiên vật liệu, nguồn lao động và các kết cấu hạ tầng KT-XH khác.

- Tài nguyên thiên nhiên: Sự dồi dào về nguyên vật liệu với giá rẻ cũng là nhân tố tích cực thúc đẩy thu hút đầu tư nước ngoài. Trong trường hợp của Malaysia, nguồn tài nguyên thiên nhiên của nước này có sức hút FDI mạnh mẽ nhất. Các NĐT nước ngoài đổ xô đến nước này là nhắm đến các nguồn tài nguyên dồi dào về dầu mỏ, khí đốt, cao su, dầu cọ, gỗ... Đặc biệt tại các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), khai thác tài nguyên thiên nhiên là mục tiêu quan trọng của nhiều NĐT nước ngoài trong các thập kỷ qua. Thực tế cho thấy, trước khi có sự xuất hiện của Trung Quốc trên lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài, FDI chỉ tập trung vào một số quốc gia có thị trường rộng lớn và nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào.

Tóm lại, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên thuận lợi, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú là yếu tố tác động tích cực đến việc tạo ra lợi nhuận nên thường được quan tâm khảo sát, chọn lựa kỹ càng trước khi quyết định đầu tư. Vị trí đầu tư lý tưởng là vị trí đáp ứng được nhiều nhất các yếu tố nêu trên.

1.2.3.5. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã h i

Từ hoạt động thực tiễn, nhiều NĐT nước ngoài đi đến nhận xét: "Ưu đãi thuế cũng tốt nhưng không tốt bằng cải thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội và đơn giản hóa thủ tục đầu tư". Bởi lẽ, hoạt động kinh tế, hoạt động đầu tư bao giờ cũng tồn tại trong một môi trường KT-XH nhất định. Môi trường xã hội gắn với một cộng đồng người với những phong tục tập quán, lối sống, có thể bao gồm nhiều dân tộc, tộc giáo, tín ngưỡng khác nhau. Môi trường kinh tế phụ thuộc vào nhiều nhân tố như tài nguyên thiên nhiên, cơ cấu kinh tế… trong đó kết cấu hạ tầng kinh tế đóng vai trò quan trọng.

Do vậy, chỉ khi xây dựng được một kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ, phù hợp, thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì mới có thể thu hút các DAĐT nói chung và các DAĐT trực tiếp nước ngoài nói riêng.

Hệ thống hạ tầng đồng bộ, chất lượng tốt sẽ tác động trực tiếp đến hiệu quả đầu tư, làm giảm chi phí đầu tư, tăng khả năng cạnh tranh, do đó sẽ mang lại lợi nhuận cao, đáp ứng được mục tiêu của các NĐT. Một hệ thống CSHT kỹ thuật hoàn chỉnh (bao gồm cả hệ thống đường bộ, đường sắt, đường hàng không, mạng lưới cung cấp điện, nước, bưu chính viễn thông và các dịch vụ tiện ích khác), là điều mong muốn đối với mọi NĐT.

Nói đến CSHT kỹ thuật không chỉ nói đến đường sá, cầu cống, kho tàng, bến bãi... mà còn phải kể đến các dịch vụ hỗ trợ khác như hệ thống ngân hàng, các công ty kiểm toán, tư vấn... Thiếu sự hỗ trợ cần thiết của các hoạt động này, môi trường đầu tư cũng sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Ngoài ra, hiệu quả hoạt động của các cơ sở công nghiệp địa phương, sự có mặt của các ngành công nghiệp hỗ trợ, sự tồn tại các đối tác tin cậy để các NĐT có thể liên doanh liên kết cũng là những yêu cầu rất quan trọng.

Ngoài CSHT kỹ thuật, môi trường thu hút đầu tư còn chịu ảnh hưởng khá lớn của CSHT xã hội. CSHT xã hội bao gồm hệ thống y tế và chăm sóc

sức khỏe cho người dân, hệ thống giáo dục và đào tạo, nhà ở cho chuyên gia và công nhân, vui chơi giải trí và các dịch vụ khác để các NĐT yên tâm làm việc lâu dài. Ví dụ, Singapore còn cho phép các NĐT và gia đình họ cư trú dài hạn hoặc nhập quốc tịch Singapore khi đầu tư vào đây với một số vốn theo quy định, coi đó như một chính sách đòn bẩy.

Vì vậy, quan tâm đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại là một trong những mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong việc phát triển kinh tế ở một quốc gia hay trong một khu vực kinh tế.

1.2.3.6. Nguồn nhân lực

Sự sẵn có của nguồn lao động phổ thông, lao động có kỹ năng chất lượng cao, chi phí lao động rẽ hay tính kỷ luật cao của người lao động sẽ góp phần tạo nên sự thuận lợi của yếu tố vùng.

Khi quyết định đầu tư một cơ sở sản xuất mới ở một nước đang phát triển, các NĐT nước ngoài thường nhắm đến việc khai thác nguồn nhân lực trẻ và tương đối thừa thãi ở các nước này. Thông thường nguồn lao động phổ thông luôn được đáp ứng đầy đủ và có thể thỏa mãn yêu cầu của các công ty. Tuy vậy, chỉ có thể tìm được các nhà quản lý giỏi, cũng như cán bộ kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm ở các thành phố lớn. Động cơ, thái độ làm việc của người lao động cũng là yếu tố quan trọng trong việc xem xét, lựa chọn địa điểm để đầu tư.

1.3. Một số kinh nghiệm quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào các khu kinh tế mở

1.3.1. Những kinh nghiệm quốc tế nói chung

Nếu như năm 1975 mới chỉ có 665 các mô hình KKT được thành lập ở 19 quốc gia, đến nay đã có trên 3.500 KKT được thành lập ở 135 quốc gia, tạo ra hơn 68 triệu việc làm trực tiếp và thu hút được hơn 500 tỷ USD từ giá trị gia tăng liên quan đến thương mại… Các KKT là khu vực KT-XH tổng

hợp, được phân định ranh giới địa lý rõ ràng, thuộc chủ quyền của một quốc gia, song có tư cách độc lập tương đối trong quan hệ với bên ngoài KKT và quốc gia; có quyền tự chủ cao và có cơ chế quản lý hành chính và kinh tế hiện đại, tự do, hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới nhằm tạo ra những ưu thế vượt trội. Theo đó, đặc KKT gồm có những ưu thế cơ bản sau:

Thứ nhất, là khu vực có lợi thế so sánh về địa lý, có cảng biển quốc tế hoặc rất gần các cảng biển quốc tế, gần các tuyến giao thông quan trọng của đất nước; có nhiều tiềm năng phát triển toàn diện KT-XH.

Thứ hai, phải có hệ thống thể chế hành chính, kinh tế theo đúng chuẩn mực quốc tế có tính phổ quát cho các KKT tự do, bao gồm: Một hàng rào bảo hộ bằng 0, thuế xuất nhập khẩu bằng không, bãi bỏ mọi hàng rào phi thuế quan; miễn thị thực nhập cảnh cho mọi du khách du lịch, buôn bán, kinh doanh; cho phép tự do kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực trừ một số lĩnh vực cấm; cho phép thực thi chế độ tự quản về hành chính; đảm bảo sự độc lập của ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp, Chính phủ chỉ nắm quyền thống nhất quản lý về an ninh, quốc phòng và đối ngoại.

Thứ ba, là cánh cửa mở đối với thế giới bên ngoài; nơi thử nghiệm các ý tưởng cải cách, đổi mới…

Với những ưu thế đó, các nước trên thế giới đã linh hoạt áp dụng vào thực tiễn của mình và xây dựng nên một số mô hình KKT khác nhau. Trong đó, có 3 mô hình nổi bật như: Mô hình KKT tự do và khu mậu dịch tự do; mô hình đặc KKT; và mô hình đặc khu hành chính, khu tự trị.

1.3.2. Những kinh nghiệm củ Trung Quốc

Năm 1979 và 1980 Trung Quốc thiết lập 04 đặc KKT là Thẩm Quyến, Chu Hải, Hạ Môn và Sán Đầu. Chính phủ Trung Quốc tuyên bố đây là bốn "phòng thí nghiệm" về chính sách mở cửa. Bốn thí điểm này đã thành công đến mức hiện nay ước tính Trung Quốc có hơn 1.000 KKT mở, bao gồm cả

các mô hình thế hệ thứ hai là các khu phát triển kinh tế công nghệ. Các quyết tâm thí điểm của Trung Quốc được thể hiện ở các điểm sau:

- Chọn bốn địa phương làm nơi thí điểm các chính sách mở cửa mang tính đột phá mạnh mẽ. Các chính sách của Trung Quốc dành cho các đặc KKT là những chính sách trọn gói, mang tính đột phá cho khu vực lớn và nhất quán trong thời gian dài.
- Trong việc thu hút đầu tư vào các đặc KKT, Trung Quốc xác định hai mục tiêu chính là thu hút vốn FDI là nguồn vốn đầu tư chủ lực và thúc đẩy xuất khẩu, với các quyết định đầu tư dựa theo cơ chế thị trường thay vì vào kế hoạch hóa. Các khu đều có qui chế tự do cho các dòng vốn chảy vào và dòng lợi nhuận chuyển ra.
- Việc chọn địa điểm xây dựng các đặc KKT của Trung Quốc thể hiện rõ ý định marketing đầu tư với mục tiêu thu hút đầu tư bên ngoài: Thâm Quyến thu hút đầu tư từ Hồng Kông; Chu Hải thu hút đầu tư từ Macao; Hạ Môn thu hút đầu tư từ Đài Loan và Sán Đầu hướng đến cộng đồng người Hoa nói chung ở nước ngoài, vì là nơi có mật độ người Hoa sống ở nước ngoài rất cao.

Kết quả có thể thấy là trong 10 năm đầu, hơn 80% vốn đầu tư vào Thâm Quyến là từ Hồng Kông; hơn hai phần ba vốn đầu tư vào Hạ Môn là từ Đài Loan (hoặc trực tiếp từ Đài Loan hoặc từ Đài Loan đi thông qua Hồng Kông).

- Chính phủ Trung Quốc đặt ra mức cố định trung hạn và dài hạn về thu nộp ngân sách cho trung ương từ các đặc KKT, tất cả số thu còn lại trên địa bàn các đặc KKT được quyền giữ lại và sử dụng để đầu tư phát triển.

1.3.3. Những kinh nghiệm củ Ấn Độ

Mô hình KCX đã có ở Ấn Độ từ năm 1965. Mô hình KCX của Ấn Độ có quy mô nhỏ hơn nhiều so với mô hình đặc khu của Trung Quốc, trong các

khu đó không bao gồm khu dân cư và do vậy dễ quản lý hơn. Tuy nhiên các KCX ở Ấn Độ đã không thành công và kém xa Trung Quốc và có các đặc điểm cơ bản sau:

- Trong việc thu hút đầu tư, Ấn Độ đề ra nhiều mục tiêu đa dạng, có khi các mục tiêu còn mâu thuẫn lẫn nhau.
- Chính sách của Ấn Độ dành cho các KCX là những chính sách nhỏ lẻ mang tính chất giải pháp tình thế, nên môi trường kinh doanh không nhất quán và thiếu độ tin cậy cần phải có đối với các NĐT chiến lược.
- Các mục tiêu marketing thu hút đầu tư của Ấn Độ không được rõ ràng như Trung Quốc. Tuy Chính phủ đưa ra các ưu đãi đặc biệt để thu hút các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước, nhưng các KCX thường đặt tại những địa phương nghèo nơi không có đủ nguồn vốn trong nước.

1.3.4. Kinh nghiệm đối với Khu kinh tế mở tại Việt N m

KKT mở ở Việt Nam (xét về cơ cấu kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, trình độ lao động, trình độ quản lý…) có xuất phát điểm không khác nhiều so với các khu thí điểm của Trung Quốc và Ấn Độ, nên bài học kinh nghiệm của hai nước này có thể giúp ích cho Việt Nam. Nghiên cứu và vận dụng sáng tạo hướng đi và cách tiếp cận của các đặc KKT Trung Quốc có thể giúp Việt Nam thành công.

Việc hình thành các KKT với thể chế kinh tế có sức cạnh tranh trong điều kiện kinh tế còn nhiều diễn biến khôn lường là một công việc mang tính đột phá, đòi hỏi quyết tâm cao. Từ thực tế nghiên cứu tiến trình xây dựng và cách làm của các KKT thành công trên thế giới nói chung và của Trung Quốc, Ấn Độ nói riêng, có thể rút ra những bài học và vấn đề Việt Nam cần lưu ý trong quá trình thành lập, quản lý, vận hành và triển khai thu hút đầu tư vào các KKT trong hiện tại cũng như sắp diễn ra trong thời gian tới:

Thứ nhất, hình thức KKT tự do nhằm tạo thuận lợi cho các tập đoàn

kinh tế lớn hội tụ và hoạt động trong điều kiện toàn cầu hóa. Nó không những không mất đi mà tiếp tục có sức hấp dẫn lớn và tạo những đột phá cả về quy mô kinh tế lẫn không gian lãnh thổ.

Thứ hai, các KKT nói chung và KKT tự do nói riêng đều tập trung khai thác triệt để các thế mạnh, nhất là về vị trí địa lý, về điều kiện KT-XH…

Thứ ba, các KKT thành công đều có chung những điểm sau: Thể chế hiện đại, áp dụng luật pháp quốc tế, nguồn lực phát triển đa dạng và mức độ tập trung cao, thời gian xây dựng ngắn, trở thành nơi hội tụ của đông đảo các công ty hàng đầu thế giới…

Tóm lại, các KKT là thể chế đặc biệt tích hợp tối ưu các lợi thế và huy động có hiệu quả các nguồn lực phát triển dưới áp lực cạnh tranh quốc tế và toàn cầu hóa. Việt Nam có nhiều lợi thế và điều kiện để thành lập các KKT, tuy nhiên để thu hút có hiệu quả nguồn lực bên trong lẫn bên ngoài, tạo động lực phát triển phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cần lưu ý một số vấn đề sau:

M t là, cần có sự chỉ đạo tập trung thống nhất, nhất quán từ trung ương với các mục tiêu marketing thu hút đầu tư rõ ràng, có chiều sâu. Mặc dù, việc thừa hành có thể ủy thác cho chính quyền địa phương nhưng xét về tính chất và quy mô thì luôn là vấn đề quốc gia.

Hai là, cần sớm xây dựng Luật đặc KKT hoặc luật đặc biệt cho từng KKT với những chính sách trọn gói, thông thoáng, phù hợp với thông lệ quốc tế và mang tính đột phá cho khu vực lớn và nhất quán trong thời gian dài.

Ba là, cần đẩy mạnh công tác XTĐT, bởi thước đo quan trọng nhất trong quá trình hình thành các đặc khu là sự quan tâm và đầu tư của các NĐT lớn trên thế giới.

Bốn là, việc hình thành bộ máy triển khai khởi sự công việc với đội ngũ các chuyên gia có năng lực và chuẩn bị nguồn lực đẳng cấp quốc tế cho sự

vận hành các KKT trong tương lai là điều kiện không thể thiếu đối với sự ra đời và phát triển các KKT…

Tiểu kết Chương 1

Như vậy, trong chương 1, đề tài tập trung nghiên cứu hệ thống lý luận về KKT mở, thu hút DAĐT, nội dung QLNN về thu hút DAĐT vào KKT mở: Hệ thống thể chế chính sách, hệ thống tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, chi phí tài chính công và các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN về thu hút DAĐT vào KKT mở.

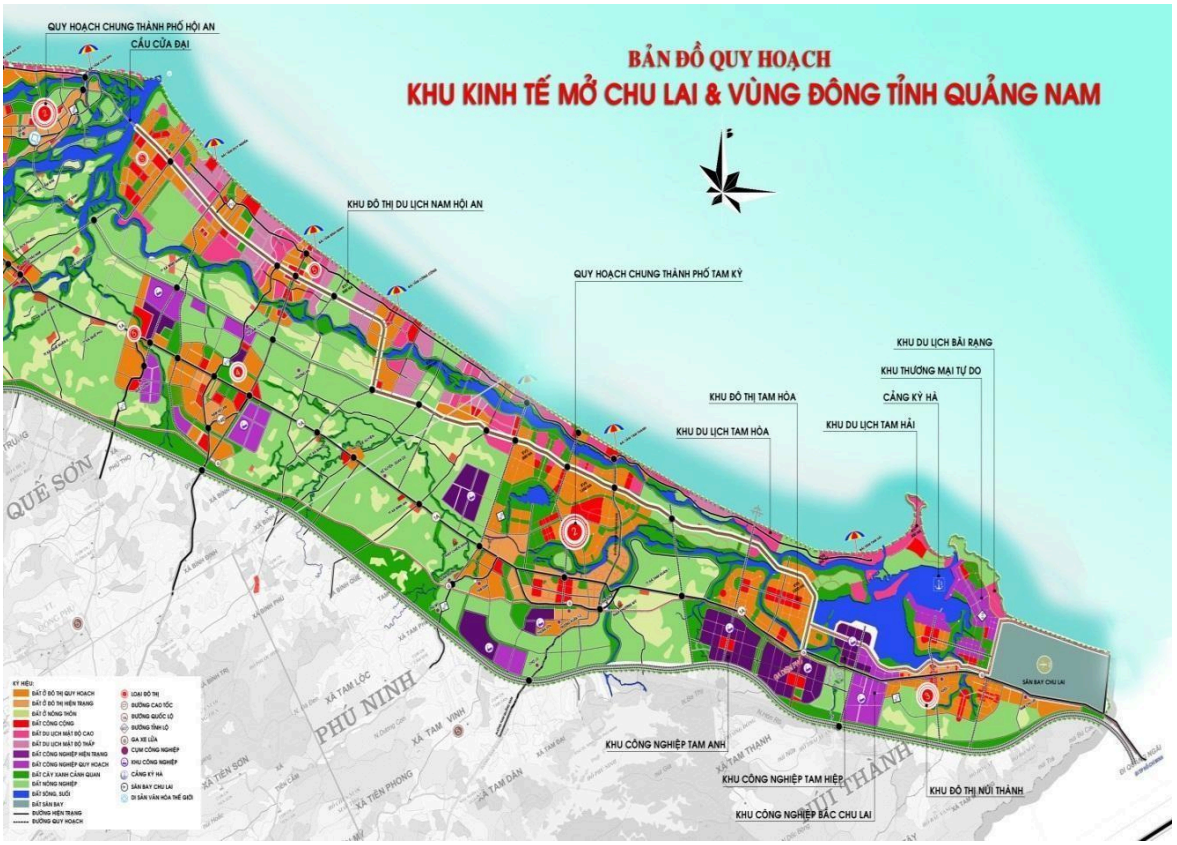
Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dich vu viết luân văn thac sỹ uy tín, giá cả phải chăng

Chương 2
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI, TỈNH QUẢNG NAM

2.1. Đặc điểm, tiềm năng phát triển và vai trò của Khu kinh tế mở chu lai

2.1.1. Đặc điểm Khu kinh tế mở Chu Lai

* KKT mở Chu Lai là khu vực có: ranh giới địa lý xác định thuộc lãnh thổ và chủ quyền của quốc gia; không gian kinh tế riêng biệt với môi trường đầu tư, kinh doanh đặc biệt thuận lợi và bình đẳng; chính sách ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài và cơ chế quản lý thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các NĐT trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.



Hình 2.1: Bản đồ quy hoạch tổng thể Khu kinh tế mở Chu Lai

Nguồn: Ban Quản lý KKT mở Chu Lai 2016.

* KKT mở Chu Lai có vị trí địa lý chiến lược:

KKT mở Chu Lai có vị trí địa lý được xác định theo tọa độ địa lý từ 108°26'16" đến 108°44'04" độ kinh Đông và từ 15°23'38" đến 15°38'43" độ vĩ Bắc và có vị trí địa lý rất thuận lợi để kết nối với các địa phương khác của Việt Nam và các khu vực khác trên thế giới. Nằm ở trung độ của Việt Nam và trung tâm của ASEAN, cách thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh khoảng 1giờ bay; trong bán kính 3.000 km là trung tâm của các vùng kinh tế năng động nhất khu vực Đông Á như Singapore, Hồng Kông, Thượng Hải, Thâm Quyến, Hàn Quốc, Nhật Bản; trong vòng 4 giờ bay sẽ tiếp cận đến 12 sân bay lớn nhất khu vực châu Á Thái Bình Dương. Các NĐT, các doanh nhân trên thế giới xem xét KKT mở Chu Lai là điểm đến hấp dẫn, nơi dung hòa giữa đất trời và con người, đáng để ở lại lập nghiệp lâu dài.

* KKT mở Chu Lai có tổng diện tích **27.040 ha** theo Quy hoạch chung xây dựng KKT mở Chu Lai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 43/2004/QĐ-TTg ngày 23/3/2004, bao gồm 16 xã, phường, thị trấn thuộc vùng Đông của huyện Núi Thành, thành phố Tam Kỳ của tỉnh Quảng Nam; có ranh giới địa lý được xác định như sau: Phía Đông giáp biển Đông; Phía Tây giáp xã Tam Mỹ, xã Tam Thạnh, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; Phía Nam giáp huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Nam; Phía Bắc giáp huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Đến ngày 15/3/2010, UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 854/QĐ-UBND để giao cho Ban Quản lý KKT mở Chu Lai quản lý thêm Dự án tổng thể sắp xếp dân cư, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại thiên tai vùng ven biển tỉnh Quảng Nam nằm trên địa bàn 08 xã vùng Đông của huyện Duy Xuyên và Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam có tổng diện tích **13.720 ha**. Do đó, hiện nay Ban Quản lý KKT mở Chu Lai đang quản lý tổng diện tích **40.760 ha** đất thuộc vùng Đông tỉnh Quảng Nam.

Về địa hình địa mạo: Khu vực quy hoạch KKT mở Chu Lai là vùng có địa hình đa dạng. Đất đai có dạng cồn cát, đồng bằng và đồi thấp chuyển tiếp từ vùng núi cao phía Tây đất đai được tạo thành do bồi tích sông, biển và quá trình rửa trôi. Độ dốc chung của địa hình từ Tây sang Đông, hướng dốc dần về phía Cảng Kỳ Hà, là vùng cửa sông có mặt nước rộng. Nhìn chung địa hình toàn khu vực bị chia cắt nhiều bởi các sông thuộc lưu vực cửa sông Kỳ Hà.

Điều kiện khí hậu: Nằm trong vùng khí hậu Nam Trung Bộ, khu vực nghiên cứu có khí hậu mùa Đông không lạnh, biên độ nhiệt trong ngày và trong năm đều nhỏ. Một năm chia làm 2 mùa khô, ẩm, là vùng có lượng mưa khá lớn.

Thủy văn và hải văn:

- Thủy văn: Khu vực nghiên cứu chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy văn sông Tam Kỳ, sông là hợp lưu của 10 con sông suối nhỏ tạo thành bắt nguồn từ các dãy núi phía Tây, chảy theo hướng Tây sang Đông xuống dòng chính tại Xuân Bình - Phú Thọ, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, rồi theo hướng Tây Bắc - Đông Nam chảy ra cửa An Hòa (Núi Thành).
- Hải văn: Nhật triều xảy ra trong tháng 10 khong 15 ngày, còn lại đều là bán nhật triều. Mức nước trung bình 1,2m; Cường độ triều lớn là 1,2-2m, triều kém là 0,5m. Tốc độ dòng chảy trung bình 0,2-0,3m/s, tốc độ cực đại 2,5 m/s. Nước dâng khi gió bão lên tới 1,5-3m.

Địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa chấn:

- Địa chất thuỷ văn: Mực nước ngầm xuất hiện ở độ sâu 2-10m. Khi xây dựng các công trình cần lưu ý xử lý
- Địa chất công trình: Khu vực này tương tự khu vực Đà Nẵng - Hội An, là một bộ phận của cấu trúc kiến tạo Caledmi, Quảng Nam - Đà Nẵng đã trải qua thời kỳ phát triển địa chất từ Paleczoi - Kainozoi. Cường độ chịu tải

của đất trung bình đạt khoảng R = 1,5-2,5kg/cm^2.

- Địa chấn: Theo tài liệu của Viện Vật lý địa cầu, khu vực nghiên cứu nằm trong vùng dự báo có thể xảy ra động đất cấp 6. Là khu vực có điều kiện địa hình thuận lợi cho xây dựng, quỹ đất phát triển phong phú. Thoát nước thuận lợi, không bị lũ lụt. Tuy nhiên cần lưu ý điều kiện địa chất thủy văn mực nước ngầm mạch nông, dễ bị nhiễm mặn ảnh hưởng tới nền móng công trình. Là vùng chịu ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới. Điều kiện thời tiết nắng nóng trong các tháng 5-tháng 8.

2.1.2. Tiềm năng phát triển Khu kinh tế mở Chu L i

KKT mở Chu Lai có nhiều tiềm năng, lợi thế và hội tụ đủ các yếu tố phát triển của một KKT tổng hợp: Lợi thế về phát triển sân bay, cảng biển và các ngành kinh tế gắn với sân bay, cảng biển; Lợi thế về sự hình thành và tác động của các ngành công nghiệp mũi nhọn, quan trọng của nền kinh tế; Lợi thế về điều kiện hạ tầng.

Với những điều kiện trên, cùng với những cơ chế chính sách ưu đãi thông thoáng, sự quan tâm của Đảng, Chính phủ và chính quyền tỉnh Quảng Nam là yếu tố quyết định cho sự phát triển và sự thành công của KKT mở Chu Lai.

2.1.3. V i trò củ Khu kinh tế mở Chu L i đối với sự phát triển củ tỉnh Quảng Nam

Trong 13 năm qua, trong điều kiện gặp không ít khó khăn thách thức, vừa thử nghiệm, vừa tìm hướng đi mới, thực tiễn cho thấy được rất nhiều thay đổi của Quảng Nam kể từ khi KKT mở Chu Lai ra đời:

Hệ thống các tuyến đường giao thông kết nối các khu chức năng, đường nối cảng Kỳ Hà, sân bay Chu Lai, đường lên cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đường ven biển quốc gia (giai đoạn 1) đã được đầu tư. Hệ thống bến

cảng Kỳ Hà đã được nâng cấp, đầu tư mới và đưa vào khai thác. Luồng Kỳ Hà đã được nạo vét đảm bảo cho tàu tải trọng từ 10.000 - 20.000 tấn hành thủy, đang tiếp tục nạo vét luồng cho tàu 20.000 - 30.000 tấn. Nhà ga sân bay Chu Lai và hạ tầng kỹ thuật khác cũng đã từng bước khôi phục, đưa vào khai thác tuyến Chu Lai - Hà Nội, Chu Lai - thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại. Hạ tầng các khu dân cư đã được đầu tư kịp thời phục vụ yêu cầu GPMB xây dựng các khu chức năng cũng như triển khai các dự án của các NĐT. Các KCN đã được định hình, trong đó 04 KCN (Tam Hiệp, Bắc Chu Lai, Trường Hải, Tam Thăng) đã và đang đầu tư hạ tầng đồng bộ và tỷ lệ lấp đầy khoảng 80%. Công trình xử lý môi trường tại các KCN, Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam, Trường Cao đẳng nghề, Nhà máy nước và các công trình tiện ích khác đã, đang được đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn. Nhờ vậy, năng lực hạ tầng kỹ thuật - xã hội trong các năm qua từng bước được tăng cường, góp phần quan trọng trong việc thu hút đầu tư, bước đầu tạo ra diện mạo mới cho KKT mở Chu Lai.

Một số ngành đã tạo ra sản phẩm công nghiệp chủ lực, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Nam (ôtô, kính xây dựng, sản phẩm điện tử…), từng bước hình thành diện mạo của một KKT và đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của tỉnh Quảng Nam và vùng kinh tế trọng điểm miền trung, đặc biệt là Khu phức hợp ô tô Chu Lai Trường Hải, đã góp phần vào việc phát triển ngành công nghiệp cơ khí ô tô Việt Nam, một số sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. KKT mở Chu Lai được đánh giá là đạt hiệu quả cao trong 15 KKT đang hoạt động tại Việt Nam, là 1 trong 8 nhóm KKT trọng điểm quốc gia giai đoạn 2016-2020, là đầu tàu kinh tế của tỉnh Quảng Nam.

Đến nay, trên địa bàn KKT mở Chu Lai đã có 118 dự án đã được cấp phép, với tổng vốn đầu tư 2.154,459 triệu USD (32 dự án FDI với tổng vốn

đăng ký hơn 1.069,734 triệu USD, trong đó dự án Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An với vốn đăng ký giai đoạn 1 là 650 triệu USD trong tổng số 4 tỷ USD theo kế hoạch của toàn dự án); 74 dự án đi vào hoạt động với vốn thực hiện 922,897 triệu USD (có 16 dự án FDI, vốn thực hiện hơn 61,856 triệu USD).

Trong năm 2016, tổng thu ngân sách trên địa bàn KKT mở Chu Lai là 15.500 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ năm 2015 (chiếm 75% tổng thu ngân sách tỉnh 21.000 tỷ); tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 79,768 triệu USD; tổng kim ngạch nhập đạt 851,848 triệu USD; tổng số lao động là 20.295 người (tăng khoảng 8.300 lao động so với năm 2015), tập trung chủ yếu lao động làm việc tại các công ty liên quan đến ngành may mặc, dệt, nhuộm tại KCN Tam Thăng và Khu Liên hợp sản xuất và Lắp ráp ô tô Trường Hải. Riêng đối với Khu phức hợp Chu Lai - Trường Hải, tính đến 31/10/2016: sản lượng xe sản xuất 90.000 xe, tăng 52% so với cùng kỳ, sản lượng bán ra đạt 79,970 xe, tăng 45% so với cùng kỳ, trong đó xe tải 34,060 xe, tăng 29%, xe du lịch 43,390 xe, tăng 59% và xe buýt 2,520 xe, tăng 99%;



Hình 2.2: Công ty Sản xuất và lắp ráp Ô tô Chu Lai - Trường Hải

Nguồn: Ban Quản lý KKT mở Chu Lai 2016.

Với những thành quả đạt được trong thời gian qua, quỹ đất phát triển thuận lợi, có hệ thống cảng biển nước sâu (Cảng Kỳ Hà và gần Cảng Dung Quất), có sân bay Quốc tế, có các trục giao thông quốc gia kết nối đã và đang được quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng, cùng với các chính sách ưu đãi của Nhà nước, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai xác định trong giai đoạn 2016- 2020 phải tiếp tục khai thác triệt để các lợi thế, xúc tiến hình thành một số dự án trọng điểm, động lực nhằm phát huy hết tiềm năng sẵn có để đưa KKT mở Chu Lai trở thành KKT năng động và đầu tư hiệu quả.

Hiện nay, với những yếu tố trên cho thấy KKT mở Chu Lai đã có vị trí quan trọng trong quá trình phát triển KT-XH địa phương. Các dự án tại KKT mở Chu Lai đã góp phần quan trọng vào sự phát triển của tỉnh Quảng Nam. Vai trò của KKT mở Chu Lai từng bước được khẳng định trong sự phát triển chung không chỉ của tỉnh Quảng Nam, mà còn của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, thể hiện trên những khía cạnh sau:

Một là, các chỉ tiêu về giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu và nộp ngân sách chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu của tỉnh, tốc độ tăng trưởng bình quân cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của tỉnh.

Hai là, đã tạo ra sản phẩm công nghiệp chủ lực như ôtô, kính xây dựng, sản phẩm điện tử..., góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Nam. Riêng lĩnh vực sản xuất và lắp ráp ô tô đã góp phần vào việc phát triển ngành công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô Việt Nam, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Ba là, tăng thu ngân sách cho tỉnh Quảng Nam, góp phần đưa Quảng Nam vào nhóm tỉnh có số thu cao nhất nước.

Bốn là, tham gia giải quyết việc làm cho nhân dân vùng dự án, góp phần tạo sự ổn định chính trị, xã hội.

Năm là, hiệu quả đầu tư vốn ngân sách cho KKT mở Chu Lai được phát huy tối đa. Theo tính toán cho thấy, một đồng vốn ngân sách đầu tư thu hút được 40 đồng vốn đầu tư của các doanh nghiệp và năm 2011 tạo ra hơn 4 đồng nộp ngân sách.

2.1.4. Tình hình thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai

Bảng 2.1: Số lượng các dự án đang c tại Khu kinh tế mở Chu Lai

Năm	Dự án đầu tư			Vốn đầu tư		
	Số lượng đăng ký	Số lượng thực hiện	Tỷ lệ (%)	Đăng ký (triệu USD)	Thực hiện (triệu USD)	Tỷ lệ (%)
2011	68	46	67,6	5.700	700	12,3
2012	81	56	69,1	5.455	750	13,8
2013	91	64	70,3	1.700	785	46,2
2014	92	67	72,8	1.434	820	57,2
2015	109	70	64,2	1.957,5	907,3	46,4
2016	118	74	62,7	2.154,5	922,9	42,8

Nguồn: Ban Quản lý KKT mở Chu Lai 2016.

Theo số liệu trên ta thấy:

- Số lượng dự án đăng ký và thực hiện qua các năm tăng.

- Số vốn đăng ký giảm mạnh từ năm 2011 đến năm 2014 và tăng trở lại từ năm 2015 và năm 2016. Tỷ lệ vốn thực hiện qua các năm tăng, riêng năm 2015 có giảm do nguyên nhân số vốn đăng ký tăng hơn 523,5 triệu USD so với năm 2014 và năm 2016 có giảm do nguyên nhân số vốn đăng ký tăng hơn 197 triệu USD so với năm 2015.

Bảng 2.2: Cơ cấu dự án đầu tư theo lĩnh vực hoạt động

STT	Lĩnh vực hoạt động	Số dự án đầu tư	Dự án đầu tư nước ngoài	Dự án đầu tư trong nước
1	Ngành công nghiệp	86	26	60
2	Ngành du lịch	14	04	10
3	Ngành thương mại dịch vụ	06	00	06
4	Ngành xây dựng CSHT	12	02	10

Nguồn: Ban Quản lý KKT mở Chu Lai 2016.

Theo số liệu trên ta thấy:

- Số dự án thuộc ngành công nghiệp có tỉ lệ rất lớn là 72,9%;
- Số dự án thuộc ngành du lịch có tỉ lệ nhỏ là 11,9%;
- Số dự án thuộc ngành thương mại có tỉ lệ nhỏ nhất là 5,1%;
- Số dự án thuộc ngành xây dựng CSHT có tỉ lệ nhỏ là 10,2%.

Bảng 2.3: Cơ cấu dự án đầu tư theo tiến độ triển khai thực hiện

STT	Lĩnh vực hoạt động	Số dự án đầu tư	Dự án đầu tư nước ngoài	Dự án đầu tư trong nước
1	Dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh	79	17	62
2	Dự án đang làm thủ tục đầu tư và xây dựng	09	06	03

3	Dự án đang làm thủ tục về đất đai	30	09	21

Nguồn: Ban Quản lý KKT mở Chu Lai 2016.

Theo số liệu trên ta thấy:

- Số dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh có tỉ lệ lớn là 67,0%.
- Số dự án đang làm thủ tục đầu tư và xây dựng có tỉ lệ nhỏ là 7,6%.
- Số dự án đang làm thủ tục về đất đai có tỉ lệ tương đối là 25,4%.

2.2. Thực trạng quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam

2.2.1. Thực trạng hệ thống thể chế, chính sách về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu L i, tỉnh Quảng N m

a) Ưu đãi đầu tư:

- Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài được quyền lựa chọn thực hiện các DAĐT tại KKT mở Chu Lai (trừ những dự án thuộc danh mục lĩnh vực cấm đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư). Các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thuộc KKT mở Chu Lai thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Các DAĐT trong nước và các dự án có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào KKT mở Chu Lai được chấp thuận theo quy trình đăng ký đầu tư và thẩm tra đầu tư với thủ tục đơn giản nhất để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- Các DAĐT vào KKT mở Chu Lai được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng đối với địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn và chính sách áp dụng đối với các KKT theo quy định của pháp luật về đầu tư, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và pháp luật khác liên quan.
- Tất cả các DAĐT của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong KKT mở Chu Lai được: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm, kể từ khi DAĐT bắt đầu hoạt động kinh doanh; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 9 năm tiếp theo;

hưởng các ưu đãi khác về thuế áp dụng đối với địa bàn có điều kiện KT-XH

đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về thuế, pháp luật khác liên quan và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Các NĐT trong nước và nước ngoài được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 55 năm, kể từ ngày bắt đầu hoạt động sản xuất đối với hàng hoá là nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm thuộc diện trong nước chưa sản xuất được, được nhập khẩu để phục vụ sản xuất trong KKT mở Chu Lai.

- Giảm 50% thuế thu nhập đối với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả ngườiViệt Nam và người nước ngoài làm việc tại KKT mở Chu Lai.

- Ngoài những ưu đãi được hưởng theo quy định tại Quy chế này, các DAĐT của các NĐT là các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong KKT mở Chu Lai sau đây được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án:

+ Dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 5 Quy chế KCNC ban hành kèm theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ;

+ Dự án có quy mô lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế xã hội của khu vực sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

- Các tổ chức, cá nhân có công vận động vốn ODA, các DAĐT trực tiếp nước ngoài và các DAĐT trong nước tại KKT mở Chu Lai được thưởng theo Quy chế do UBND tỉnh Quảng Nam ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính.

- Các doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế có DAĐT sản xuất, kinh doanh tại KKT mở Chu Lai thuộc đối tượng được hưởng các loại hình tín dụng ưu đãi của Nhà nước thực hiện theo quy định của

pháp luật hiện hành về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Các NĐT (trừ các đối tượng được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 3 của Luật Đầu tư) được đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu chức năng để cho thuê, cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng trong KKT mở Chu Lai theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở; người nước ngoài thường trú tại Việt Nam và các NĐT nước ngoài được thuê nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở trong KKT mở Chu Lai theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về đất đai.

- Áp dụng chính sách một giá đối với hàng hóa, dịch vụ và tiền thuê đất đối với các tổ chức, cá nhân, không phân biệt trong nước và nước ngoài, có hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại KKT mở Chu Lai.

b) Sử dụng đất trong Khu kinh tế mở Chu l i:

- Căn cứ Quy hoạch chung và kế hoạch sử dụng đất chi tiết hàng năm, 5 năm được phê duyệt, UBND tỉnh Quảng Nam thực hiện việc thu hồi, giao toàn bộ diện tích đất, mặt nước chuyên dùng sử dụng cho các khu chức năng và các mục đích khác để đầu tư xây dựng và phát triển các KCN, KCX, KCNC trong KKT mở Chu Lai.

- Ban Quản lý KKT mở Chu Lai thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định canh, để giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, giao lại đất không thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất cho người có nhu cầu sử dụng đất theo quy định và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả quỹ đất, mặt nước chuyên dùng đã được giao.

- Trường hợp giao lại đất và cho thuê đất mà không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất: Trên cơ sở giá đất và mức miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai quyết định: mức thu

tiền sử

dụng đất, mặt nước chuyên dùng; tiền thuê đất, mặt nước chuyên dùng; mức miễn, giảm tiền thuê đất, mặt nước chuyên dùng đối với từng DAĐT nhằm bảo đảm khuyến khích đầu tư.

- Trường hợp giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất: Trên cơ sở phương án tài chính và giá đất được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai quyết định giao lại đất và cho thuê đất đã được bồi thường giải phóng mặt bằng cho người có nhu cầu sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật đến hàng rào các khu chức năng trong KKT mở Chu Lai; hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong các khu chức năng và tái định canh, tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất; hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình xử lý nước thải và chất thải tập trung của các khu chức năng theo các chương trình hỗ trợ có mục tiêu.

- Các NĐT trong nước và nước ngoài trước khi xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh, các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ - tiện ích công cộng trong KKT mở Chu Lai phải có hồ sơ xin phép Ban Quản lý KKT mở Chu Lai theo quy định của pháp luật về xây dựng.

c) n Quản lý Khu kinh tế mở Chu L i được phép huy động các nguồn vốn s u đây để đầu tư và phát triển:

- Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho tỉnh Quảng Nam để triển khai các DAĐT kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội quan trọng của KKT mở Chu Lai.

- Phát hành trái phiếu công trình đối với những DAĐT xây dựng hạ tầng có quy mô lớn, có vai trò then chốt đối với sự phát triển của KKT mở

Chu Lai theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu để huy động vốn đầu tư.

- Ưu tiên việc sử dụng các nguồn vốn ODA và vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ tiện ích công cộng cần thiết của KKT mở Chu Lai và các trợ giúp kỹ thuật khác.

- Thu hút vốn đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Xây dựng - Chuyển giao (BT), Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO) và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

- Huy động vốn từ quỹ đất theo quy định của pháp luật về đất đai để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội phục vụ chung cho KKT mở Chu Lai.

- Huy động vốn đầu tư trực tiếp của tổ chức, cá nhân trong nước, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, vốn của các doanh nghiệp có chức năng xây dựng và kinh doanh công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Mở rộng hình thức tín dụng đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng và huy động mọi nguồn vốn dưới các hình thức khác theo quy định pháp luật.

d) Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư vào sản xuất - kinh doanh hàng hoá, dịch vụ trong Khu kinh tế mở Chu L i có quyền:

- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê đất, thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong KKT mở Chu Lai của các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng để xây dựng nhà xưởng, văn phòng và các công trình kiến trúc phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Thuê hoặc mua nhà xưởng, văn phòng, kho bãi đã được xây dựng trong KKT mở Chu Lai để phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ

theo hợp đồng ký kết với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng;

- Sử dụng có trả tiền các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKT mở Chu Lai bao gồm: hệ thống đường giao thông, cảng biển, cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, xử lý nước thải, xử lý chất thải và các dịch vụ chung khác trong KKT mở Chu Lai theo hợp đồng ký kết với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng;

- Hưởng ưu đãi đầu tư và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, thuế, pháp luật khác liên quan và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

đ) Nhà đầu tư (trừ các đối tượng được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 3 củ Luật Đầu tư) thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế mở Chu Lai có quyền:

- Được Ban Quản lý KKT mở Chu Lai cho thuê đất hoặc giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, giao lại đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai để đầu tư xây dựng và kinh doanh toàn bộ hoặc một số hạng mục công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKT mở Chu Lai;

- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê đất, cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong KKT mở Chu Lai cho các NĐT để đầu tư vào sản xuất - kinh doanh hàng hoá, dịch vụ trong KKT mở Chu Lai theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Thu tiền sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng các khu chức năng, các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKT mở Chu Lai do doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh

doanh kết cấu hạ tầng đầu tư theo hợp đồng ký kết với bên thuê;

- Xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi trong KKT mở Chu Lai để bán hoặc cho thuê;

- Định giá cho thuê đất, giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tiền sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKT mở Chu Lai theo thoả thuận của Ban Quản lý KKT mở Chu Lai; định giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng, văn phòng kho bãi và tiền dịch vụ;

- Cho NĐT (trừ các đối tượng được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 3 của Luật Đầu tư) có khả năng về tài chính và kinh nghiệm gọi vốn đầu tư thuê, thuê lại một phần hoặc toàn bộ diện tích đất chưa cho thuê để cho thuê lại đất, gọi vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Hưởng các ưu đãi đầu tư và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, thuế, pháp luật khác liên quan và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2.2.2. Thực trạng triển kh i các chính sách thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu L i, tỉnh Quảng N m

2.2.2.1. Chính sách quảng bá, xúc tiến đầu tư

a) Quảng bá hình ảnh:

Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Nam và Ban quản lý KKT mở Chu Lai đã đề xuất Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương ban hành hoặc tự ban hành một số cơ chế chính sách đặc thù và đẩy mạnh công tác quảng bá, tuyên truyền nhằm đẩy mạnh công tác thu hút các DAĐT vào KKT mở Chu Lai như: Trang website Chu Lai, tuyên truyền quảng bá về KKT mở Chu Lai trên truyền hình, phát trên sóng QRT, VTV1, VTV2, VTV3…, trên các tạp chí, báo giấy trung ương và địa phương; xây dựng Brochure KKT mở Chu Lai, phim tư liệu về KKT mở Chu Lai...

Tuy nhiên vẫn còn một số khó khăn làm cho việc đầu tư vào KKT mở Chu Lai bị hạn chế, cụ thể: Cở sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội và dịch vụ tiện ích còn yếu; môi trường đầu tư chưa thực sự được cải thiện mạnh mẽ; đội ngũ cán bộ, công chức của Ban quản lý KKT mở Chu Lai còn thiếu và chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ về thu hút đầu tư, phát triển KKT mở Chu Lai trong giai đoạn mới; hoạt động quảng bá, tuyên truyền trong thu hút vốn đầu tư chưa hoàn thiện.

b) Xúc tiến đầu tư:

Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Nam và Ban quản lý KKT mở Chu Lai đã tổ chức nhiều hoạt động XTĐT như: Tổ chức tiếp xúc, gặp gỡ các tổ chức tư vấn, các NĐT tại các thành phố lớn trong nước; xây dựng các mối quan hệ đầu mối; tổ chức hội thảo XTĐT tại Tp Hồ Chí Minh và Hà Nội; cùng VCCI, Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ KH&ĐT tham gia các đoàn XTĐT ở Mỹ, Châu Âu, Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore...

Tuy nhiên, thực tế các NĐT trong và ngoài nước cho rằng họ vẫn thiếu thông tin về KKT mở Chu Lai, thiếu nhất quán trong chính sách thu hút đầu tư của các cơ quan cấp tỉnh và các tài liệu về XTĐT chưa hoàn thiện. Đồng thời CSHT của Quảng Nam nói chung và KKT mở nói riêng chưa đáp ứng được yêu cầu NĐT; nguồn lao động có chất lượng cao còn thiếu và yếu.

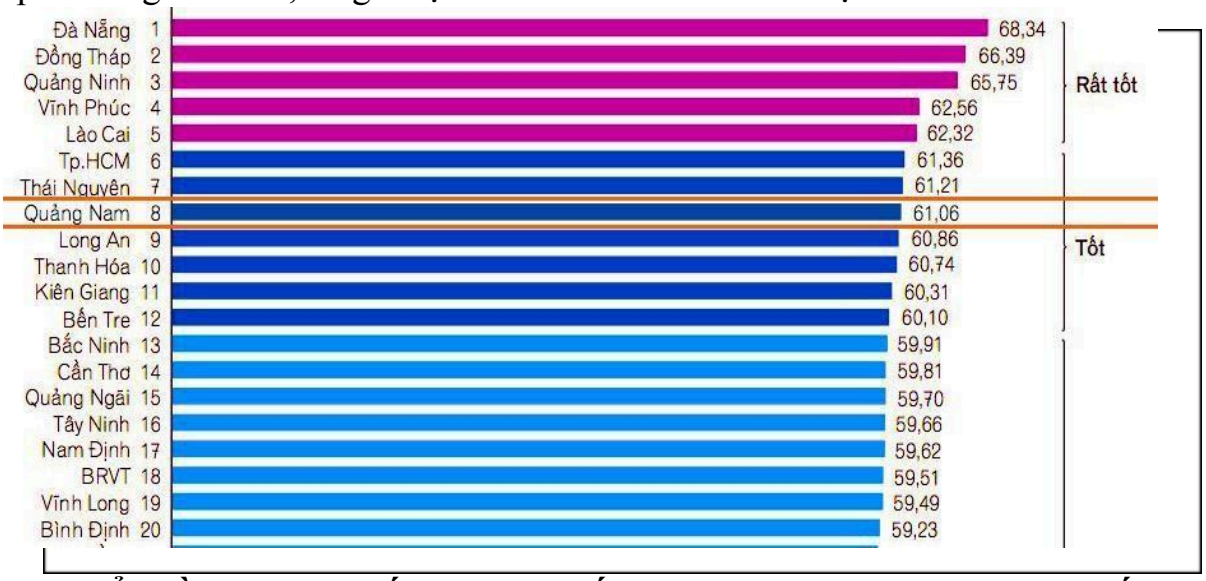
Công tác XTĐT nếu chỉ thực hiện các hoạt động nêu trên thì chưa đáp ứng được yêu cầu, cần phải đổi mới, đa dạng hoá phương thức xúc tiến.

2.2.2.2. Chính sách tạo môi trường đầu tư

a) Góp phần nâng c o chất lượng các chỉ số thành phần trong Chỉ số năng lực cạnh tr nh cấp tỉnh củ tỉnh Quảng N m:

Nhờ triển khai đồng bộ nhiều giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, PCI năm 2015 của tỉnh Quảng Nam phát triển rất tốt, được đánh giá tốt với 61,6 điểm, đứng vị trí thứ 8/63 tỉnh, thành

phố trong cả nước, tăng 6 bậc so với năm 2014 và 19 bậc so với năm 2013.



Biểu đồ 2.1: Bảng xếp hạng chỉ số PCI 2016 của 20 tỉnh, thành phố

Nguồn: Báo cáo về PCI của tỉnh Quảng Nam của VCCI năm 2016.

Bảng 2.7: Bảng thống kê các chỉ số PCI của tỉnh Quảng Nam 2011-2015

CHỈ SỐ	NĂM 2011	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015
1. Gia nhập thị trường	9.13	9.02	8.3	8.58	8.52
2. Tiếp cận đất đai	6.81	5.82	7.4	6.22	6.52
3. Tính minh bạch	6.64	5.72	5.84	6.08	6.11
4. Chi phí thời gian	7.06	7.18	7.41	7.04	7.55
5. Chi phí không chính thức	6.87	7.75	6.99	5.44	6.45
6. Tính năng động	5.76	4.02	6.14	4.78	5.13
7. Hỗ trợ doanh nghiệp	3.66	5.09	4.62	5.94	5.77
8. Đào tạo lao động	4.59	4.73	4.67	5.67	5.76
9. Thiết chế pháp lý	6.01	4.7	6.29	7.07	6.8
10. Cạnh tranh bình đẳng	N/A	N/A	7.46	4.61	4.16
PCI	**63.4**	**60.27**	**58.76**	**59.97**	**61.06**
Xếp hạng	**11**	**15**	**27**	**14**	**8**

Nguồn: Báo cáo về PCI của tỉnh Quảng Nam của VCCI năm 2016.



4-2015

ăm 2016.

phần đã

i nhận có

n; chi phí

ộng. Đặc

ính thức,

ó sự tiến

yếu điểm

nh đó, có 04 chỉ số bị giảm điểm là gia nhập thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp, thiết chế pháp lý và cạnh tranh bình đẳng.

Trong những năm gần đây, qua rà soát tình hình thực hiện một số cơ chế, chính sách đang được áp dụng tại Ban quản lý KKT mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành, tạo hành lang pháp lý thông thoáng, đẩy mạnh cải cách TTHC, đặc biệt là các thủ tục liên quan

đến hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, Quảng Nam còn thành lập các tổ công tác hỗ trợ DAĐT nhằm hướng dẫn, hỗ trợ các chủ đầu tư trong quá trình thực hiện DAĐT trên địa bàn tỉnh, và mới đây nhất đưa vào thực hiện "Chương trình cà phê doanh nhân" đã tạo ra nhiều kênh đối thoại nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Có thể nhìn nhận một cách công tâm thì những nỗ lực, những giải pháp của tỉnh Quảng Nam trong thời gian vừa qua đã bước đầu mang lại hiệu quả, góp phần thăng hạng PCI. Đồng thời, có thể kỳ vọng trong tương lai với những nỗ lực cải thiện không ngừng, Quảng Nam sẽ từng bước nâng cao hơn nữa thứ hạng PCI, phấn đấu để PCI Quảng Nam trong năm 2016 và những năm tiếp theo luôn đứng trong nhóm tỉnh, thành có Chỉ số tốt, qua đó góp phần thu hút được nhiều NĐT trong và ngoài nước đến với Quảng Nam.

b) Cải cách thủ tục hành chính:

Ban quản lý KKT mở Chu Lai đã thành lập bộ phận "một cửa" thực hiện việc tiếp nhận xử lý và giao trả hồ sơ, thủ tục đầu tư theo cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông". Thành lập website KKT mở Chu Lai, thường xuyên cập nhật thông tin để các NĐT tìm hiểu được thuận lợi. Niêm yết công khai quy trình thủ tục đầu tư vào KKT mở Chu Lai tại trụ sở làm việc Ban quản lý KKT mở Chu Lai và cập nhật trên website KKT mở Chu Lai.

Ban quản lý KKT mở Chu Lai luôn chú trọng thực hiện cải cách TTHC và đề cao trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Hằng năm, tiến hành rà soát, cập nhật, thực hiện đơn giản hóa, bãi bỏ các TTHC không cần thiết, tạo mọi thuận lợi và giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân; tiếp tục giảm thời gian và chi phí thực hiện TTHC về thuế, đất đai, xây dựng, thủ tục đầu tư, đổi mới công nghệ... Bên cạnh đó, Ban quản lý KKT mở Chu Lai đẩy mạnh công khai minh bạch TTHC, thời gian giải quyết trên mạng Internet và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan; bố trí, sắp xếp cán bộ,

công chức có năng lực, có trách nhiệm trong hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ, tiếp nhận, xử lý các TTHC; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác QLNN, nhất là trong việc giải quyết TTHC về đầu tư.

Tuy tỉnh Quảng Nam nói chúng và Ban quản lý KKT mở Chu Lai nói riêng đã có nhiều cố gắng trong cải cách TTHC nhưng vẫn chưa được tinh gọn, doanh nghiệp còn phải mất khá nhiều thời gian cho việc thực hiện các TTHC trong đầu tư cũng như trong kinh doanh.

c) oàn thiện, phát triển cơ sở hạ tầng:

KKT mở Chu Lai có điều kiện giao thông thuận lợi với hệ thống đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường biển gắn kết với trục giao thông quốc gia và quốc tế, giúp giảm thiểu chi phí, tăng khả năng cạnh tranh. Trong KKT mở Chu Lai có các tuyến trạm điện 500KV, 220KV, 110KV, 22KV, các trạm biến áp tương ứng; hệ thống thông tin liên lạc; có hệ thống hạ tầng điện, nước, viễn thông, xử lý môi trường đáp ứng tốt mọi yêu cầu của NĐT.

Ban Quản lý KKT mở Chu Lai đang phấn đấu sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Trung ương hỗ trợ, vốn ngân sách tỉnh cấp, nguồn vốn ODA và các chương trình mục tiêu khác, đồng thời tranh thủ tối đa nguồn lực đầu tư từ bên ngoài và đầu tư bằng nhiều hình thức phù hợp theo hình thức PPP để thi công các khu dân cư, khu nghĩa trang vùng đông, trong đó khai thác tối đa nguồn thu từ tài nguyên, quỹ đất, xem đây là nguồn lực tài chính quan trọng có tính chất quyết định đến phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là tạo đủ nguồn vốn để đối ứng vốn cho các dự án lớn.

- Đường bộ: KKT mở Chu Lai nằm trên trục giao thông chính quốc gia với hệ thống đường Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, đường ven biển Đà Nẵng - Hội An - Tam Kỳ, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đường Nam Quảng Nam nối với cửa khẩu quốc tế Bờ Y và cửa khẩu Nam Giang thông thương với các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan. Hiện nay tỉnh Quảng

Nam và Ban Quản lý KKT mở Chu Lai đang tập trung huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng và hoàn thiện các trục giao thông quan trọng các đường ngang nối đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi với đường ven biển, thông tuyến đường ven biển từ Đà Nẵng đến sân bay Chu Lai…

- Đường biển: Cảng Kỳ Hà và cảng Tam Hiệp nằm trong KKT mở Chu Lai, thuộc hệ thống cảng biển quốc gia, gần tuyến hàng hải quốc tế Bắc Nam, cách phao số 0 khoảng 4 km, rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa với các tuyến trong nước và quốc tế. Trong bán kính tối đa 15 km là các KCN, KCX, khu thương mại tự do. Hiện tại cảng tiếp nhận tàu tải trọng 20.000 DWT và đang được đầu tư nạo vét luồng để tiếp nhận tàu tải trọng đến 30.000 DWT. Ngoài ra, các DAĐT tại KKT mở Chu Lai còn được hỗ trợ bởi cảng nước sâu Tiên Sa - Đà Nẵng ở phía Bắc và Cảng Dung Quất - Quảng Ngãi ở phía Nam.

- Đường hàng không: Sân bay Chu Lai thuộc KKT mở Chu Lai có tổng diện tích hơn 2.000 ha và một đường băng tiêu chuẩn (3.050m x 45m), khoảng cách tối đa đến các KCN là 35 km và đến các khu du lịch là 50 km. Hiện có 03 hãng hàng không nội địa là Vietjet Air, Vietnam Air, Jestar Pacific kết nối Chu Lai với Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Buôn Ma Thuột. Đặc biệt, sân bay Chu Lai đang được nghiên cứu lập quy hoạch và đề xuất giải pháp tài chính để xây dựng thành sân bay trung chuyển hàng hóa quốc tế cấp 4F và là trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng máy bay trên cơ sở nguồn vốn tài trợ chính thức của Cơ quan thương mại và phát triển Hoa Kỳ USTDA.

d) Đào tạo nguồn nhân lực:

Đến nay toàn tỉnh có 02 trường Đại học, 05 trường Cao đẳng nghề và hơn 14 cơ sở đào tạo nghề tại Quảng Nam. KKT mở Chu Lai nằm gần các trung tâm đào tạo lớn của miền Trung như Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn nên rất thuận tiện trong việc cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao. Với dân số

đông cùng với cơ chế đào tạo lao động phù hợp như hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ mặt bằng cho doanh nghiệp mở cơ sở đào tạo, kết hợp giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp... đã tạo được nguồn lao động đáp ứng yêu cầu của NĐT về số lượng cũng như chất lượng.

Ở KKT mở Chu Lai, bước đầu đã thu hút được một số doanh nghiệp tham gia dạy nghề, đào tạo nghề, tiêu biểu là Trường Cao đẳng nghề Chu Lai - Trường Hải thuộc Công ty cổ phần ôtô Trường Hải, Trung tâm Đào tạo nghề Giao thông vận tải thuộc Công ty Cổ phần Giao thông vận tải Quảng Nam. Việc doanh nghiệp trực tiếp tham gia dạy nghề dưới các hình thức khác nhau đang ngày càng trở nên phổ biến và có tác dụng tích cực nâng cao trình độ tay nghề và chất lượng lao động; việc gắn kết giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp là phương pháp rất tốt đối với việc cung ứng nguồn lao động chất lượng, có tay nghề cao. Riêng Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ Chu Lai - Trường hải hàng năm đào tạo khoảng 1500 công nhân bậc 3/7 phục vụ cho Khu liên hợp Sản xuất - Lắp ráp ô tô Chu Lai - Trường Hải và các cơ sở khác; liên kết với các trường Đại học trong nước đào tạo khoảng 200 sinh viên đại học thuộc các nhóm ngành kinh tế. Hằng năm, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai thực hiện hỗ trợ khoảng 300.000.000 đồng hỗ trợ cho người lao động mất đất sản xuất do giải phóng mặt bằng để đào tạo chuyển đổi nghề.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác dạy nghề gắn với doanh nghiệp ở Quảng Nam nói chung và KKT mở Chu Lai nói riêng vẫn còn những tồn tại: Số lượng doanh nghiệp tham gia dạy nghề tại Quảng Nam vẫn còn quá ít; danh mục nghề đào tạo của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu nghề nghiệp của thị trường lao động; thiếu lao động kỹ thuật trình độ cao, cung cấp cho các doanh nghiệp thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn, ngành kinh tế trọng điểm, các chương trình, dự án lớn, kể cả cho xuất khẩu lao động; chương trình đào tạo ở nhiều nghề tại các

cơ sở đào tạo nghề vẫn chưa cập nhật đầy đủ những tiến bộ của khoa học công nghệ và thực tế công nghệ sản xuất tại địa phương hay doanh nghiệp; trình độ, năng lực của đội ngũ giáo viên dạy thực hành nghề còn bất cập, đặc biệt là thiếu đội ngũ giáo viên có tay nghề giỏi; thiếu một cơ chế thông tin giữa các cơ quan QLNN, cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp về việc làm - dạy nghề.

2.2.2.3. Chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư

DAĐT tại KKT mở Chu Lai được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư cao nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam về đất đai, mặt bằng, các loại thuế, chính sách tài chính tín dụng, chuyển giao công nghệ, xây dựng nhà ở công nhân... Hiện nay, chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại KKT mở Chu Lai được quy định như sau:

a) Chính sách hỗ trợ đầu tư:

* Hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật dùng chung:

- Đối với DAĐT xây dựng và kinh doanh hạ tầng các khu chức năng trong KKT mở Chu Lai được Nhà nước đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật về giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc đến hàng rào các khu chức năng; hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải, chất thải rắn tập trung của các khu chức năng.

- Đối với các DAĐT sản xuất kinh doanh trong KCN, khu thương mại tự do được đảm bảo hạ tầng giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc đến ranh giới dự án.

- Đối với các dự án khác, tùy theo vị trí dự án sẽ được đầu tư hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cho việc triển khai dự án.

Tùy theo điều kiện ngân sách được Chính phủ và tỉnh Quảng Nam bố trí, mức hỗ trợ cụ thể trong từng trường hợp nêu trên sẽ được quyết định tại thời điểm NĐT triển khai dự án.

* Hỗ trợ chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng:

Tùy theo quy mô và tính chất từng dự án, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai sẽ xem xét hỗ trợ một phần chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, đối với các dự án chưa giải phóng mặt bằng, để dự án nhanh chóng triển khai, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai thỏa thuận với chủ đầu tư ứng trước chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng. Việc hoàn trả các chi phí ứng trước được thực hiện như sau:

Trường hợp dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, nếu thực hiện ứng trước chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án đã được xét duyệt thì được hoàn trả bằng hình thức trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp. Số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt còn lại chưa được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp (nêu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Trường hợp dự án được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án đã phê duyệt được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Ban Quản lý KKT mở Chu Lai chịu mọi chi phí liên quan đến công tác xây dựng các khu tái định cư cho các dự án trên địa bàn KKT mở Chu Lai (trừ các DAĐT kinh doanh khu đô thị).

* Hỗ trợ đầu tư xây dựng khu nhà ở công nhân:

Đối với dự án xây dựng khu nhà ở công nhân trên địa bàn KKT mở Chu Lai, ngoài các cơ chế, chính sách theo quy định của Chính phủ, chủ đầu tư còn được hưởng các hỗ trợ, sau:

- Được hỗ trợ 100% chi phí giải phóng mặt bằng trên khu đất đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng nhà ở công nhân.

- Được sử dụng tối đa 20% quỹ đất ở của dự án theo quy hoạch chi tiết xây dựng nhà ở công nhân để xây dựng công trình kinh doanh thương mại. Việc sử dụng diện tích làm nhà ở thương mại này phải thực hiện đúng theo quy định của Luật Nhà ở và các văn bản liên quan.

- Được hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi dự án theo quy định và hỗ trợ tín dụng đầu tư bằng hình thức: Hỗ trợ 50% lãi suất vay vốn để thực hiện dự án. Trong đó, lãi suất vay được hỗ trợ không được cao hơn lãi suất ngân hàng thương mại quy định. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư dự án và mức hỗ trợ lãi suất vay không quá 40 tỷ đồng/dự án. Tổng mức đầu tư dự án được xác định dựa trên tổng mức đầu tư của Chủ đầu tư nhưng không quá suất đầu tư của dự án do Bộ Xây dựng công bố và được UBND tỉnh thống nhất. Lãi vay được tính theo tiến độ vay vốn đầu tư vào dự án và có hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm và được tính từ khi hoàn thành xong phần xây dựng móng của công trình.

* Hỗ trợ đào tạo lao động trong diện giải tỏa đền bù:

Hằng năm, dựa vào nguồn ngân sách được Trung ương phân bổ, trên cơ sở khảo sát nhu cầu lao động phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai làm đầu mối phối hợp với các ngành, địa phương liên quan và các tổ chức, đơn vị đào tạo nghề để đào tạo cho người lao động thuộc diện giải tỏa, thu hồi đất thuộc địa bàn KKT mở Chu Lai.

* Hỗ trợ giải quyết TTHC:

- Thực hiện cơ chế "một cửa, tại chỗ" đối với các TTHC liên quan đến đầu tư - kinh doanh tại KKT mở Chu Lai theo Quy chế do UBND tỉnh

Quảng

Nam ban hành, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai là cơ quan đầu mối tiếp nhận, giải quyết và phối hợp giải quyết các thủ tục liên quan DAĐT trong suốt quá trình triển khai tại KKT mở Chu Lai như thành lập doanh nghiệp, đăng ký đầu tư, đăng ký mã số thuế, khắc dấu doanh nghiệp v..v. Thời gian thụ lý và hỗ trợ TTHC trong lập và triển khai DAĐT được qui định cụ thể và được niêm yết công khai tại trụ sở và cập nhật nhật trên trang thông tin điện tử của Ban quản lý KKT mở Chu Lai.

NĐT không phải nộp bất kỳ khoản chi phí dịch vụ nào trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư - kinh doanh tại KKT mở Chu Lai, trừ các khoản phí và lệ phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Các cơ quan chức năng liên quan thuộc tỉnh (các Sở, ngành liên quan và UBND huyện, thành phố) có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý KKT mở Chu Lai giải quyết kịp thời các TTHC có liên quan đến đầu tư - kinh doanh tại KKT mở Chu Lai theo yêu cầu của cơ quan đầu mối hoặc của NĐT trong thời hạn quy định tại Quy chế do UBND tỉnh Quảng Nam, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai ban hành.

* Hỗ trợ quảng cáo và giới thiệu sản phẩm: NĐT được miễn toàn bộ chi phí đăng tin, quảng cáo trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý KKT mở Chu Lai kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

b) Chính sách ưu đãi về thuế:

* Thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên DAĐT mới của doanh nghiệp có doanh thu; đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đối với dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận dự án ứng dụng công

nghệ cao.

- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo (trừ các khoản thu nhập không được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật).

- Đối với các dự án cần đặc biệt thu hút đầu tư có quy mô lớn và công nghệ cao thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài thêm, nhưng thời gian kéo dài thêm không quá mười lăm năm.

* Thuế thu nhập cá nhân:

Giảm 50% thuế thu nhập đối với thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công mà cá nhân có được do làm việc tại KKT mở Chu Lai đối với người Việt Nam và người nước ngoài.

* Thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu:

Các DAĐT vào KKT mở Chu Lai được được miễn thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong các trường hợp sau đây:

- Hàng hoá tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định. Hết thời hạn hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm hoặc kết thúc công việc theo quy định của pháp luật thì đối với hàng hoá tạm xuất phải được nhập khẩu trở lại Việt Nam, đối với hàng hoá tạm nhập phải tái xuất ra nước ngoài.

- Hàng hoá là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài mang vào Việt Nam hoặc mang ra nước ngoài trong mức quy định, bao gồm: Hàng hoá là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân người nước ngoài khi được phép vào cư trú, làm việc tại Việt Nam hoặc chuyển ra nước ngoài khi hết thời hạn cư trú, làm việc tại Việt Nam; Hàng hoá là tài sản

di chuyển của tổ chức, cá nhân Việt Nam được phép đưa ra nước ngoài để kinh doanh và làm việc, khi hết thời hạn nhập khẩu lại Việt Nam; Hàng hoá là tài sản di chuyển của gia đình, cá nhân người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài được phép về Việt Nam định cư hoặc mang ra nước ngoài khi được phép định cư ở nước ngoài; hàng hoá là tài sản di chuyển của người nước ngoài mang vào Việt Nam khi được phép định cư tại Việt Nam hoặc mang ra nước ngoài khi được phép định cư ở nước ngoài.

- Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao tại Việt Nam.

- Hàng hoá nhập khẩu để gia công cho phía nước ngoài được miễn thuế nhập khẩu (bao gồm cả hàng hoá nhập khẩu để gia công cho phía nước ngoài được phép tiêu hủy tại Việt Nam theo quy định của pháp luật sau khi thanh lý, thanh khoản hợp đồng gia công) và khi xuất trả sản phẩm cho phía nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu. Hàng hoá xuất khẩu ra nước ngoài để gia công cho phía Việt Nam được miễn thuế xuất khẩu, khi nhập khẩu trở lại được miễn thuế nhập khẩu trên phần trị giá của hàng hoá xuất khẩu ra nước ngoài để gia công theo hợp đồng.

- Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hoá là bưu phẩm, bưu kiện thuộc dịch vụ chuyển phát nhanh có trị giá tính thuế tối thiểu theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của DAĐT vào lĩnh vực được ưu đãi về thuế nhập khẩu hoặc địa bàn được ưu đãi về thuế nhập khẩu, DAĐT bằng nguồn vốn ODA được miễn thuế nhập khẩu, bao gồm:

+ Thiết bị, máy móc;

+ Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ trong nước chưa sản xuất được; phương tiện vận chuyển đưa đón công nhân gồm xe

ôtô từ 24 chỗ ngồi trở lên và phương tiện thủy;

+ Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng;

+ Nguyên liệu, vật tư trong nước chưa sản xuất được dùng để chế tạo thiết bị, máy móc nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với thiết bị, máy móc quy định tại điểm a khoản này;

+ Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

- Giống cây trồng, vật nuôi được phép nhập khẩu để thực hiện DAĐT trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế công nghệ, đổi mới công nghệ.

- Miễn thuế lần đầu đối với hàng hoá là trang thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án được ưu đãi về thuế nhập khẩu, DAĐT bằng nguồn vốn ODA đầu tư về khách sạn, văn phòng, căn hộ cho thuê, nhà ở, trung tâm thương mại, dịch vụ kỹ thuật, siêu thị, sân golf, khu du lịch, khu thể thao, khu vui chơi giải trí, cơ sở khám, chữa bệnh, đào tạo, văn hoá, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, dịch vụ tư vấn.

- Miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí, bao gồm:

+ Thiết bị, máy móc; phương tiện vận tải chuyên dùng cần thiết cho hoạt động dầu khí; phương tiện vận chuyển để đưa đón công nhân gồm xe ôtô từ 24 chỗ ngồi trở lên và phương tiện thuỷ; kể cả linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng gá lắp, thay thế, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng, phương tiện vận chuyển để đưa đón công nhân nêu trên;

+ Vật tư cần thiết cho hoạt động dầu khí mà trong nước chưa sản xuất được;

+ Trang thiết bị y tế và thuốc cấp cứu sử dụng trên các dàn khoan và công trình nổi được Bộ Y tế xác nhận;

+ Trang thiết bị văn phòng phục vụ cho hoạt động dầu khí;

+ Hàng hoá tạm nhập, tái xuất khác phục vụ cho hoạt động dầu khí.

- Đối với cơ sở đóng tàu được miễn thuế xuất khẩu đối với các sản phẩm tàu biển xuất khẩu và miễn thuế nhập khẩu đối với các loại máy móc, trang thiết bị để tạo tài sản cố định; phương tiện vận tải nằm trong dây chuyền công nghệ để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm phục vụ cho việc đóng tàu mà trong nước chưa sản xuất được.

- Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm mà trong nước chưa sản xuất được.

- Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm: máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, phương tiện vận tải trong nước chưa sản xuất được, công nghệ trong nước chưa tạo ra được; tài liệu, sách, báo, tạp chí khoa học và các nguồn tin điện tử về khoa học và công nghệ.

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các DAĐT vào lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn (trừ các dự án sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, điều hòa, máy sưởi điện, tủ lạnh, máy giặt, quạt điện, máy rửa bát đĩa, đầu đĩa, dàn âm thanh, bàn là điện, ấm đun nước, máy sấy khô tóc, làm khô tay và những mặt hàng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ) được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ

ngày bắt đầu sản xuất.

- Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ xe ôtô dưới 24 chỗ ngồi và

xe ôtô có thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng tương đương với xe ôtô dưới 24 chỗ ngồi) do Nhà thầu nước ngoài nhập khẩu theo phương thức tạm nhập, tái xuất để thực hiện dự án ODA tại Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu khi tạm nhập và miễn thuế xuất khẩu khi tái xuất.

c) Chính sách đất đ i:

* Một số quy định chung về đất đai:

- Thời gian thuê đất tối đa tối đa là 70 năm theo quy định của pháp luật Việt Nam về KKT.

- Phương thức nộp tiền thuê đất, tiền sử dụng đất:

+ Hình thức thuê đất: Trường hợp thuê đất trong khu chức năng đã được đầu tư kết cấu hạ tầng thì NĐT thỏa thuận với chủ đầu tư hạ tầng khu chức năng về phương thức nộp tiền thuê đất. Trường hợp thuê đất tại các khu chức năng chưa được đầu tư kết cấu hạ tầng thì NĐT nước ngoài được lựa chọn nộp tiền thuê đất hằng năm hoặc nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và NĐT trong nước nộp tiền thuê đất hằng năm.

+ Hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất: NĐT trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được giao đất thực hiện nộp tiền sử dụng đất một lần.

- Đơn giá giao đất, thuê đất: Đối với DAĐT tại khu chức năng đã đầu tư kết cấu hạ tầng, NĐT thỏa thuận giá thuê lại đất và phí sử dụng hạ tầng với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng. Đối với DAĐT tại khu chức năng chưa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, NĐT được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, thuê mặt nước theo giá đất do UBND tỉnh công bố hằng năm và được hưởng các ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định.

* Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước:

Các DAĐT tại các khu chức năng thuộc KKT mở Chu Lai chưa đầu tư kết cấu hạ tầng được hưởng các ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền

thuê đất, thuê mặt nước, cụ thể như sau:

- Miễn, giảm tiền sử dụng đất:

+ Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án xây dựng ký túc xá sinh viên, xây dựng nhà ở công nhân KCN, KKT; dự án xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh (xã hội hóa) thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao và các trường hợp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

+ Giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp đối với DAĐT thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

+ Giảm 30% tiền sử dụng đất phải nộp đối với các dự án còn lại.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước

+ Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với DAĐT thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; DAĐT xây dựng ký túc xá sinh viên bằng tiền ngân sách nhà nước, xây dựng nhà ở công nhân KCN; dự án xây dựng các công trình công cộng có mục đích kinh doanh (xã hội hóa) thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, khoa học - công nghệ.

+ Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp dự án có nhiều hạng mục công trình hoặc giai đoạn xây dựng độc lập với nhau thì miễn tiền thuê đất theo từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập đó; trường hợp không thể tính riêng được từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập thì thời gian xây dựng được tính theo hạng mục công trình có tỷ trọng vốn lớn nhất.

+ Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày hoàn thành xây dựng đi vào hoạt động đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư.

+ Miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày hoàn thành xây dựng đi vào hoạt động đối với các dự án còn lại.

d) Chính sách tín dụng:

- Hàng năm, Bộ KH&ĐT phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan bố trí vốn từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn ngân sách trung ương cho tỉnh Quảng Nam để triển khai các DAĐT kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội quan trọng của KKT mở Chu Lai;

- Phát hành trái phiếu công trình đối với những DAĐT xây dựng hạ tầng có quy mô lớn, có vai trò then chốt đối với sự phát triển của KKT mở Chu Lai theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu để huy động vốn đầu tư;

- Ưu tiên việc sử dụng các nguồn vốn ODA và vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ tiện ích công cộng cần thiết của KKT mở Chu Lai và các trợ giúp kỹ thuật khác;

- Thu hút vốn đầu tư theo các hình thức BOT, BT, BTO và các hình thức khác vào KKT mở Chu Lai theo qui định của pháp luật;

- Huy động vốn từ quỹ đất theo quy định của pháp luật về đất đai để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội phục vụ chung cho KKT mở Chu Lai;

- Huy động vốn đầu tư trực tiếp của các tổ chức, cá nhân trong nước, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, vốn của các doanh nghiệp có chức năng xây dựng và kinh doanh công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Mở rộng hình thức tín dụng đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng và huy động mọi nguồn vốn dưới các hình thức khác.

đ) Một số chính sách ưu đãi khác:

Ngoài việc được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng đối với địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, những dự án quy mô vốn đầu tư lớn (500 triệu USD trở lên) và có vai trò quan trọng đối với phát triển ngành, lĩnh vực

hoặc có vai trò động lực đối với KKT mở Chu Lai, chính quyền tỉnh Quảng Nam và Ban Quản lý KKT mở Chu Lai sẽ phối hợp với NĐT trình Chính phủ trung ương cho áp dụng những chính sách đặc thù để đảm bảo thu hút đầu tư và triển khai dự án đạt hiệu quả.

Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc, hoạt động kinh doanh tại KKT mở Chu Lai và các thành viên gia đình họ được cấp thị thực xuất nhập cảnh có thời hạn phù hợp với thời hạn làm việc hoạt động đầu tư và kinh doanh tại KKT mở Chu Lai và được cư trú, tạm trú có thời hạn trong KKT mở Chu Lai. Đến tháng 12/2016, Ban quản lý KKT mở Chu Lai đã cấp hơn 1.843 Giấy phép lao động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc, hoạt động đầu tư kinh doanh tại KKT mở Chu Lai.

2.2.3. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thu hút đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu L i, tỉnh Quảng N m

2.2.3.1. Vị trí và chức năng

Ban Quản lý KKT mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh Quảng Nam thực hiện chức năng QLNN trực tiếp đối với KKT mở Chu Lai và tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho các NĐT trong KKT mở Chu Lai; giúp UBND tỉnh QLNN về thực hiện Dự án tổng thể sắp xếp dân cư, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại thiên tai vùng ven biển tỉnh Quảng Nam; quản lý đầu tư xây dựng trong vùng dự án và các nhiệm vụ khác do các cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền.

Ban Quản lý có tư cách pháp nhân; tài khoản và con dấu mang hình quốc huy; sử dụng kinh phí quản lý hành chính nhà nước, kinh phí hoạt động sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển do ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hằng năm; nguồn kinh phí khác theo quy định pháp luật.

2.2.3.2. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Trình UBND tỉnh:

- Quy chế phối hợp làm việc giữa Ban Quản lý với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn và các cơ quan có liên quan khác để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông;

- Đề án quy hoạch, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển KKT mở Chu Lai;

- Kế hoạch hàng năm và 5 năm về phát triển KCN, KKT, phát triển nguồn nhân lực và vốn đầu tư phát triển v.v…

b) Trình Chủ tịch UBND tỉnh:

- Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Ban Quản lý theo quy định của pháp luật;

- Các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh về KKT mở Chu Lai.

c) Giúp UBND tỉnh quản lý việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng, phát triển KKT mở Chu Lai.

d) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, cơ chế, chính sách sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, theo dõi thi hành pháp luật trong KKT mở Chu Lai.

đ) Về quản lý đầu tư:

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các DAĐT vào KKT mở Chu Lai tại các khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng (1/500); quyết định chủ trương đầu tư các DAĐT vào KKT mở Chu Lai tại các khu vực có quy hoạch chi tiết xây dựng (1/500) đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với các DAĐT trong KKT mở Chu Lai theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Đề xuất danh mục DAĐT theo hình thức PPP trong KKT mở Chu Lai; là cơ quan đầu mối quản lý thực hiện các thủ tục, ký kết và thực hiện hợp đồng dự án PPP trong KKT mở Chu Lai;

- Tổ chức hoạt động XTĐT theo kế hoạch được Bộ KH&ĐT, các Bộ, ngành và UBND tỉnh phê duyệt; tham gia các chương trình XTĐT vào KKT mở Chu Lai do Bộ KH&ĐT, các Bộ, ngành và UBND tỉnh tổ chức; hướng dẫn, hỗ trợ NĐT theo thẩm quyền trong quá trình chuẩn bị và triển khai DAĐT; báo cáo định kỳ hoạt động XTĐT tới Bộ KH&ĐT và UBND tỉnh theo Quy chế QLNN về XTĐT;

- Hướng dẫn, hỗ trợ NĐT sau cấp phép; giải quyết khó khăn, vướng mắc của NĐT, đánh giá hiệu quả đầu tư trong KKT mở Chu Lai; định kỳ hàng quý, 06 tháng và hàng năm, gửi báo cáo hoạt động đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh trong KKT mở Chu Lai tới UBND tỉnh và Bộ KH&ĐT theo quy định;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, tiến độ góp vốn và triển khai DAĐT; việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư và việc chấp hành pháp luật về xây dựng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với người lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, phòng chống cháy nổ, an ninh - trật tự, bảo vệ môi trường sinh thái đối với các dự án;

- Phối hợp kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ thực hiện trong KKT mở Chu Lai theo quy định của pháp luật.

e) Về quản lý môi trường:

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

đối với các dự án trong KKT mở Chu Lai khi đảm bảo khu chức năng được đánh giá tác động môi trường và có hệ thống xử lý nước thải theo quy định;

- Tiếp nhận đăng ký và xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cho các đối tượng thuộc diện phải đăng ký trong KKT mở Chu Lai theo ủy quyền của Sở TN&MT và của UBND cấp huyện;

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản của các dự án trong KKT mở Chu Lai theo ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền;

- Tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án đối với các DAĐT trong KKT mở Chu Lai do Ban Quản lý thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý môi trường theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ TN&MT về bảo vệ môi trường KKT, KCN, KCX, KCNC.

g) Về quản lý quy hoạch và xây dựng:

- Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng (1/500) các khu chức năng trong KKT mở Chu Lai nhưng không làm thay đổi chức năng sử dụng khu đất và cơ cấu quy hoạch, báo cáo UBND tỉnh theo dõi;

- Quyết định đầu tư đối với dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công bố trí cho Ban Quản lý hàng năm đầu tư trong KKT mở Chu Lai sau khi được HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

- Tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch chung KCN; nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng trong KKT mở Chu Lai;

- Chủ trì thẩm định các DAĐT nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công

bố trí cho Ban Quản lý hàng năm đầu tư trong KKT mở Chu Lai;

- Chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở của dự án có quy mô từ nhóm B trở xuống sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách; DAĐT xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng từ cấp II trở xuống sử dụng vốn khác đầu tư trên địa bàn KKT mở Chu Lai, trừ các dự án do Sở, Ban, ngành và UBND cấp huyện làm chủ đầu tư;

- Chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình từ cấp II trở xuống thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công bố trí cho Ban Quản lý hàng năm; công trình từ cấp III trở lên thuộc dự án sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách; công trình công cộng từ cấp III trở lên, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng sử dụng vốn khác đầu tư trong KKT mở Chu Lai, trừ các dự án do Sở, Ban, ngành và UBND cấp huyện làm chủ đầu tư;

- Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công bố trí cho Ban Quản lý hàng năm đầu tư trong KKT mở Chu Lai;

- Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy phép xây dựng công trình đối với công trình xây dựng trong KKT mở Chu Lai do Ban Quản lý cấp giấy chứng nhận đầu tư;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý quy hoạch, xây dựng công trình, chất lượng công trình trong KKT mở Chu Lai theo quy định pháp luật về xây dựng và theo phân cấp, ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền.

h) Thực hiện nhiệm vụ QLNN về lao động:

- Tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp trong KKT mở Chu Lai về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được, tổng hợp, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định;

- Tổ chức thực hiện đăng ký nội quy lao động và tiếp nhận thỏa ước lao

động tập thể của các doanh nghiệp trong KKT mở Chu Lai;

- Nhận thông báo về việc cho thôi việc nhiều người lao động của các doanh nghiệp; báo cáo về việc cho thuê lại lao động (số lao động đã cho thuê lại, bên thuê lại lao động, phí cho thuê lại lao động) của doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong KKT mở Chu Lai;

- Nhận báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề hàng năm của doanh nghiệp trong KKT mở Chu Lai.

- Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép lao động cho lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong KKT mở Chu Lai; xác nhận người lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong KKT mở Chu Lai không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thực hiện Hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp trong KKT mở Chu Lai, hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời gian dưới 90 ngày;

- Tiếp nhận khai trình việc sử dụng lao động, báo cáo tình hình thay đổi về lao động; nhận thông báo về việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm của doanh nghiệp trong KKT mở Chu Lai;

- Nhận thông báo về địa điểm, địa bàn thời gian bắt đầu hoạt động và người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong KKT mở Chu Lai;

- Thực hiện các nhiệm vụ quản lý lao động trong KKT mở Chu Lai, bao gồm: bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động, xây dựng quan hệ lao động, giải quyết tranh chấp lao động, đình công theo quy định của pháp luật về lao động hoặc hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

i) Về quản lý thương mại:

- Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và gia hạn Giấy phép thành lập văn

phòng đại diện của tổ chức và thương nhân nước ngoài đặt trụ sở tại KKT mở Chu Lai theo hướng dẫn của Bộ Công Thương;

- Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh, bổ sung mục tiêu kinh doanh đối với hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và NĐT nước ngoài đầu tư vào KKT mở Chu Lai theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Công Thương và ủy quyền của UBND tỉnh;

- Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung các loại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy phép kinh doanh một số mặt hàng thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành cho thương nhân đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại KKT mở Chu Lai theo hướng dẫn của Bộ Công thương;

- Cấp các loại giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong KKT mở Chu Lai theo hướng dẫn, ủy quyền của Bộ Công Thương.

k) Về quản lý đất đai, bất động sản:

- Tiếp nhận đăng ký khung giá đất cho thuê, cho thuê lại đất và phí hạ tầng KCN của NĐT xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN và các chức năng, nhiệm vụ khác về quản lý kinh doanh bất động sản theo quy định;

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ về đất đai quy định tại Điều 151 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và Điều 53 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ về xác định giá đất cụ thể trong KKT mở Chu Lai theo quy định của UBND tỉnh;

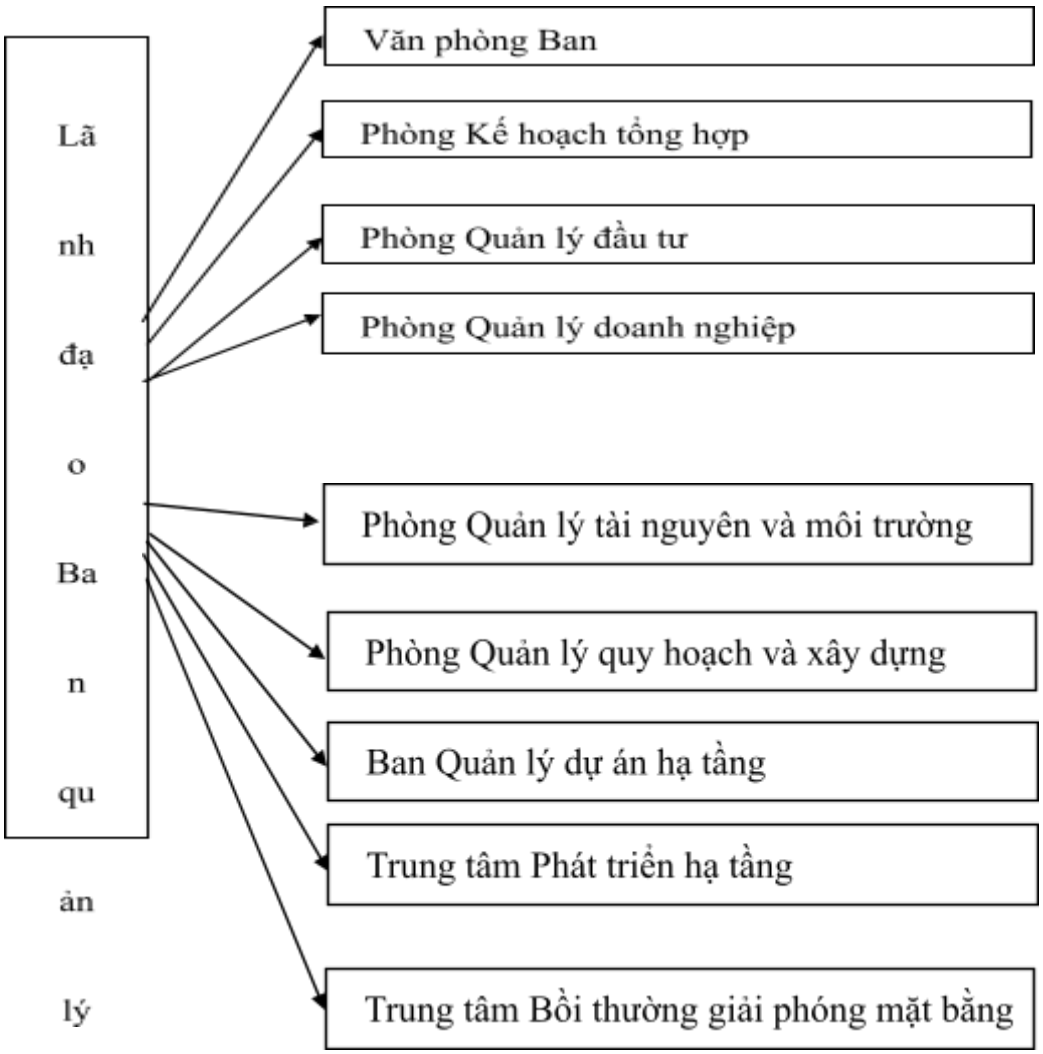
- Lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp phát sinh ngoài kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, Ban Quản lý báo cáo UBND tỉnh xem xét đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất quyết định.

l) Cấp một số loại giấy phép, chứng chỉ trong KKT mở Chu Lai theo thẩm quyền, hướng dẫn và ủy quyền của các cơ quan có thẩm quyền.

m) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác:

- Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển KCN, KKT theo quy định của pháp luật và ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;
- Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin lưu trữ phục vụ công tác QLNN và chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực được giao;
- Xây dựng dự toán ngân sách, kinh phí hoạt động hành chính - sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển hàng năm của Ban Quản lý trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan;
- Trực tiếp tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ODA cho các chương trình, DAĐT trong KKT mở Chu Lai theo ủy quyền của UBND tỉnh;
- Quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển KKT thuộc thẩm quyền; quản lý đầu tư, xây dựng đối với các DAĐT bằng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tại KKT thuộc thẩm quyền; quản lý và thực hiện việc thu, chi hành chính, sự nghiệp, các chương trình mục tiêu và các nguồn vốn khác được giao theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và phương án huy động các nguồn vốn khác để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội quan trọng trong KKT mở Chu Lai;
- Xây dựng các khung giá và mức phí, lệ phí áp dụng tại KKT trình cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật; thu và quản lý sử dụng các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật và UBND tỉnh;
- Thực hiện những nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật v.v..

2.2.3.3. Cơ cấu tổ chức



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai

a) Lãnh đạo Ban Quản lý:

- Trưởng Ban Quản lý là người đứng đầu Ban Quản lý, có trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Ban Quản lý, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về hoạt động và hiệu quả hoạt động của Ban Quản lý.

- Các Phó Trưởng Ban Quản lý là người giúp Trưởng ban, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công.

b) Cơ cấu tổ chức, bộ máy:

- Văn phòng Ban Quản lý (Có bộ phận "một cửa"): Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý KKT mở Chu Lai có chức năng tham mưu, giúp Trưởng Ban trong công tác quản lý, điều hành hoạt động chung của Ban Quản lý; tham mưu tổ chức thực hiện các mặt công tác: Tổng hợp; thông tin; hành chính và cải cách hành chính; thanh tra, pháp chế; tổ chức bộ máy và cán bộ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ và quản trị, tài vụ. Văn phòng Ban có nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý, điều hành của Lãnh đạo Ban Quản lý KKT mở Chu Lai; Tổ chức bộ máy và cán bộ; thi đua, khen thưởng; Văn thư, lưu trữ; quản trị, tài vụ.

- Phòng Kế hoạch tổng hợp: Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý KKT mở Chu Lai có chức năng tham mưu, giúp Trưởng Ban thực hiện chức năng QLNN về chương trình, kế hoạch tổng thể đầu tư phát triển; các nguồn vốn đầu tư vào KKT mở Chu Lai và các hoạt động tài chính, ngân sách của Ban Quản lý. Phòng Kế hoạch tổng hợp có nhiệm vụ tham mưu về lĩnh vực kế hoạch và tài chính, ngân sách.

- Phòng Quản lý đầu tư: Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý KKT mở Chu Lai có chức năng tham mưu, giúp Trưởng Ban thực hiện chức năng QLNN về lĩnh vực đầu tư; XTĐT; hỗ trợ doanh nghiệp trong KKT mở Chu Lai và thực hiện một số nhiệm vụ khác theo ủy quyền. Phòng Quản lý đầu tư có nhiệm vụ tham mưu về lĩnh vực quản lý đầu tư và XTĐT.

- Phòng Quản lý doanh nghiệp: Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý KKT mở Chu Lai có chức năng tham mưu, giúp Trưởng Ban thực hiện chức năng QLNN về lĩnh vực thương mại; lao động và một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự xã hội trong KKT mở Chu Lai. Phòng Quản lý doanh nghiệp có nhiệm vụ tham mưu về lĩnh vực quản lý thương mại và quản lý lao động.

- Phòng Quản lý TN&MT: Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ban

Quản lý KKT mở Chu Lai có chức năng tham mưu, giúp Trưởng Ban thực hiện chức năng QLNN về tài nguyên; môi trường; bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư trong KKT mở Chu Lai và thực hiện một số nhiệm vụ khác theo ủy quyền. Phòng Quản lý TN&MT có nhiệm vụ tham mưu về lĩnh vực quản lý tài nguyên và quản lý môi trường.

- Phòng Quản lý quy hoạch và xây dựng: Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý KKT mở Chu Lai có chức năng tham mưu, giúp Trưởng Ban thực hiện chức năng QLNN về quy hoạch; xây dựng trong KKT mở Chu Lai và thực hiện một số nhiệm vụ khác theo ủy quyền. Phòng Quản lý quy hoạch và xây dựng có nhiệm vụ tham mưu về lĩnh vực quản lý quy hoạch và quản lý xây dựng.

- Ban Quản lý dự án hạ tầng: Được ủy quyền, giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư, trực tiếp quản lý, điều hành các DAĐT xây dựng công trình do Ban quản lý KKT mở Chu Lai làm củ đầu tư; tổ chức thực hiện đầu tư để phát triển và khai thác quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; phát triển các khu tái định cư, khu dân cư và tổ chức khai thác quỹ đất trong các khu dân cư, khu tái định cư và quỹ đất công; tổ chức đấu thầu dự án có sử dụng đất và được huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân để đầu tư khai thác công trình.

- Trung tâm Phát triển hạ tầng: Có chức năng phục vụ, giúp Ban quản lý KKT mở Chu Lai QLNN, triển khai theo quy định về khai thác tài nguyên, khoáng sản, duy tu, bảo dưỡng, bảo vệ môi trường các KCN và các khu đô thị trên địa bàn KKT mở Chu Lai; tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và quản lý quỹ đất thuộc các KCN, các khu đô thị; phát triển quỹ đất tạo nguồn đầu tư phát triển; đầu tư xây dựng công trình; quản lý quỹ đất thuộc khu vực đã có quy hoạch phát triển đô thị mà Nhà nước đã thu hồi nhưng chưa giao, chưa cho thuê trên địa bàn KKT mở Chu Lai theo

nhiệm vụ được Ban quản lý KKT mở Chu Lai và UBND tỉnh giao.

- Trung tâm Bồi thường giải phóng mặt bằng: Có chức năng tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư; phát triển quỹ đất tạo nguồn đầu tư phát triển; đầu tư xây dựng công trình; quản lý quỹ đất đã có hạ tầng và quỹ đất thuộc khu vực đô thị, khu vực đã có quy hoạch phát triển đô thị mà Nhà nước đã thu hồi nhưng chưa giao, chưa cho thuê trong KKT mở Chu Lai.

2.2.3.4. Cán b , công chức, viên chức quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam

- Biên chế hành chính: Là biên chế thuộc Văn phòng Ban Quản lý và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện chức năng QLNN thuộc Ban Quản lý, do Trưởng ban phân bổ trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức được UBND tỉnh giao cho Ban Quản lý.

- Biên chế sự nghiệp: Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động hoặc đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động, Trưởng Ban Quản lý quyết định phân bổ biên chế trong tổng số chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được UBND tỉnh giao cho Ban Quản lý. Đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động, thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng phương án tổ chức, nhân sự trình Trưởng ban phê duyệt và triển khai thực hiện.

2.2.4. Thực trạng nguồn tài chính quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu L i, tỉnh Quảng N m

- Ban quản lý KKT mở Chu Lai là đơn vị dự toán ngân sách nhà nước, mọi kinh phí cho hoạt động của Ban quản lý KKT mở Chu Lai (kinh phí chi thường xuyên và không thường xuyên) do ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Nam cấp. Các khoản thu do Ban quản lý KKT mở Chu Lai thực hiện

theo quy

định đều phải nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành. Hằng năm, UBND tỉnh Quảng Nam bố trí khoảng 1,5 tỷ đến 2,0 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước để Ban quản lý KKT mở thực hiện các chương trình, kế hoạch XTĐT vào KKT mở Chu Lai.

- Ban quản lý KKT mở Chu Lai được phép thu các loại phí, lệ phí tương ứng với nhiệm vụ được các cơ quan QLNN ủy quyền theo qui định hiện hành. Khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, Ban quản lý KKT mở Chu Lai có trách nhiệm thông báo và đăng ký với cơ quan thuế nơi Ban quản lý đặt trụ sở về việc thu các loại phí, lệ phí do thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

2.2.5. Thực trạng quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu L i tại các Sở, ngành và đị phương củ tỉnh Quảng N m

- Cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ trong phạm vi thẩm quyền; thực hiện quản lý chuyên ngành đối với các DAĐT trên địa bàn KKT mở Chu Lai theo quy định của pháp luật liên quan ở những lĩnh vực chưa ủy quyền hoặc không ủy quyền cho Ban Quản lý KKT mở Chu Lai.

- Phối hợp và tạo điều kiện cho Ban Quản lý KKT mở Chu Lai thực hiện đầy đủ các quy định tại Quy chế hoạt động của KKT mở Chu Lai và thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong KKT mở Chu Lai hoạt động được thuận lợi.

- Ngoài các quy định trên, UBND huyện, thành phố trên địa bàn KKT mở Chu Lai thực hiện:

+ Chức năng chủ đầu tư và quản lý các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các khu chức năng khác trên địa bàn theo phân cấp và ủy quyền của UBND tỉnh Quảng Nam.

+ Bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư cho các đối tượng thuộc diện di dời của các DAĐT trên địa bàn để bàn giao cho NĐT.

+ Quản lý hiện trạng, các thủ tục pháp lý về đất đai, xây dựng nhà ở cho nhân dân trên địa bàn theo đúng quy định pháp luật.

+ Các dự án chương trình đầu tư, phát triển kinh tế địa phương phù hợp quy hoạch, kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2.3. Đánh giá về hoạt động thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai

2.3.1. Những kết quả đạt được

Sau hơn 13 năm đi vào hoạt động, ngoài sự nổ lực của cả hệ thống chính trị của tỉnh, sự đồng thuận của nhân dân, còn có sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và có cả tiếng nói khách quan của các nhà khoa học, đến nay trên địa bàn KKT mở Chu Lai và vùng Đông huyện Thăng Bình và Duy Xuyên một số công trình hạ tầng thiết yếu đã được xây dựng để kết nối Quảng Nam với các khu vực trong nước và thế giới như: Luồng và bến cảng Kỳ Hà và cảng Tam Hiệp, đường vào sân bay Chu Lai, đường ven biển từ Hội An đến Chu Lai, cầu Cửa Đại, đường nối cảng Tam Hiệp với đường cao tốc...; 13 Khu tái định cư, với diện tích 282 ha có đầy đủ CSHT về giao thông, điện, nước và thông tin liên lạc đã đảm bảo đủ cho các hộ dân thuộc diện giải tỏa; 04 KCN, với tổng diện tích 793 ha để kêu gọi đầu tư, tỷ lệ lấp đầy đạt khoảng 80%; trong đó KCN Bắc Chu Lai (giai đoạn 1) đã lấp đầy trên 90%. Song song với việc xây dựng môi trường đầu tư, các hoạt động thu hút đầu tư là nhiệm vụ chính trị trọng tâm được UBND tỉnh và Ban Quản lý KKT mở Chu Lai hết sức quan tâm. Bước đầu xây dựng và thực hiện được nhiều chương trình XTĐT trong và ngoài nước có hiệu quả cao.

KKT mở Chu Lai đã có 118 dự án đã được cấp phép, với tổng vốn đầu tư 2.154,459 triệu USD, với 74 dự án đi vào hoạt động với vốn thực hiện 922,897 triệu USD. Một số dự án quy mô lớn đã đầu tư như Tổ hợp KCN cơ khí ô tô Chu Lai - Trường Hải với tổng công suất 90.000 xe/năm, vốn đầu tư

400 triệu USD; Nhà máy kính nổi Chu Lai có công suất 1.300 tấn/ngày đêm, vốn đầu tư 150 triệu USD; Nhà máy sản xuất soda Chu Lai có công suất 200.000 tấn/năm, vốn đầu tư 120 triệu USD; Khu du lịch sinh thái Chu Lai có vốn đầu tư 25 triệu USD; Khu du lịch sinh thái Cát Vàng Chu Lai có vốn đầu tư 50 triệu USD; KCN Tam Thăng có vốn đầu tư 130 tiệu USD... và một số dự án thực hiện đầu tư từ năm 2016 như: Xử lý chất thải, nước thải môi trường đô thị Chu Lai Núi Thành 25 triệu Euro từ nguồn vốn ODA; Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An có vốn đầu tư hơn 4 tỷ USD; Trung tâm Khí - Điện và các ngành công nghiệp sử dụng năng lượng, sản phẩm sau khí có vốn đầu tư khoảng 12,7 tỷ USD; Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng Vinpearl Quảng Nam có vốn đầu tư khoảng 4.800 tỷ đồng v.v...

Giá trị sản xuất công nghiệp, tổng kim ngạch xuất khẩu và tổng kim ngạch nhập không ngừng tăng cao và phát triển đều qua các năm, riêng năm 2016, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 79,768 triệu USD và tổng kim ngạch nhập đạt 851,848 triệu USD. Trong năm 2016, tổng thu ngân sách trên địa bàn KKT mở Chu Lai là 15.500 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ năm 2015 (chiếm 75% tổng thu ngân sách tỉnh 21.000 tỷ) và giải quyết việc làm cho 20.295 lao động trong khu vực.

Đồng thời với những đóng góp vào nguồn thu ngân sách của Tỉnh, KKT mở Chu Lai đã tạo ra sản phẩm công nghiệp chủ lực, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Nam (ôtô, kính xây dựng, sản phẩm điện tử…). Riêng lĩnh vực sản xuất và lắp ráp ô tô đã góp phần vào việc phát triển ngành công nghiệp cơ khí ô tô Việt Nam, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Hiện nay, Công ty ô tô Chu Lai Trường Hải là doanh nghiệp Việt Nam duy nhất sản xuất và lắp ráp đủ cả 3 dòng xe: Xe tải, xe khách và xe du lịch, với tỷ lệ nội địa hóa cao nhất (xe khách 52%, xe tải 46% và xe du lịch 16%).

2.3.2. Những tồn tại, hạn chế

Mặc dù đạt được những kết quả như trên nhưng so với những lợi thế về vị trí địa lý của KKT mở Chu Lai cũng như so với các chủ trương ban đầu thì những kết quả nêu trên còn khiêm tốn, chưa đạt được mục tiêu mà Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ đã đề ra. Ban Quản lý KKT mở Chu Lai nhận thấy những tồn tại xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng có một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Một là, Cơ chế tài chính cho KKT mở Chu Lai (kể cả Dự án tổng thể sắp xếp dân cư, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại thiên tai vùng ven biển tỉnh Quảng Nam) trong thời gian qua, nhất là trong giai đoạn đầu mới thành lập không ổn định và không đáp ứng yêu cầu vốn đầu tư (có năm là 400 tỷ nhưng có năm như năm 2010 và 2011 chỉ có 80 tỷ), nên CSHT kỹ thuật - xã hội và dịch vụ tiện ích tại KKT mở Chu Lai chưa tốt, phát triển chưa đồng bộ, chưa đủ sức hấp dẫn đối với các NĐT.

- Hai là, Chính sách về ưu đãi đầu tư (về thuế, giá đất, quyền kinh doanh…) đối với 15 KKT ven biển đều như nhau, chưa thật sự hấp dẫn, thông thoáng, nên KKT mở Chu Lai không còn lợi thế cạnh tranh, nhất là cơ chế ưu đãi đặc thù chưa được tháo gỡ) để thu hút các NĐT chiến lược, nguồn vốn đầu tư trong nước và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký khá nhiều nhưng vốn thực tế triển khai thì còn thấp.

- Ba là, Khung pháp lý cho hoạt động của KKT mở Chu Lai nói riêng và các KKT ven biển nói chung chưa được xây dựng một cách đồng bộ, chặt chẽ và phù hợp với mô hình hoạt động tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực.

- Bốn là, KKT mở Chu Lai ban đầu thiếu dự án động lực có tính chất lan tỏa, kích thích các dự án khác cùng triển khai như Nhà máy lọc dầu tại KKT Dung Quất, Nhà máy sản xuất thép tại KKT Vũng Áng.

- Năm là, Bộ máy QLNN của Ban Quản lý cũng như ở các địa phương,

nhất là cấp xã, chưa chuyển đổi kịp về nhận thức cũng như phương thức quản lý đối với yêu cầu phát triển KKT mang tầm quốc gia, quốc tế. Đội ngũ cán bộ công chức Ban quản lý KKT mở Chu Lai còn thiếu và chưa ngang tầm với nhiệm vụ đầu tư, phát triển KKT mở trong giai đoạn mới.

- Sáu là, Công tác quản lý hiện trạng, bồi thường giải phóng mặt bằng còn nhiều tồn tại, có lúc thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa Ban Quản lý KKT mở Chu Lai với các ngành, các địa phương; vai trò của hệ thống chính trị, nhất là chính quyền cơ sở đối với công tác bồi thường giải phóng mặt bằng có nơi chưa phát huy tốt.

- Bảy là, Nguồn kinh phí thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng tạo mặt bằng sạch để kêu gọi đầu tư trong KKT mở Chu Lai còn thiếu và chưa đồng bộ. Nguồn nhân lực chất lượng cao và nguồn nhân lực qua đào tạo phục vụ cho các dự án còn thiếu.

2.3.3. Những nguyên nhân củ ưu điểm, hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân của những ưu điểm

- Một là, sự chỉ đạo sát sao của Trung ương và sự hỗ trợ tích cực từ các Bộ, ngành liên quan.

- Hai là, quyết tâm chính trị và khát vọng vương lên của Đảng bộ, nhân dân Quảng Nam. Việc triển khai xây dựng KKT mở Chu Lai trong điều kiện vô cùng khó khăn, có lúc tưởng chừng như bế tắc về định hướng phát triển vì chưa có tiền lệ trong cả nước, vừa triển khai xây dựng vừa dò tìm hướng đi, bên cạnh đó hạ tầng KT-XH yếu kém, thị trường tiêu thụ sản phẩm tại chỗ quy mô nhỏ, cơ chế ưu đãi đầu tư không hấp dẫn, song bước đầu đã xác định đúng phương hướng phát triển và đạt được những kết quả đáng khích lệ.

- Ba là, ngay từ khi mới thành lập, tỉnh Quảng Nam đã tích cực nghiên cứu tham mưu và được Trung ương chấp thuận cho áp dụng những cơ chế,

chính sách đặc thù cho các dự án trọng điểm như: Cơ chế tài chính; cơ chế

đầu tư các công trình hạ tầng; cơ chế giãn thuế cho các doanh nghiệp... Chính những cơ chế đặc thù này là điều kiện cần để đầu tư các dự án hạ tầng quan trọng cũng như để xúc tiến thành công các dự án sản xuất kinh doanh.

- Bốn là, cơ chế đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu các DAĐT. Ngoài việc hỗ trợ đào tạo lao động, tỉnh Quảng Nam đã định hướng đưa lao động đào tạo chuyên môn kỹ thuật ở những cơ sở chính của doanh nghiệp, ở nước ngoài hay mở cơ sở đào tạo ngay tại KKT mở Chu Lai. Với cơ chế này, các DAĐT tại Chu Lai đã có được nguồn nhân lực chất lượng và ổn định, tạo sự yên tâm cho NĐT khi thực hiện dự án tại đây.

- Năm là, UBND tỉnh Quảng Nam đã thực hiện phân cấp, ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý KKT mở Chu Lai thực hiện hầu hết các công việc liên quan đến đầu tư phát triển KKT mở Chu Lai. Thời gian qua, các cơ quan và địa phương không những làm tốt chức năng QLNN mà còn thực hiện thêm chức năng phục vụ NĐT. Các thủ tục đầu tư đều được giải quyết theo cơ chế "một cửa, tại chỗ" và "một cửa liên thông", thời gian giải quyết thủ tục được rút ngắn 1/3 so với quy định chung. Chính việc làm này đã tiết kiệm thời gian và chi phí cho NĐT, được các NĐT đánh giá cao.

2.3.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

- Một là, KKT mở Chu Lai là khu vực hoạt động tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực nhưng chỉ được điều chỉnh bởi Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, trong khi hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành đều không quy định hoặc quy định một cách khái quát về KKT nên khó thực hiện. Nhiều chủ trương quy định tại Quy chế hoạt động của KKT mở Chu Lai không thực hiện được, do chưa có hướng dẫn cụ thể hoặc bị các văn bản có giá trị pháp lý cao hơn phủ quyết. Các văn bản hướng dẫn dưới luật còn nhiều bất cập, hạn chế, nhiều điểm chưa phù hợp với thực tế.

- Hai là, cơ chế tài chính cho KKT mở Chu Lai, nhất là trong giai đoạn đầu mới thành lập không ổn định và không đáp ứng yêu cầu vốn đầu tư.

Theo Quyết định số 108/2003/QĐ-TTg thì ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ đầu tư hạ tầng cho KKT mở Chu Lai tương ứng với 100% số thu phát sinh trên địa bàn trong 10 năm đầu và 50% trong 10 năm tiếp theo. Tuy nhiên, trong một thời gian rất ngắn sau đó, Chính phủ đã bãi bỏ cơ chế này trên toàn quốc, kể cả đối với KKT mở Chu Lai và chuyển sang cơ chế cấp phát ngân sách theo danh mục đầu tư và tiến độ thực hiện dự án (theo Quyết định 185/2003/QĐ-TTg ngày 10/9/2003) thì nguồn vốn ngân sách bị giảm đột ngột, từ hàng ngàn tỷ đồng xuống còn khoảng vài chục tỷ đồng mỗi năm.

- Ba là, chính sách về ưu đãi đầu tư cho các DAĐT hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh chưa thật sự hấp dẫn và thông thoáng để thu hút các NĐT chiến lược, đặc biệt là các ưu đãi liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu.

Mục tiêu ban đầu của việc hình thành KKT mở Chu Lai là thí điểm áp dụng các cơ chế chính sách ưu đãi đặc biệt, nhưng trên thực tế cơ chế ưu đãi đầu tư hiện đang áp dụng tại KKT mở Chu Lai chưa vượt trội, chỉ được áp dụng như đối với khu vực có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, nên không đủ điều kiện để thu hút các dự án có quy mô lớn, dự án công nghệ cao. Do vậy, kết quả thu hút đầu tư, nhất là nguồn vốn FDI vào KKT mở Chu Lai đạt tỷ lệ thấp.

- Bốn là, kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội còn nhiều yếu kém, chưa được đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu của NĐT, nhất là hạ tầng về giao thông liên vùng như: Sân bay, cảng biển nước sâu; hạ tầng xã hội còn thiếu và chưa đạt chuẩn quốc tế (chưa có trường đào tạo nghề chất lượng cao, khu vui chơi giải trí...); hạ tầng các KCN chưa được đầu tư hoàn chỉnh; thị trường tiêu thụ tại chỗ nhỏ bé... Bên cạnh đó, quy định về giá đất, hỗ trợ bồi thường giải

phóng mặt bằng chưa hợp lý, thường xuyên thay đổi, làm tăng chi phí đầu tư.

- Năm là, các chương trình XTĐT chưa được xây dựng đồng bộ, thống nhất với định hướng thu hút đầu tư ưu tiên gắn với lợi thế so sánh và điều kiện phát triển thực tế của địa phương. Sự đồng bộ trong các chương trình, kế hoạch XTĐT giữa Bộ KH&ĐT, UBND tỉnh và Ban Quản lý KKT mở Chu Lai còn hạn chế, trong bối cảnh lợi thế về nguồn lao động dồi dào, giá nhân công thấp đang giảm dần và nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu.

- Sáu là, KKT mở Chu Lai thiếu dự án động lực có tính chất lan tỏa, kích thích các dự án khác cùng triển khai.

Một nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của KKT mở Chu Lai là trong giai đoạn đầu chưa xác định được phải thu hút các dự án động lực làm đòn bẩy kích thích các dự án khác cùng triển khai. Trong một thời gian dài, do áp lực phải có DAĐT vào KKT nên đã kêu gọi nhiều DAĐT nhỏ lẽ, không phân biệt quy mô, nguồn vốn. Do đó, đã có không ít NĐT hạn chế về năng lực tài chính, đăng ký đầu tư với mục tiêu giữ đất chờ cơ hội; bên cạnh đó công tác thẩm tra cấp phép và quản lý đầu tư chưa thực sự chặt chẽ, nên các dự án chậm triển khai, không có khả năng triển khai.

- Bảy là, sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền từ tỉnh đến cơ sở còn một số mặt hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu trong tình hình mới, có lúc thiếu tập trung, thiếu sáng tạo, năng động. Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách chưa tốt, thiếu kiểm tra đôn đốc, tổng kết rút kinh nghiệm; cơ chế chính sách đề ra và việc bố trí nguồn lực để thực hiện chưa đồng bộ.

- Tám là, chức năng nhiệm vụ giữa các ngành, các cấp còn chồng chéo, NĐT phải liên hệ với nhiều nơi. Năng lực trình độ của một bộ phận cán bộ thực thi công việc chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Một số chức danh cán bộ chủ chốt cấp tỉnh thường xuyên biến động, ảnh hưởng đến công tác lãnh

đạo, chỉ đạo, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Tiểu kết Chương 2

Xây dựng KKT mở Chu Lai trong điều kiện còn nhiều khó khăn, phải vừa học, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, đã thu hút được một lượng đáng kể DAĐT kết cấu hạ tầng và phát triển sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên vẫn còn những tồn tại, yếu kém trong thu hút DAĐT vào KKT mở Chu Lai, nhất là trên các lĩnh vực về cơ chế chính sách, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực.

Do vậy, tập trung phân tích những mặt tồn tại, xác định đúng đắn các nguyen nhân, tìm ra các giải pháp có tính chất khả thi để tiếp tục thu hút ngày càng nhiều DAĐT vào KKT mở Chu Lai là nhiệm vụ hàng đầu của cơ quan QLNN nói chung và Ban Quản lý KKT mở Chu Lai trong giai đoạn hiện nay.

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

Chương 3
ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI, TỈNH QUẢNG NAM

3.1. Định hướng quản lý nhà nước về thu hút các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam

3.1.1. Mục tiêu phát triển Khu kinh tế mở Chu L i, tỉnh Quảng N m đến năm 2020 và các năm tiếp theo

- Đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng và phát triển KKT mở Chu Lai để sau năm 2020 từng bước trở thành hạt nhân tăng trưởng, trung tâm công nghiệp, đô thị, dịch vụ và làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; là một đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, góp phần mở rộng thị trường khu vực miền Trung, Tây Nguyên và trở thành cầu nối với thị trường Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan.
- Áp dụng các thể chế, cơ chế, chính sách mới, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi và bình đẳng, phù hợp với thông lệ quốc tế cho các loại hình đầu tư, kinh doanh của các NĐT trong nước và ngoài nước.
- Áp dụng các mô hình, động lực mới cho phát triển kinh tế nhằm khắc phục những vướng mắc trong chính sách và cơ chế quản lý kinh tế hiện hành trong khi chưa có điều kiện thực hiện trên phạm vi cả nước.
- Phát triển sản xuất, tạo ra những sản phẩm có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng ra thị trường thế giới.
- Tạo việc làm, thúc đẩy việc đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ quốc tế và trong nước để thúc đẩy phát triển KT-XH tỉnh Quảng Nam, góp phần tạo động lực phát triển KT-XH cho toàn

bộ khu vực miền Trung, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực này với các vùng khác trong cả nước.

- Đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng và phát triển KKT mở Chu Lai cùng với KKT Dung Quất để sau năm 2020, các KKT này từng bước trở thành những hạt nhân tăng trưởng, trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực miền Trung.

3.1.2. Phương hướng quản lý nhà nước về thu hút các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu L i, tỉnh Quảng N m

3.1.2.1. Phương hướng chung

- Tiếp tục đề xuất Trung ương và Chính phủ về cơ chế, chính sách ưu đãi hợp lý, bảo đảm thông thoáng, hấp dẫn để tăng sức cạnh tranh của KKT mở Chu Lai trong thu hút đầu tư, nhất là FDI. Đồng thời, chủ động nghiên cứu khai thác tiềm năng về đất đai, nguồn nhân lực, cơ chế tạo vốn, cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp hợp lý… để tạo môi trường thu hút đầu tư. Nâng cao trách nhiệm trong các quyết định đầu tư theo hướng lấy hiệu quả, tính khả thi cao, tập trung soát xét các mục tiêu, dự án để chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm.

Phương hướng phát triển KKT mở Chu Lai phải được đặt trong tổng thể phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước, quy hoạch phát triển KT-XH tỉnh Quảng Nam. Xây dựng thành công KKT mở Chu Lai trở thành một trong 05 nhóm KKT ven biển trọng điểm đã được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn là: KKT mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam; KKT Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; KKT Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; KKT Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh và KKT Định An, tỉnh Trà Vinh.

Phát triển KKT mở Chu Lai trên quan điểm mở rộng và hội nhập thị trường các nước trong khu vực và thế giới. Xây dựng KKT mở Chu Lai trở thành một KKT tổng hợp, phát triển theo hướng đa lĩnh vực, đa ngành, lấy

công nghiệp cơ khí ôtô, công nghiệp phụ trợ, điện tử, công nghiệp có kỹ thuật cao làm trung tâm, kết hợp với phát triển các ngành dịch vụ, du lịch, đô thị, vận tải hàng hoá và hành khách quốc tế và thương mại. Tập trung mọi nguồn lực để đẩy mạnh công tác quảng bá, XTĐT các dự án lớn, mang tính động lực, cương quyết từ chối các dự án có khả năng gây ô nhiễm, tác động xấu đến môi trường như dự án FORMOSA tại KKT Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.

3.1.2.2. Phương hướng cụ thể

KKT mở Chu Lai cần tập trung xây dựng và phát triển trở thành KKT động lực của tỉnh, do đó phải xây dựng chiến lược phát triển bài bản, lâu dài với nòng cốt là những nhóm chương trình, dự án trọng điểm nhằm tạo sự thúc đẩy phát triển lan tỏa. Trong đó, tập trung đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư các ngành công nghiệp, dịch vụ và du lịch có quy mô đầu tư lớn; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tập trung thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư; và xây dựng chương trình hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp.

Để hoàn thành mục tiêu này, KKT mở Chu Lai cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Thứ nhất, tập trung đầu tư hạ tầng sân bay Chu Lai thành sân bay trung chuyển hàng hóa quốc tế cấp 4F - là sân bay trung chuyển hàng hóa lớn nhất cả nước và là trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng máy bay.
- Thứ hai, phát triển hệ thống cảng biển, nâng cấp hệ thống cảng biển Kỳ Hà lên 30.000 DWT, cảng Tam Hiệp lên 20.000 DWT, tăng công suất vận chuyển tuyến Kỳ Hà - Busan (Hàn Quốc), tuyến Kỳ Hà - Hồng Kong, Kỳ Hà - Singapore…
- Thứ ba, bên cạnh những dự án đã đi vào hoạt động, cần đẩy mạnh thu hút các NĐT chiến lược đến tìm hiểu, nghiên cứu và triển khai thực hiện các dự án quan trọng trong các nhóm dự án trọng điểm: Khu đô thị, du lịch Nam Hội An; Công nghiệp dệt may và hỗ trợ ngành dệt may gắn với phát

triển đô

thị Tam Kỳ; Công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô; Công nghiệp Khí - Điện và các ngành công nghiệp sử dụng năng lượng, sản phẩm sau khí; Công nghiệp và dịch vụ gắn với sân bay Chu Lai; Hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão Tam Quang và các dự án khác như: Khu giải trí Everland Nam Cửa Đại; Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng Vinpearl Quảng Nam của Công ty Cổ phần Vinpearl…

Sự xuất hiện của các NĐT chiến lược trên sẽ tác động mạnh mẽ đến sự phát triển KT-XH của tỉnh, đóng góp tích cực thực hiện mục tiêu xây dựng Quảng Nam thành tỉnh khá của cả nước vào năm 2020 và sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại như mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đề ra.

3.2. Hệ thống giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về thu hút dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam

3.2.1. Nhóm giải pháp về thể chế

Thực tế cho thấy, thể chế ảnh hưởng rất lớn đến chiến lược kinh doanh của các NĐT trong và ngoài nước như: Quyết định địa điểm, hình thức, quy mô đầu tư và khả năng sống sót của quyết định đầu tư.

KKT mở Chu Lai là khu vực tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực hoạt động dựa trên khung pháp lý được điều chỉnh bởi Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008, Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 và Nghị định số 114/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ cơ bản đã lỗi thời, không còn phù hợp, làm phát sinh nhiều bất cập, hạn chế, nhiều điểm chưa phù hợp với thực tế. Hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành đều không quy định hoặc quy định một cách khái quát về KKT nên khó thực hiện, nhiều chủ trương quy định tại Quy chế hoạt động của KKT mở Chu Lai không thực hiện được do chưa có hướng dẫn cụ thể hoặc bị các văn bản có giá trị pháp lý cao hơn phủ quyết

Tuy thể chế ở các KKT đã có vượt trội so với các KCN, nhưng chỉ tập trung vào các ưu đãi về thuế, về tiền thu sử dụng đất... nên so với các KKT tự do trong khu vực và trên thế giới còn nhiều bất cập, không đủ sức cạnh tranh.

Để tạo hành lang pháp lý cho các mô hình KKT mới, tăng tính cạnh tranh trong thu hút đầu tư và giải quyết các xung đột với văn bản pháp luật mới được ban hành, Chính phủ đã ban hành Dự thảo nghị định thay thế Nghị định số 29/2008/NĐ-CP, Nghị định số 164/2013/NĐ-CP và Nghị định số 114/2015/NĐ-CP. Tuy nhiên, vì đây chỉ là văn bản dưới luật nên mang tính giải pháp tình thế, nữa vời. Qua thực tiễn 13 năm xây dựng KKT mở Chu Lai và nghiên cứu các mô hình đặc KKT ở Trung Quốc, KCX ở Ấn Độ cho thấy và một số nước khác, muốn phát triển KKT mở Chu Lai cần phải có những chính sách trọn gói mang tính đột phá cho khu vực lớn và nhất quán trong thời gian dài, độ tin cậy cao đối với các NĐT chiến lược. Để làm được những điều này, chúng ta cần phải có các giải pháp căn cơ, mang tính tổng thể, phải có thể chế, chính sách vượt trội cả về những quy định pháp lý thuần túy về kinh tế, lẫn mô hình tổ chức quản lý hành chính và xã hội, chứ không chỉ là những ưu đãi đầu tư một cách thuần túy. Do đó, cần đề xuất Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật KKT hoặc đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thống nhất xây dựng KKT mở Chu Lai theo mô hình đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt để phát triển thế mạnh riêng có, được áp dụng cơ chế, chính sách kinh tế ưu đãi đặc thù nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh, tạo động lực phát triển mới, bảo đảm phân bổ nguồn lực theo vùng, tạo hiệu ứng lan tỏa trên phạm vi cả nước. Trong các thể chế, cơ chế chính sách trọng dụng nhân tài trong và ngoài nước phải được xem trọng nhất.

3.2.2. Nhóm giải pháp về quảng bá, xúc tiến đầu tư

3.2.2.1. Quảng bá hình ảnh

Nâng cấp, hoàn thiện giao diện, bố cục của Website Chu Lai sinh động,

hấp dẫn, không để bất kỳ đường dẫn nào bị lỗi. Xây dựng kế hoạch quảng bá website. Đưa tất cả các thông tin quảng bá lên website (danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, quy hoạch một số phân khu, các văn bản pháp lý liên quan đến ưu đãi đầu tư... và các thông tin do người truy cập trực tiếp yêu cầu). Bên cạnh các thông tin cập nhật, bắt đầu triển khai kế hoạch xây dựng bản tin kinh tế - đầu tư - thương mại tổng hợp hàng tuần (gồm các thông tin quốc tế, trong nước và tại KKT mở Chu Lai). Đăng ký website với các chương trình tìm kiếm, trang mạng hàng đầu để đảm bảo kết quả truy xuất của chương trình khi có nhu cầu tìm kiếm địa chỉ website Chu Lai trên mạng.

Ký kết hợp đồng với các đối tác để thường xuyên, liên tục tổ chức tuyên truyền quảng bá về KKT mở Chu Lai trên truyền hình, phát trên sóng QRT, VTV1, VTV2, VTV3, VTV4…, trên các tạp chí, báo giấy trung ương và địa phương…

3.2.2.2. Xúc tiến đầu tư

Xây dựng chương trình, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của KKT mở Chu Lai, quảng bá sâu rộng môi trường đầu tư. Đẩy mạnh XTĐT có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên thu hút các NĐT chiến lược, có thương hiệu, có tiềm lực tài chính mạnh, các tập đoàn và công ty đa quốc gia nằm trong nhóm khách hàng mục tiêu đã đầu tư hiệu quả tại Việt Nam và các quốc gia trong khu vực, và các dự án có quy mô lớn mang tính động lực, công nghệ hiện đại, hàm lượng khoa học công nghệ cao, thân thiện với môi trường, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh thu hút được nhiều lao động, đóng góp nhiều cho ngân sách địa phương. Chú trọng đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, khai thác tốt tài nguyên đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Để công tác XTĐT đạt hiệu quả cao, cần tập trung hoàn thiện và thường xuyên rà soát, bổ sung các tài liệu XTĐT: Brochure giới thiệu (Bản in

hoặc bản điện tử PDF); Guidebook hướng dẫn đầu tư (Bản in hoặc bản điện tử PDF); Đĩa DVD hoặc CD-ROM giới thiệu và thông tin XTĐT; Bài diễn thuyết về cơ hội đầu tư (File mềm ppt); Phim video XTĐT; Bản tin XTĐT định kỳ (Bản in hoặc bản điện tử PDF); Nghiên cứu ngành; Thư ngỏ...

Tổ chức hoặc tham gia các cuộc hội thảo kêu gọi đầu tư trong nước và nước ngoài. Thông qua các cuộc hội thảo, hình ảnh của KKT mở Chu Lai sẽ được giới thiệu một cách rõ ràng đến các NĐT. Ưu điểm của hình thức này là cùng một lúc chúng ta có thể tiếp cận và cung cấp được nhiều thông tin cho một số lượng NĐT nhất định. Những thắc mắc, những điều còn chưa rõ của NĐT về môi trường đầu tư sẽ được giải đáp ngay tại chỗ sẽ mang lại hiệu quả nhất định.

Sử dụng những hình thức xúc tiến thích hợp như thư mời, điện thoại, email, gặp trực tiếp hoặc gián tiếp qua các trung gian, kết hợp tổ chức hội thảo trực tiếp với các NĐT đó và khuyến khích, kêu gọi họ đầu tư vào KKT mở Chu Lai; mời các công ty tư vấn hàng đầu trên thế giới (như Tập đoàn Mc Kenzy) để tham khảo tìm hiểu, chỉ dẫn cho các NĐT chiến lược, gắn với những cam kết rõ ràng, nhất quán từ Ban Quản lý KKT mở Chu Lai. Ngoài ra, còn phải mở một số văn phòng đại diện để XTĐT tại một số thành phố lớn trong và ngoài nước như: thành phố Hồ Chí Minh và các nước thuộc nhóm khách hàng mục tiêu: Mỹ, Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản… Đây là một hình thức xúc tiến tuy phải tốn một lượng kinh phí lớn để duy trì hoạt động của các văn phòng, song lại rất hữu hiệu trong việc giúp NĐT tiếp cận gần hơn môi trường đầu tư tại KKT mở Chu Lai.

Trong ngắn hạn, xin đề xuất một số giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả chương trình XTĐT của KKT mở Chu Lai, như sau:

- Một là, xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch XTĐT chi tiết và chủ động làm việc với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương về cơ chế, chính sách

đặc

thù đối với các dự án quan trọng thuộc 6 nhóm dự án trọng điểm sau: Nhóm dự án Khu đô thị, dịch vụ Nam Hội An; Nhóm dự án công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô; Nhóm dự án công nghiệp dệt may và hỗ trợ ngành dệt may gắn với phát triển đô thị Tam Kỳ; Nhóm dự án phát triển công nghiệp và dịch vụ gắn với sân bay Chu Lai; Nhóm dự án khí - năng lượng và các ngành công nghiệp sử dụng năng lượng, sản phẩm sau khí; Nhóm dự án hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão.

- Hai là, tập trung huy động các nguồn vốn để đầu tư CSHT kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho KKT, đặc biệt là kêu gọi đầu tư các dự án cảng biển, sân bay, hạ tầng KCN, trường đào tạo nghề, khu nhà ở công nhân, khu nhà ở xã hội để cải thiện môi trường đầu tư của KKT. Trong đó, chú trọng tới việc kêu gọi các NĐT nước ngoài và các dự án theo hình thức PPP, ODA...

- Thiết lập quan hệ với các Đại sứ quán Việt Nam tại nước ngoài và các tổ chức XTĐT nước ngoài, các tham tán đầu tư thuộc Bộ KH&ĐT để quảng bá, giới thiệu cơ hội đầu tư.

- Chủ động phối hợp NĐT để tiếp cận và làm việc với đối tác để thực hiện các dự án liên doanh liên quan đến chuyển giao khoa học công nghệ, phương thức và loại hình kinh doanh hiện đại, đặc biệt là các đối tác nước ngoài có thương hiệu.

3.2.3. Nhóm giải pháp tạo môi trường đầu tư

3.2.3.1. Tăng cường tham mưu cho tỉnh Quảng Nam giải pháp để tăng thứ bặc Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Đối với tỉnh Quảng Nam, nhờ triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp nên PCI năm 2015 phát triển rất tốt so với các năm trước. Tuy nhiên, để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, hỗ trợ đắc lực cho việc thu hút các DAĐT vào KKT mở Chu Lai trong thời gian đến, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai cần tham mưu UBND tỉnh Quảng Nam chỉ

đạo quyết liệt các Sở, Ban, ngành, địa phương tập trung đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng các chỉ số thành phần trong PCI, nhất là có giải pháp cụ thể để nâng cao các chỉ số: Gia nhập thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp, thiết chế pháp lý và cạnh tranh bình đẳng. Theo đó, tỉnh Quảng Nam cần tập trung giải quyết đồng bộ các vấn đề sau:

- Một là, nâng cao hiệu quả, hiệu lực điều hành của bộ máy chính quyền các cấp, đảm bảo hiệu quả, hiệu lực và thông suốt từ tỉnh đến huyện và cơ sở.

- Hai là, tăng cường công tác tuyên truyền về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Công tác tuyên truyền phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, nghiêm túc, gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

- Ba là, tập trung đẩy mạnh cải cách TTHC, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Thực hiện tốt cơ chế "một cửa, tại chỗ", cơ chế "một cửa liên thông" trong việc giải quyết thủ tục đầu tư. Thường xuyên rà soát để đơn giản hóa TTHC; tiếp tục đơn giản hoá quy trình, hồ sơ và thủ tục xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan và giảm thời gian thông quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu cho doanh nghiệp.

- Bốn là, công khai, minh bạch quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch ngành, các thông tin liên quan đến NĐT, doanh nghiệp. Tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Năm là, nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức trong việc giải quyết TTHC có liên quan đến doanh nghiệp và người dân.

- Sáu là, nâng cao khả năng tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất; trong đó, cần quy định rõ mức giá đất theo một tỷ lệ nhất định. Tăng

cường công tác lập quy hoạch một cách khả thi để giới thiệu địa điểm đầu tư; ổn định khung giá đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Bảy là, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đảm bảo nguồn lao động có chất lượng.

- Tám là, tăng cường hỗ trợ và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; tăng cường các cuộc tọa đàm, tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong đăng ký kinh doanh, nộp thuế, xin cấp giấy phép, giải quyết các kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp.

3.2.3.2. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước và đẩy mạnh phân công, phân cấp quản lý

Từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2008/NĐ-CP, Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 và Nghị định số 114/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015, hiệu quả QLNN trong lĩnh vực KKT được nâng cao trên nhiều lĩnh vực: quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, thương mại, hải quan…; đồng thời thể hiện rõ chủ trương tăng cường phân cấp, ủy quyền trên các lĩnh vực QLNN của các cơ quan Trung ương, các Bộ, ngành và UBND cấp tỉnh cho Ban quản lý KKT; Chuẩn hóa và hoàn thiện mô hình quản lý KKT theo nguyên tắc "một cửa, tại chỗ" thông qua vai trò đầu mối tại Ban quản lý KKT. Tuy nhiên, qua quá trình áp dụng vẫn còn phát sinh một số vướng mắc cần được điều chỉnh, sửa đổi để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác QLNN về KKT và thu hút đầu tư như sau:

- Công tác ủy quyền, cơ chế phân công, phối hợp chưa được triển khai đồng bộ, thống nhất tại các địa phương, dẫn tới quyền hạn, nhiệm vụ của Ban quản lý KKT chưa được thực hiện một cách toàn diện, đầy đủ theo quy định;

- Chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý KKT về quản lý giá, xây dựng,

lao động, môi trường, thanh tra chưa được quy định đầy đủ theo quy định pháp luật chuyên ngành;

- Việc thực hiện bổ sung quy hoạch, thành lập KKT cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật về đầu tư hiện hành.

Để tăng tính cạnh tranh trong thu hút đầu tư vào KKT mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam cần nghiên cứu tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp, ủy quyền, tạo sự chủ động cho Ban Quản lý KKT mở Chu Lai trong các vấn đề liên quan đến QLNN về thu hút, quản lý đầu tư. Đối với những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của các cơ quan Trung ương, tích cực làm việc với Chính phủ và các bộ, ngành liên quan để đề nghị phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý KKT mở Chu Lai và sớm thực hiện một số giải pháp nâng cao QLNN sau đây:

Một là, về quy hoạch: Sớm luật hóa quy hoạch phát triển; rà soát tổng thể quy hoạch, tăng cường kiểm tra, giám sát, tuân thủ quy hoạch và công khai, minh bạch hóa quy hoạch.

Hai là, về hệ thống pháp lý: Hoàn thiện các quy định về đầu tư theo hướng đồng bộ, rõ ràng, minh bạch; bổ sung, làm rõ các quy định về công nghệ, bảo vệ NĐT và người lao động trong lịnh vực FDI, lĩnh vực ưu đãi, chính sách ưu đãi đầu tư.

Ba là, về thẩm định, cấp phép, quản lý dạ án: Nâng cao năng lực thẩm định dự án và có thể thuê thẩm định độc lập trong một số trường hợp; công tác quản lý dự án tiến hành thường xuyên, kết hợp "tiền kiểm" và "hậu kiểm"; và có chế tài đủ mạnh để răn đe, xử lý vi phạm.

3.2.3.3. Đa dạng hóa các hình thức huy đ ng và tạo nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng

Tỉnh Quảng Nam và Ban Quản lý KKT mở Chu Lai cần tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương để bổ sung nguồn vốn đầu tư và tiếp tục đề xuất Chính phủ cho áp dụng cơ chế ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu

tư hạ tầng cho KKT mở Chu Lai tương ứng với 100% số thu phát sinh trên địa bàn KKT mở trong 10 năm đầu và 50% trong 10 năm tiếp theo, thay cho cơ chế cấp phát ngân sách theo danh mục đầu tư được phê duyệt và tiến độ thực hiện dự án như hiện nay.

Hiện nay, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai cần nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh cân đối hợp lý vốn ngân sách tỉnh để ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch. Thực hiện chủ trương vay vốn tồn ngân, vốn Ngân hàng phát triển và các tổ chức tín dụng để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch. Sử dụng phần quỹ đất ở dư thừa sau khi đã bố trí tái định cư (có suất đầu tư cao) đưa ra đấu giá thu tiền sử dụng đất để tái đầu tư hạ tầng, xem đây là nguồn nội lực quan trọng để tạo nguồn lực đầu tư. Tăng cường thực hiện các giải pháp để giải ngân vốn đầu tư đảm bảo tiến độ, đúng quy định, trong đó trọng tâm là công tác xây dựng kế hoạch vốn hằng năm, trung hạn và công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Thực hiện nhiều giải pháp huy động vốn, kêu gọi đầu tư linh hoạt và sử dụng nhiều hình thức đầu tư theo quy định của pháp luật để tạo nguồn đầu tư phát triển. Chú trọng kêu gọi đầu tư vào các lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng sản xuất, phát triển các KCN, dịch vụ, thường mại. Vận dụng cơ chế xã hội hóa đầu tư, huy động vốn theo hình thức BOT, BT, BTO và tập trung thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn, NĐT nước ngoài bằng nhiều hình thức thích hợp, trọng tâm là đầu tư theo hình thức PPP.

Triển khai sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Trung ương hỗ trợ, vốn ngân sách tỉnh cấp, các nguồn vốn tín dung ưu đãi và các chương trình mục tiêu khác. Phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tập trung bố trí nguồn vốn đầu tư dứt điểm những dự án trọng điểm, mang tính đột phá, có sức lan tỏa cao và bền vững đưa vào sử dụng tạo động lực phát triển; phát triển, khớp nối hạ

tầng giao thông thông suốt giữa tuyến đường cao tốc, Quốc lộ 1A, đường tỉnh (ĐT) và các tuyến đường ven biển tạo thuận lợi cho các DAĐT.

Khai thác có hiệu quả nguồn lực từ đất trong KKT mở Chu Lai theo phương thức đổi đất lấy hạ tầng, tận dụng tận thu tối đa nguồn tài nguyên khoáng sản trong lòng đất tại các dự án KCN, đô thị đang triển khai theo đúng quy định.

Tiếp tục hỗ trợ đầu tư theo chủ trương, chính sách về cơ chế phát triển nhà ở cho công nhân các KCN. Có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu như nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường học, cơ sở khám chữa bệnh cho người lao động tại KKT mở Chu Lai.

3.2.3.4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt đ ng trong Khu kinh tế mở Chu Lai

Sự nỗ lực chủ quan từ UBND tỉnh Quảng Nam cũng như Ban Quản lý KKT mở Chu Lai có tác động rất lớn để thu hút đầu tư, trong nhiều trường hợp có tính vượt trội hơn cả chính sách ưu đãi, những hỗ trợ cụ thể hay CSHT hiện đại. Nhất quán trong tư tưởng và hành động của mọi cán bộ lãnh đạo về thu hút vốn đầu tư là trách nhiệm, đặt quyền lợi NĐT lên trên hết khi giải quyết công việc có liên quan đến đầu tư. Điều cần thiết là thái độ rõ ràng, dứt khoát của các nhà lãnh đạo địa phương, có như vậy mới xóa được những rào cản vô hình từ những tắc trách, nhũng nhiễu của cấp dưới.

Ban Quản lý KKT mở Chu Lai cần thực hiện đồng bộ các nội dung về công tác cải cách hành chính trên địa bàn KKT mở Chu Lai giai đoạn 2016-2020, gồm các nội dung sau:

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tại Ban Quản lý KKT mở Chu Lai, nâng cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu về chất lượng và thời gian thực hiện giải quyết các TTHC và các kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp, NĐT; chấn chỉnh tình trạng đùn đẩy công việc thuộc chức năng, thẩm quyền

của Ban Quản lý cho các cơ quan khác.

- Đảm bảo 100% TTHC liên quan đến đầu tư và kinh doanh, các quy định, chính sách, quy hoạch của Ban Quản lý KKT mở Chu Lai được niêm yết công khai và theo nguyên tắc không để doanh nghiệp phải bổ sung hồ sơ nhiều hơn một lần.

- Đẩy mạnh công tác cải cách TTHC, rút ngắn thời gian và thủ tục liên quan đến đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện 03 giảm: Giảm hồ sơ, thủ tục, các bước trong quy trình thực hiện; giảm thời gian thực hiện; và giảm chi phí thực hiện TTHC và đi lại cho doanh nghiệp, công dân.

- Thống nhất đầu mối tiếp nhận và xử lý hồ sơ; hướng dẫn, giải quyết TTHC cho doanh nghiệp theo nguyên tắc khi cơ quan nhà nước cần yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ thì thông báo 01 lần bằng văn bản cho doanh nghiệp, NĐT về toàn bộ các nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung đối với mỗi bộ hồ sơ. Thông báo phải nêu rõ chi tiết yêu cầu sửa đổi, bổ sung và lý do của việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Xây dựng quy chế về giám sát, giải quyết kiến nghị của NĐT, doanh nghiệp để tăng cường minh bạch hóa thủ tục đầu tư, giúp giải quyết nhanh hơn các thủ tục đầu tư cho NĐT, doanh nghiệp.

- Xây dựng các chương trình hành động thực hiện cải cách hành chính cho các lĩnh vực cụ thể. Trong đó, thực hiện tốt công tác quán triệt cán bộ công chức về đạo đức công vụ, cải cách hành chính; chống quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu đảm bảo với tinh thần chính quyền phục vụ và hỗ trợ doanh nghiệp. Công khai quy trình và cán bộ có trách nhiệm xử lý hồ sơ, tăng cường thanh tra công vụ; xử lý nghiêm các cán bộ vi phạm quy trình xử lý hồ sơ, gây phiền hà cho doanh nghiệp.

- Thành lập và công khai đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tiếp nhận phản ánh và hướng dẫn, giải đáp

cho

doanh nghiệp.

3.2.3.5. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề và xây dựng đ i ngũ cán b quản lý

Để bảo đảm có đội ngũ lao động đáp ứng nhu cầu tại KKT mở Chu Lai, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai cần tập trung đẩy mạnh đào tạo, thu hút lao động có tay nghề, có tác phong công nghiệp. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đạo tạo cho lao động cho các chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trong KKT mở Chu Lai. Đẩy mạnh công tác thông tin thị trường lao động, nâng cao chất lượng và đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm; tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyển dụng, sử dụng lao động của doanh nghiệp và cơ chế tiếp cận thị trường của người lao động. Tiếp tục rà soát, tham mưu tỉnh Quảng Nam đổi mới cơ chế, chính sách về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với tình hình của KKT mở Chu Lai.

Đối với cơ sở dạy nghề công lập hiện có trên địa bàn tỉnh, cần quán triệt quan điểm đào tạo nghề phải gắn với chiến lược phát triển của tỉnh, chú trọng đào tạo lao động phục vụ các dự án tại KKT mở Chu Lai và nhu cầu của thị trường lao động. Đầu tư đồng bộ nhằm chuẩn hóa, hiện đại hóa dạy nghề để tạo bước đột phá về chất lượng dạy nghề nhằm đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp sản xuất với chất lượng cao, trong đó, chú trọng một số nghề công nghệ, kỹ thuật cao đạt chuẩn khu vực và thế giới. Song song với việc đầu tư từ ngân sách cho dạy nghề, cần có cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút các doanh nghiệp mở trường đào tạo nghề. Nghiên cứu áp dụng các ưu đãi đối với các cơ sở đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề chuyên sâu. Khuyến khích các cơ sở dạy nghề công lập hợp tác đào tạo với nước ngoài; tranh thủ các nguồn vốn ODA đầu tư phát triển dạy nghề. Tạo điều kiện cho các NĐT, các trường trên thế giới mở trường dạy nghề tại KKT mở Chu Lai;

tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo lại đội ngũ công nhân.

Có kế hoạch tham mưu tỉnh Quảng Nam tăng cường về năng lực, quyền hạn cho Ban Quản lý KKT mở Chu Lai để nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của bộ máy QLNN đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Từng bước xây dựng bộ máy quản lý hành chính trong sạch, có hiệu lực và đội ngũ cán bộ năng động, nhiệt tình, chuyên nghiệp công thực thi công vụ, được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn để sẵn sàng hỗ trợ NĐT trong mọi tình huống. Trước hết, cần cải cách chính sách tiền lương một cách triệt để nhằm bảo đảm mức lương cho công chức, viên chức đang công tác tại KKT mở Chu Lai, gắn với đấu tranh chống tham nhũng trên cơ sở kết hợp các biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục.

Củng cố tổ chức, bộ máy chính quyền các cấp trong vùng dự án, nhất là chính quyền cấp cơ sở để đủ khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương kết hợp với nhiệm vụ xây dựng và phát triển KKT mở Chu Lai.

3.2.3.6. Tăng cường quản lý hiện trạng, tập trung ưu tiên giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất "sạch" để kêu gọi, thu hút đầu tư

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, ý nghĩa của việc triển khai xây dựng các dự án trọng điểm để tạo sự đồng thuận, ủng hộ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là trong công tác bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất "sạch" để triển khai dự án.

Huy động cả hệ thống chính trị tham gia vào công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể trong công tác vận động nhân dân thực hiện tốt các chính sách liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, quản lý hiện trạng, xác định chủ sở hữu về đất đai (đất công ích, đất đã giao cho nhân dân…); đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm, chây ì, cản trở việc triển khai các dự án, giữ vững trật tự an toàn xã hội, không để kẻ xấu kích động, lợi dụng; không để xảy ra

điểm nóng, dân khiếu kiện đông người.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI và Kết luận số 25-KL/TU ngày 27/4/2016 của Tỉnh ủy Quảng Nam về Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba (khóa XXI) về định hướng và giải pháp triển khai thực hiện các dự án trọng điểm tại vùng Đông tỉnh Quảng Nam, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai phải tiến hành xây dựng kế hoạch và phương án huy động nguồn vốn để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất "sạch" thu hút các DAĐT có quy mô lớn vào KKT mở Chu Lai; đồng thời phải tính toán để giải quyết một cách căn cơ vấn đề an sinh xã hội, tái định cư, tạo việc làm cho nhân dân trong các khu vực giải tỏa. Trong đó, Ban Quản lý KKT mở Chu Lai cần tập trung tạo quỹ đất "sạch" tại các khu chức năng theo quy hoạch được duyệt, đặc biệt là quỹ đất "sạch" phục vụ 06 nhóm dự án trọng điểm (Khu đô thị, du lịch Nam Hội An; Công nghiệp dệt may và hỗ trợ ngành dệt may gắn với phát triển đô thị Tam Kỳ; Công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô; Khí - Điện và các ngành công nghiệp sử dụng năng lượng, sản phẩm sau khí; Phát triển công nghiệp và dịch vụ gắn với sân bay Chu Lai; Hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão) phục vụ XTĐT, kêu gọi đầu tư công nghiệp, đô thị, dịch vụ, theo nguyên tắc:

- Về bồi thường, giải phóng mặt bằng:

+ Giải phóng mặt bằng theo hình thức cuốn chiếu, giải quyết dứt điểm theo từng khu vực, tránh trường hợp "da beo" kéo dài không hiệu quả, không có mặt bằng để NĐT triển khai đầu tư xây dựng dự án.

+ Ưu tiên bố trí nguồn vốn thực hiện giải phóng mặt bằng khu vực đất công ích trước (có đền bù cây cối, tài sản hợp pháp trên đất cho nhân dân), tiếp đến là đất giao cho nhân dân nhưng không sản xuất được, khu vực không có khu dân cư, nhằm tạo quỹ đất "sạch" ban đầu để giao đất và thu tiền sử dụng đất để tái đầu tư, vừa tạo điều kiện thu hút đầu tư.

+ Bố trí vốn để thực hiện tái định cư, nghĩa trang nhân dân phục vụ giải phóng mặt bằng.

- Về nguồn tài chính:

+ Ưu tiên bố trí vốn thực hiện giải phóng mặt bằng từ các nguồn: Nguồn vượt thu ngân sách tỉnh hằng năm; tạm ứng ngân sách tỉnh; tạm ứng Qũy Phát triển đất; tạm ứng Qũy dự trữ tài chính; nguồn thu tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn; và nguồn vốn ứng trước của NĐT.

+ Chỉ bố trí vốn (tạm ứng, chi ngân sách) cho bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư khi cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc có quyết định đầu tư.

+ Tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất nộp một lần khi giao đất được ưu tiên hoàn trả các khoản ứng trước của ngân sách (tạm ứng, Qũy Phát triển đất, Qũy dự trữ tài chính…).

+ Nguồn vốn ứng trước của NĐT, khi giao đất thì thực hiện ghi thu - chi vào ngân sách nhà nước năm sau, NĐT nộp vào ngân sách nhà nước số tiền còn lại.

3.2.3.7. Tập trung rà soát, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với mục tiêu xúc tiến đầu tư

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch KKT mở Chu Lai phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Gắn kết chặt chẽ quy hoạch KKT mở Chu Lai với quy hoạch ngành, quy hoạch các huyện, thành phố, đồng thời thực hiện điều chỉnh, hủy bỏ hoặc trình UBND tỉnh điều chỉnh, hủy bỏ các đồ án quy hoạch không phù hợp với mục tiêu phát triển trong kế hoạch trung hạn của KKT mở Chu Lai và bàn giao lại cho địa phương quản lý, nhằm tránh quy hoạch "treo" hoặc đầu tư dàn trãi trong khi nguồn lực đầu tư còn hạn chế.

Tham mưu UBND tỉnh làm việc với các cơ quan Trung ương để trình Thủ tướng Chính phủ thống nhất chủ trương và phê duyệt quy hoạch chung

điều chỉnh ranh giới KKT mở Chu Lai theo hướng không thay đổi tổng quy mô diện tích nhưng cắt giảm, đưa ra ngoài ranh giới một số xã thuộc địa bàn huyện Núi Thành hiện nay không phù hợp việc đầu tư phát triển trong KKT mở Chu Lai và bổ sung vào ranh giới một số xã thuộc huyện Duy Xuyên, Thăng Bình để thuận lợi tập trung đầu tư các khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ. Điều chỉnh quy hoạch khu vực xung quanh KCN khí - điện để định hình không gian phát triển và xác định quỹ đất ưu tiên đầu tư các ngành công nghiệp sản phẩm sau khí; bổ sung quy hoạch các dự án sử dụng khí thiên nhiên làm nhiên liệu có ưu thế cạnh tranh. Rà soát điều chỉnh quy hoạch khu vực xung quanh sân bay Chu Lai để định hình không gian phát triển.

3.2.3.8. Phát triển cơ sở hạ tầng đồng b

Ban Quản lý KKT mở Chu Lai cần nâng cao chất lượng công tác lập và triển khai quy hoạch, kế hoạch và chương trình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Tăng cường công tác kiểm soát và quản lý xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt. Xây dựng cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực cho các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật: Ưu tiên hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách, vốn vay ODA… để đẩy mạnh đầu tư vào những công trình hạ tầng kỹ thuật có quy mô lớn, phục vụ liên vùng, liên tỉnh, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ và các khu tái định cư bằng nhiều hình thức, ưu tiên hình thức PPP.

Khảo sát quy hoạch và triển khai một số trục giao thông kết nối giữa vùng Đông và vùng Tây của tỉnh để tạo sự thuận lợi trong giao thông và phát triển lan tỏa. Xây dựng các khu tái định cư phải đi trước một bước trên cơ sở tính toán đảm bảo đủ nhu cầu cho nhân dân thuộc diện di dời giải phóng mặt bằng, có tính toán dự phòng phát sinh số hộ phụ theo chính sách tái định cư và gia tăng dân số tại chỗ, tăng dân số cơ học trong quá trình đô thị hóa.

Tập trung triển khai các cơ chế của Chính phủ về phát triển và quản lý

nhà ở xã hội; đồng thời, thực hiện tốt các các quy định hỗ trợ, khuyến khích đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân. Ưu tiên quy hoạch và bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, xã hội phục vụ cho công nhân như nhà trẻ, trường mẫu giáo, chợ, các công trình văn hóa, thể dục thể thao,...

Tập trung hoàn thiện hạ tầng giao thông liên kết trong khu vực, thông tuyến giao thông đường ven biển Đà Nẵng - Hội An - Chu Lai và đường cao tốc từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi; xây dựng các tuyến đường ngang nối quốc lộ 1A với vùng ven biển, nạo vét luồng và đầu tư nâng cấp cảng Kỳ Hà và cảng Tam Hiệp để tiếp nhận tàu có trọng tải 30.000 DWT và từng bước nạo vét sông Trường Giang.

Tiếp tục đẩy mạnh đàm phán với hãng hàng không VietJet Air và Cơ quan thương mại và phát triển Hoa Kỳ (USTDA) để nâng công suất phục vụ hành khách và xây dựng sân bay Chu Lai thành sân bay trung chuyển hàng hóa khu vực và quốc tế, đưa sân bay Chu Lai thành cơ sở sửa chữa - bảo dưỡng - đại tu (MRO) máy bay của Việt Nam và khu vực, trung tâm logistics của vùng Duyên hải Nam Trung bộ, theo 03 giai đoạn: Giai đoạn I (đến năm 2020) sẽ cải tạo và mở rộng đường cất hạ cánh hiện hữu với quy mô chiều dài 3.250m, chiều rộng 65m, đồng thời xây mới một nhà ga hành khách có công suất khoảng 2 triệu hành khách/năm, xây một nhà ga hàng hóa và khu phục vụ hàng hóa có khả năng đáp ứng nhu cầu của các công ty vận tải hàng hóa lớn; Giai đoạn II (đến năm 2025), sẽ mở rộng, nâng công suất nhà ga hành khách lên 4 triệu hành khách/năm, mở rộng nhà ga hàng hóa và khu hàng hóa, đáp ứng được nhu cầu của bốn công ty vận tải hàng hóa lớn, phát triển khu Logistic Park...; Giai đoạn III (sau năm 2025), tiếp tục đầu tư xây dựng mới đường cất hạ cánh cánh thứ hai với quy mô tương đương đường cất hạ cánh thứ nhất, xây mới nhà ga hàng khách thứ hai với công suất 4 triệu hành khách/năm, xây mới một tổ hợp hàng hóa đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng

hóa lâu dài của Cảng hàng không Chu Lai và các vùng lân cận.

3.2.4. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư

3.2.4.1. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù

Tiếp tục tham mưu, cùng với UBND tỉnh Quảng Nam làm việc với các Bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ các dự án quan trọng, có tính đột phá để phát triển KKT mở Chu Lai và vùng Đông tỉnh Quảng Nam, để đảm bảo tính cạnh tranh toàn cầu. Trước mắt, tập trung nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện 06 nhóm dự án trọng điểm: Khu đô thị, du lịch Nam Hội An; Công nghiệp dệt may và hỗ trợ ngành dệt may gắn với phát triển đô thị Tam Kỳ; Công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô; Khí - Điện và các ngành công nghiệp sử dụng năng lượng, sản phẩm sau khí; Phát triển công nghiệp và dịch vụ gắn với sân bay Chu Lai; Hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão.

Để xây dựng KKT mở Chu Lai thành Trung tâm Công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô của cả nước, thì ngoài việc nghiên cứu, đề xuất đưa ngành nghề sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu ô tô vào Luật sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư, thì trong thời gian đến tỉnh Quảng Nam và Ban Quản lý KKT mở Chu Lai cần đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm bảo hộ công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô trong nước với những quy định rõ ràng, ổn định, nhất quán để tránh tình trạng NĐT rút khỏi thị trường nước ta hoặc chuyển sang thị trường khác.

3.2.4.2. Hỗ trợ sau cấp phép đầu tư

Sau khi các dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, định kỳ lãnh đạo của Ban Quản lý KKT mở Chu Lai và lãnh đạo địa phương phải sắp xếp chương trình đến làm việc với doanh nghiệp, tổ chức gặp gỡ, đối thoại để kịp

thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh, giúp doanh nghiệp yên tâm trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đây là cơ hội để NĐT trình bày tâm tư, nguyện vọng của mình.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhóm giải pháp hỗ trợ thị trường và phát triển doanh nghiệp; thực hiện đúng, đủ kịp thời các chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp, nhất là đơn giản hóa TTHC, tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ công và các nguồn vốn, thông tin, thị trường, mặt bằng...

Ban Quản lý KKT mở Chu Lai phải xây dựng kênh thông tin phản hồi thường xuyên từ NĐT đến lãnh đạo của Ban quản lý để có biện pháp giải quyết kịp thời những thắc mắc, khó khăn đột xuất của NĐT chứ không phải chờ đến cuộc gặp gỡ tiếp xúc định kỳ. Kênh thông tin này có thể là một đường dây điện thoại nóng, hộp thư email và giao cho những chuyên viên giỏi tiếng Anh, có năng lực trực tiếp quan lý. Có những biện pháp hỗ trợ sau đầu tư tích cực cũng là một trong những giải phải để thu hút đầu tư vào KKT mở Chu Lai ngày càng nhiều hơn.

3.2.4.3. Chính sách thuế

Tiếp tục đẩy mạnh áp dụng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế nhập khẩu hiện có để khuyến khích đầu tư vào một số sản phẩm công nghiệp trọng điểm, khuyến khích đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt khó khăn, các DAĐT sản xuất hàng xuất khẩu, DAĐT công nghệ cao, ít gây hại môi trường.

Đối với những dự án quy mô vốn đầu tư lớn, công nghệ cao, mang tính động lực, lan tỏa, đặc biệt là 06 nhóm dự án trọng điểm (Khu đô thị, du lịch Nam Hội An; Công nghiệp dệt may và hỗ trợ ngành dệt may gắn với phát triển đô thị Tam Kỳ; Công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô; Khí

- Điện và các ngành công nghiệp sử dụng năng lượng, sản phẩm sau khí; Phát triển công nghiệp và dịch vụ gắn với sân bay Chu Lai; Hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão), thì ngoài các chính sách ưu đãi về thuế đang áp dụng tại KKT mở Chu Lai, chính quyền tỉnh Quảng Nam và Ban Quản lý KKT mở Chu Lai cần phối hợp với các NĐT trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho áp dụng những chính sách đặc thù về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp:

+ Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời gian 30 năm (thay vì được hưởng ưu đãi 15 năm và có thể gia hạn thêm không quá 15 năm như quy định hiện hành) kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án.

+ Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 12 năm tiếp theo (thay vì 09 năm như quy định hiện hành), trừ các khoản thu nhập không được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Thuế thu nhập cá nhân: Miễn thuế thu nhập cá nhân 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập đối với thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công mà cá nhân (thay vì chỉ được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập như quy định hiện hành) có được do làm việc tại KKT mở Chu Lai đối với người Việt Nam và người nước ngoài.

3.2.4.4. Chính sách đất đai

Phải hướng tới tạo thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp và có nhiều ưu đãi hơn như: kéo dài hơn thời hạn cho thuê đất, tăng mức miễn, giảm tiền thuê đất; giải quyết nhanh và dứt điểm những vướng mắc trong giải phóng mặt bằng. Tạo điều kiện thuận lợi về giao đất, mặt bằng cho các NĐT kinh doanh CSHT, cần có sự linh hoạt trong điều chỉnh giá đất nhằm phù hợp với

mục tiêu của từng dự án.

Đẩy mạnh việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu công trình để doanh nghiệp có thể dùng tài sản này thế chấp vay tiền tại Ngân hàng, làm tăng thêm khả năng tiếp cận tài chính và cơ hội phát triển của NĐT. Thực hiện đầu tư xây dựng đồng bộ, kịp thời CSHT giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc đến ranh giới khu chức năng hoặc đến hàng rào dự án của NĐT.

Tiếp tục áp dụng thời hạn cho thuê đất tối đa tối đa là 70 năm. Đối với các DAĐT tại các khu chức năng, các KCN đã được đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng được áp dụng đơn giá thuê đất không quá 15 USD/m^2 trong suốt thời hạn thuê đất. Đối với các DAĐT tại các khu chức năng chưa được đầu tư kết cấu hạ tầng, đề xuất áp dụng cơ chế ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước, cụ thể như sau:

- Miễn, giảm tiền sử dụng đất:

+ Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án xây dựng ký túc xá sinh viên, xây dựng nhà ở công nhân KCN, KKT; dự án xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh (xã hội hóa) thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao và các trường hợp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

+ Giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp đối với các dự án còn lại (thay cho cơ chế giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp đối với DAĐT thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư và giảm 30% tiền sử dụng đất phải nộp đối với các dự án còn lại như quy định hiện nay).

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước:

+ Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với DAĐT thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; DAĐT xây dựng ký túc xá sinh viên bằng tiền ngân sách nhà nước, xây dựng nhà ở công nhân KCN; dự án xây dựng các công

trình công cộng có mục đích kinh doanh (xã hội hóa) thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, khoa học - công nghệ.

+ Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp dự án có nhiều hạng mục công trình hoặc giai đoạn xây dựng độc lập với nhau thì miễn tiền thuê đất theo từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập đó; trường hợp không thể tính riêng được từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập thì thời gian xây dựng được tính theo hạng mục công trình có tỷ trọng vốn lớn nhất.

+ Miễn tiền thuê đất 20 năm (hiện nay là 15 năm) kể từ ngày hoàn thành xây dựng đi vào hoạt động đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư.

+ Miễn tiền thuê đất 15 năm (hiện nay là 11 năm) kể từ ngày hoàn thành xây dựng đi vào hoạt động đối với các dự án còn lại.

Doanh nghiệp có lỗ được chuyển lỗ sang năm sau; số lỗ này được trừ vào thu nhập tính thuế. Thời gian được chuyển lỗ không quá năm năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ.

3.2.4.5. Chính sách tín dụng

Ban Quản lý KKT mở Chu Lai cần xem xét, tham mưu và thực hiện cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tài chính tín dụng, giảm chi phí kinh doanh như sau:

- Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp trong KKT mở Chu Lai tiếp cận nguồn vốn, vốn vay ưu đãi của các chương trình, dự án, vốn tín dụng thương mại phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh; công khai các thủ tục vay vốn, lãi suất vay, điều kiện đảm bảo tiền vay, đơn giản hóa các thủ tục cho vay phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp trên địa bàn KKT mở Chu Lai. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến về cơ chế, chính sách cho doanh nghiệp

vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng trong lập, xây dựng phương án, dự án sản xuất kinh doanh.

- Thông tin rộng rãi kế hoạch cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa, đánh giá hiệu quả của các DAĐT, phương án sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

- Quán triệt, không để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức, viên chức gây những nhiễu, vòi vĩnh doanh nghiệp; giảm tối đa các chi phí không chính thức đối với doanh nghiệp.

- Điều chỉnh quy định giá đất để xác định đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, điều chỉnh chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất và các chi phí khác để giảm chi phí cho doanh nghiệp.

3.3. Một số đề xuất, kiến nghị

3.3.1. Đối với ủy b n nhân dân tỉnh Quảng N m

Xây dựng, phối hợp và trình Chính phủ cơ chế tài chính đặc thù, thông thoáng nhất cho KKT mở Chu Lai. Theo đó, ưu tiên nguồn kinh phí để tập trung đầu tư hạ tầng và giải quyết các vấn đề bức xúc về an sinh xã hội tại KKT mở Chu Lai để trình Trung ương cho chủ trương thực hiện.

Trình Thủ tướng Chính phủ cho áp dụng một số cơ chế, chính sách mới về ưu đãi đầu tư trong KKT mở Chu Lai như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời gian 30 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án. Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 12 năm tiếp theo, trừ các khoản thu nhập không được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Thuế thu nhập cá nhân: Miễn thuế thu nhập cá nhân 04 năm kể từ khi

có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập đối với thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công mà cá nhân có được do làm việc tại KKT mở Chu Lai đối với người Việt Nam và người nước ngoài.

- Tiền thuê đất: Đơn giá thuê đất không quá 15 USD/m^2 trong suốt thời hạn thuê đất đối với các DAĐT tại các khu chức năng, các KCN đã được đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng. Đối với các DAĐT tại các khu chức năng chưa được đầu tư kết cấu hạ tầng, áp dụng cơ chế ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước, cụ thể như sau:

+ Miễn, giảm tiền sử dụng đất: Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án xây dựng ký túc xá sinh viên, xây dựng nhà ở công nhân KCN, KKT; dự án xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh (xã hội hóa) thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao và các trường hợp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp đối với các dự án còn lại.

+ Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước: Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với DAĐT thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; DAĐT xây dựng ký túc xá sinh viên bằng tiền ngân sách nhà nước, xây dựng nhà ở công nhân KCN; dự án xây dựng các công trình công cộng có mục đích kinh doanh (xã hội hóa) thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, khoa học - công nghệ. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp dự án có nhiều hạng mục công trình hoặc giai đoạn xây dựng độc lập với nhau thì miễn tiền thuê đất theo từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập đó; trường hợp không thể tính riêng được từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập thì thời gian xây dựng được tính theo hạng mục công trình có tỷ trọng vốn lớn nhất. Miễn tiền thuê đất 20 năm kể từ ngày hoàn thành xây dựng đi vào hoạt

động đối với dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư. Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày hoàn thành xây dựng đi vào hoạt động đối với các dự án còn lại.

Rà soát, điều chỉnh những cơ chế, chính sách bất hợp lý về khuyến khích đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư, quản lý xây dựng và đất đai…; chỉ đạo các Sở, ngành và chính quyền địa phương giải quyết dứt điểm những tồn tại, vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; xử lý những vi phạm về khai thác tài nguyên, lấn chiếm đất đai, làm nhà và mồ mả trái phép tại KKT mở Chu Lai…

Thực hiện tốt chương trình hành động về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 của tỉnh Quảng Nam nói chung và của KKT mở Chu Lai nói riêng với mục tiêu chung như sau:

- Tập trung thực hiện hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 gắn với việc thực hiện nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).
- Tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, làm động lực để nâng cao tính cạnh tranh. Xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, công khai, minh bạch, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và NĐT phát triển sản xuất kinh doanh, trọng tâm là cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.
- Nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ doanh nghiệp; làm thay đổi nhận thức của cán bộ, công chức từ việc xem doanh nghiệp là "Đối tượng quản lý" sang "Đối tượng phục vụ"; tăng cường công tác đối thoại doanh nghiệp bằng nhiều hình thức phù hợp, thường xuyên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp; quản lý tốt hơn doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp; tăng cường

sự trợ giúp

pháp lý, tạo sự cam kết, nhất quán và định hướng dài hạn trong môi trường đầu tư của doanh nghiệp.

3.3.2. Đối với ộ, ngành và cơ qu n Trung ương

Bộ Chính trị sớm có ý kiến chỉ đạo để Quốc hội ban hành Luật KKT hoặc Chính phủ thống nhất xây dựng KKT mở Chu Lai theo mô hình đặc khu hành chính - kinh tế đặc biệt để phát triển thế mạnh riêng có, được áp dụng cơ chế, chính sách kinh tế ưu đãi đặc thù nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh, tạo động lực phát triển mới, bảo đảm phân bổ nguồn lực theo vùng, tạo hiệu ứng lan tỏa trên phạm vi cả nước.

Các Bộ, ngành Trung ương sớm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung điều chỉnh ranh giới KKT mở Chu Lai theo hướng không thay đổi tổng quy mô diện tích nhưng cắt giảm, đưa ra ngoài ranh giới một số xã thuộc địa bàn huyện Núi Thành hiện nay không phù hợp việc đầu tư phát triển trong KKT mở Chu Lai và bổ sung vào ranh giới một số xã thuộc huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình, để tạo thuận lợi tập trung đầu tư các khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ và thu hút các dự án quan trong thuộc 6 nhóm dự án trọng điểm; điều chỉnh quy hoạch sân bay Chu Lai và KCN Khí - Điện để định hình không gian phát triển và xác định quỹ đất ưu tiên đầu tư các ngành công nghiệp sản phẩm sau khí.

Các bộ, ngành Trung ương đề xuất Chính phủ ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển trung, dài hạn và tiếp tục cho áp dụng cơ chế ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư hạ tầng cho KKT mở Chu Lai tương ứng với 100% số thu phát sinh trên địa bàn KKT mở trong 10 năm đầu và 50% trong 10 năm tiếp theo, thay cho cơ chế cấp phát ngân sách theo danh mục đầu tư được phê duyệt và tiến độ thực hiện dự án như hiện nay. Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư CSHT chung như: Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đường ven biển Đà Nẵng - Sa Huỳnh và nâng cấp sân bay Chu Lai nhằm tạo động lực tác

động cho sự phát triển của KKT mở Chu Lai và khu vực lân cận.

Nhà ở cho người lao động có thu nhập thấp, nhà ở công nhân tại các KCN đang là vấn đề bức xúc cho các KKT và của toàn xã hội. Vì vậy, đề nghị có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng các khu nhà ở cho người lao động có thu nhập thấp, nhà ở công nhân theo hướng Nhà nước hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ kinh phí san nền, cho vay vốn tín dụng ưu đãi với thời hạn cho vay dài hạn...

T m tắt Chương 3

Trên đây là một số giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN về thu hút DAĐT vào KKT mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam. Để thực hiện có hiệu quả các giải pháp trên, ngoài sự chủ động, sáng tạo của Ban Quản lý KKT mở Chu Lai và chính quyền tỉnh Quảng Nam, rất cần có sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt, sự phối hợp đồng bộ từ các Bộ, ngành và các cơ quan Trung ương trong việc thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp về thể chế, về XTĐT, về tạo môi trường đầu tư và cac cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư.

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

KẾT LUẬN

KKT mở Chu Lai là KKT đặc biệt, là nơi hội tụ nhiều lợi thế nhằm thu hút các DAĐT, nguồn vốn, nguồn lao động chất lượng cao và công nghệ hiện đại thông qua các NĐT trong và ngoài nước nhằm phát triển KT-XH, với mức tăng trưởng cao, tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế cho tỉnh Quảng Nam nói riêng và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói chung.

Với ba chương thể hiện chủ đề nghiên cứu, luận văn đã tập trung phân tích một số vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn sau: Cơ sở khoa học của QLNN về thu hút các DAĐT vào KKT mở; thực trạng QLNN về thu hút các DAĐT tại KKT mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam; và mục tiêu, phương hướng và giải pháp hoàn thiện QLNN về thu hút các DAĐT vào KKT mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam, nhằm tạo ra các điều kiện cần và đủ để đẩy nhanh tiến trình xây dựng và phát triển kinh tế xã hộ của tỉnh Quảng Nam nói riêng và Việt Nam nói chung.

Để thực hiện QLNN về thu hút DAĐT vào KKT mở Chu Lai có hiệu quả, cần phải nhận thức đúng tầm quan trọng các giải pháp và tổ chức thực hiện nghiêm túc các giải pháp đã đề ra. Đồng thời, QLNN về thu hút DAĐT vào KKT mở Chu Lai là những tác động liên tục, có tổ chức, có định hướng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tới các cá nhân, tổ chức thông qua các cơ chế, chính sách, nhằm hoàn thiện quy trình QLNN và tổ chức bộ máy QLNN về thu hút DAĐT theo hướng hiện đại, khoa học, hiệu quả, đi vào chiều sâu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Vũ Thành Tự Anh (2012), "Khu kinh tế mở chu lai - Phòng thí nghiệm cho đổi mới thể chế và chính sách ở m t nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung", Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright.*
2. *Đặng Văn Ái (2012), Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về giao thông đường b tỉnh Bình Định, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Đà Nẵng.*
3. *Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (2016), Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2016 và kế hoạch công tác năm 2017, Báo cáo số 222/BC-KTM ngày 30/11/2016.*
4. *B Công thương (2010), Thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN, Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17/5/2010 và Thông tư số 42/2014/TT-BCT ngày 18/11/2014.*
5. *B Kế hoạch và Đầu tư (1997), 15 năm xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Việt Nam (1991-2006), Long An.*
6. *B Kế hoạch và Đầu tư, B N i vụ (2015), Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế, Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015.*
7. *B Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (2016), Việt Nam 2035: Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng và dân chủ, Nxb. Hồng Đức, Hà N i.*
8. *B Lao đ ng - Thương binh và Xã h i (2014), Hướng dẫn ủy quyền thực hiện m t số nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao đ ng trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế, Thông tư số 32/2014/TT-BLĐTBXH ngày 01/12/2014.*

9. *B Tài chính (2003), Hướng dẫn chế đ tài chính áp dụng cho Khu kinh tế mở Chu Lai, Thông tư số 11/2004/TT-BTC ngày 25/02/2004.*
10. *B trưởng B Kế hoạch và Đầu tư (2003), Uỷ quyền cho Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai trong việc hình thành dự án, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt đ ng các dự án đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp, khu chế xuất trong Khu kinh tế mở Chu Lai, Quyết định số 823/2003/QĐ-BKH ngày 21/10/2003.*
11. *B trưởng B Kế hoạch và Đầu tư (2004), Uỷ quyền cho Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai trong việc cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước cho các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, Quyết định số 117/2003/QĐ-BKH ngày 16/02/2004.*
12. *B trưởng B Thương mại (2003), Uỷ quyền cho Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai quản lý hoạt đ ng xuất nhập khẩu và hoạt đ ng thương mại của các doanh nghiệp trong Khu kinh tế mở Chu Lai, Quyết định số 1345/2003/QĐ-BTM ngày 24/10/2003.*
13. *Chính phủ nước C ng hòa xã h i chủ nghĩa Việt Nam (2003), Ban hành Quy chế khu công nghệ cao, Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003.*
14. *Chính phủ nước C ng hòa xã h i chủ nghĩa Việt Nam (2008), Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.*
15. *Chính phủ nước C ng hòa xã h i chủ nghĩa Việt Nam (2015), Đầu tư theo hình thức PPP, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.*
16. *Chính phủ nước C ng hòa xã h i chủ nghĩa Việt Nam (2015), Quy định*

chi tiết và hướng dẫn thi hành m t số điều của Luật Đầu tư, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015.

17. *Chính phủ nước C ng hòa xã h i chủ nghĩa Việt Nam (2016), Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 13/3/2016.*
18. *Lê Tuấn Dũng (2009), Hoàn thiện hoạch định chính sách đầu tư phát triển khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay, Luận văn tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Thương mại.*
19. *Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2014), Những vấn đề cơ bản về Quản lý hành chính nhà nước, Nxb. Lý luận chính trị, Hà N i.*
20. *Phan Thị Quốc Hương (2007), Cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp tỉnh Bình Định, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.*
21. *Nguyễn Thị Diễm Hương (2011), Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Đà Nẵng.*
22. *Hồ Thị Mai Hương (2015), Quản lý nhà nước về vốn đầu tư trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông Hà N i, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.*
23. *Nguyễn Hữu Khiếu (2015), Đầu tư phát triển khu kinh tế Vũng Án giai đoạn 2006-2020, Luận văn tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà N i.*
24. *Trần Hồng Kỳ (2003), Kinh nghiệm của Trung Quốc về Xây dựng đặc khu kinh tế, Luận văn tốt nghiệp cao cấp chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà N i.*
25. *Nguyễn Nhạc (1999), Tiếp tục phân cấp, ủy quyền đôi với quản lý hoạt*

đ ng đầu tư trực tiếp nước ngoài, Kinh tế và Dự báo.

26. *Nguyễn Thị Nhàn (2011), Giải pháp thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Đà Nẵng.*
27. *Hà Thị Ngọc Oanh (2006), Đầu tư quốc tế và chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, Nxb. Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.*
28. *Quốc h i nước C ng hòa xã h i chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII (2013), Luật Đất đai, số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013.*
29. *Quốc h i nước C ng hòa xã h i chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII (2013), Luật Đấu thầu, số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013.*
30. *Quốc h i nước C ng hòa xã h i chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII (2014), Luật Đầu tư, số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.*
31. *Quốc h i nước C ng hòa xã h i chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII (2014), Luật Đầu tư công, số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014.*
32. *Quốc h i nước C ng hòa xã h i chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII (2014), Luật Xây dựng, số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.*
33. *Huỳnh Minh Thảo - Hà Minh (19/01/2017), "Khu kinh tế mở Chu Lai: Hành trình trở thành đ ng lực phát triển", Báo Đầu tư điện tử, trực thu c B Kế hoạch và Đầu tư.*
34. *Thủ tướng Chính phủ (2003), Thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam, Quyết định số 184/2003/QĐ-TTg ngày 08/9/2003 và Quyết định 03/2008/QĐ-TTg ngày 07/01/2008.*
35. *Thủ tướng Chính phủ (2006), Ban hành Quy chế hoạt đ ng của Khu kinh tế mở Chu Lai, Quảng Nam, Quyết định số 253/2006/QĐ-TTg ngày 06/11/2006.*
36. *Thủ tướng Chính phủ (2008), Phê duyệt quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Chu Lai, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến 2015 và định hướng*

đến năm 2025, Quyết định số 543/QĐ-TTg ngày 13/5/2008.

37. *Thủ tướng Chính phủ (2014), Ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt đ ng xúc tiến đầu tư, Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014.*
38. *Tỉnh ủy Quảng Nam (2012), Xây dựng và phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 28/5/2012.*
39. *Tỉnh ủy Quảng Nam (2016), Định hướng và giải pháp triển khai thực hiện các dự án trọng điểm vùng Đông Nam tỉnh Quảng Nam, Kết luận số 25-KL/TU ngày 27/4/2016.*
40. *Nguyễn Văn Thường (2005), Tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Những rào cản cần phải vượt qua, Nxb. Lý luận chính trị, Hà N i.*
41. *UBND tỉnh Quảng Nam (2014), Ban hành chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 21/4/2014.*
42. *UBND tỉnh Quảng Nam (2016), Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức b máy của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam, Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 18/10/2016.*
43. *Trần Xuân Vinh (2011), Các giải pháp thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Nam, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Đà Nẵng.*
44. *Lê Danh Vĩnh (2006), 20 năm đổi mới cơ chế chính sách thương mại Việt Nam: Những thành tựu và bài học kinh nghiệm, Nxb. Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.*
45. *Đoàn Hải Yến (2016), Phát triển bền vững các khu kinh tế ven biển đồng bằng sông Hồng, Luận văn tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà N i.*

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dich vu viết luân văn thac sỹ uy tín, giá cả phải chăng

PHỤ LỤC

Bảng 2.4: Danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai giai đoạn 2015-2020

TT	Tên dự án	Quy mô	Hình thức đầu tư
I	*Hạ tầng phục vụ khu đô thị, dịch vụ Nam H i An:*		
1	Nhà máy xử lý nước thải vùng Đông Duy Xuyên - Thăng Bình	10.000 m3/ngđ	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
2	Hệ thống cấp nước vùng Đông Duy Xuyên - Thăng Bình	20.000 m3/ngđ	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
3	Nạo vét và xây dựng tuyến kè sông Thu Bồn tại Cửa Đại	2,0 km	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
4	Chương trình an sinh xã hội.		BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
II	*Hạ tầng KCN hỗ trợ dệt may Tam Kỳ - Thăng Bình:*		
1	Đường trục chính vào KCN Tam Thăng giai đoạn 2	5,7 km	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
2	Khu tái định cư Tam Thăng	20 ha	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
3	Hạ tầng nhà ở công nhân Tam Thăng.	20 ha	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
III	*KCN hỗ trợ sản xuất ô tô:*		
1	Nạo vét luồng 30.000 tấn vào cảng Tam Hiệp.	5,0 km	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
2	Đường trục chính KCN Tam Anh.	2,6 km	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
3	Khu nghĩa trang Tam Anh Bắc.	25 ha	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
4	Nhà máy xử lý nước thải KCN Tam Anh.	10.000 m3/ngđ	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước

IV	*KCN Khí - Điện:*		
1	Khu nhà ở công nhân Tam Quang.	20 ha	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
2	Nhà máy cấp nước Tam Quang.	20.000 m3/ngđ	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
3	Nhà máy xử lý nước thải KCN Tam Quang.	10.000 m3/ngđ	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
4	Khu nghĩa địa Mồ Côi.	25 ha	BT, BOT, BTO, 100% vốn nước ngoài hoặc trong nước
V	*Danh mục khác:*		
1	Dự án KCN cơ khí đa dụng và ô tô tập trung Chu Lai.	1.500 ha	Liên doanh, 100% vốn của NĐT nước ngoài hoặc trong nước
2	Cảng Kỳ Hà (Nâng cấp).	35 ha	Liên doanh, 100% vốn của NĐT nước ngoài hoặc trong nước
3	Đầu tư xây dựng Cảng Tam Hiệp (Mở rộng).	75 ha	Liên doanh, 100% vốn của NĐT nước ngoài hoặc trong nước
4	Dự án Cảng hàng không quốc tế Chu Lai.	2.000 ha	Liên doanh, 100% vốn của NĐT nước ngoài hoặc trong nước
5	Dự án khu phức hợp đô thị - du lịch - dịch vụ Nam Hội An.	2.000 ha	Liên doanh, 100% vốn của NĐT nước ngoài hoặc trong nước
6	Dự án khí - điện và các ngành công nghiệp sử dụng năng lượng, sản phẩm sau khí	1.000 ha	Liên doanh, 100% vốn của NĐT nước ngoài hoặc trong nước

Nguồn: Ban Quản lý KKT mở Chu Lai 2016.

Bảng 2.5: Danh mục các dự án sẽ khởi công, hoàn thành trong quý I, năm 2017

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Vốn đầu tư	Nguồn vốn
I	*Dự án khởi công:*			
1	Nhà máy tái sử dụng nước công suất 26.000 m3/ngày đêm.	Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ tái tạo	226.600	Doanh nghiệp
2	Dự án nạo vét sông Cổ Cò.	Ban Quản lý KKT mở Chu Lai	850.000	Vốn NSNN
3	Đường nối KCN ô tô Chu Lai Trường Hải đến KCN Tam Anh.	Ban Quản lý KKT mở Chu Lai	120.000	Vốn NSNN
4	Đường trục chính nối cảng Tam Hiệp đến đường cao tốc (giai đoạn 4).	Ban Quản lý KKT mở Chu Lai	80.000	Vốn NSNN
II	*Dự án khánh thành:*			
1	Nhà máy may - dệt - nhuộm Panko Tam Thăng.	Công ty TNHH Panko Tam Thăng	1.505.000	Doanh nghiệp
2	Nhà máy sản xuất nước giải khát Chu Lai.	Công ty TNHH Number one Chu Lai	1.820.000	Doanh nghiệp
3	Dự án Khu du lịch sinh thái biển Cát Vàng Chu Lai.	Công ty Cổ phần Mai Đoàn	670.000	Doanh nghiệp
4	Dự án cảng Trường Hải mở rộng.	Công ty Cổ phần ô tô Chu Lai - Trường Hải	150.000	Doanh nghiệp
5	Nhà máy xử lý nước thải KCN Tam Hiệp.	Ban Quản lý KKT mở Chu Lai	120.000	Vốn NSNN

Nguồn: Ban Quản lý KKT mở Chu Lai 2016.

Bảng 2.6: Danh mục các dự án được trao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Thỏa thuận đầu tư trong quý I, năm 2017

Đơn vị: Triệu USD

STT	Tên dự án	Quy mô	Vốn Đầu tư	Chủ đầu tư
I	*Trao Gấy chứng nhận đầu tư*			
1	Dự án KCN Tam Thăng 2.	103 ha	20	Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam
2	Nhà máy sản xuất máy nông nghiệp.	40 ha	100	Công ty CP ô tô Trường Hải
3	Nhà máy sản xuất phụ liệu dệt may, xây dựng.	6,4 ha	6	Công ty TNHH MTV Panko E&D (Hàn Quốc)
4	Nhà máy sản xuất dệt, nhuộm.	5,1 ha	10	Công ty Great Bright (Hồng Kông)
5	Nhà máy nhuộm, may, in.	10 ha	25	Công ty Vision Land (Hàn Quốc)
6	Nhà máy may công nghệ Nano.	19 ha	19	Công ty Cổ phần Panko (Hàn Quốc)
7	Nhà máy tái sử dụng nước 26.000m3/ngày đêm.	02 ha	10	Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ tái tạo Việt Nam
8	Nhà máy sản xuất bao bì.	02 ha	4	Công ty Friendship Australia
9	Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An các giai đoạn tiếp theo.	822,5 ha	3.450	Công ty TNHH Phát triển Nam Hội An
10	Nhà máy sản xuất và gia công tôn xốp xây dựng.	05 ha	5	Ông Mr.Jo Uk Hwan (Hàn Quốc)
11	Khu đô thị sinh thái cao cấp vịnh An Hòa.	95 ha	50	Công ty Cổ phần Đầu tư Chu Lai - Hội An
12	Khu nhà ở công nhân.	18 ha	3,5	Công ty CP Danatol
II	*Thỏa thuận đầu tư:*			
1	Khu đô thị du lịch ven biển Bình Dương - Bình	199 ha	550	Công ty Cổ phần Đầu tư An Thịnh

	Minh			
2	02 khu đô thị dịch vụ Nam Hội An	165 ha	200	Công ty TNHH Xây dựng Phú Vinh
3	Khu đô thị du lịch ven biển Bình Dương	199 ha	460	Công ty Cổ phần Đạt Phương
4	Khu đô thị du lịch ven biển Bình Minh	199 ha	510	Tập đoàn Bất động sản Đất Xanh
5	Nhà máy ô tô Hyundai	100 ha	400	Công ty CP ô tô Trường Hải và Tập đoàn Hyundai Hàn Quốc
6	Nhà máy ô tô Mazda	150 ha	500	Công ty CP ô tô Trường Hải và Tập đoàn Mazda
7	Dự án mở rộng KCN Tam Thăng	260 ha	50	Công ty TNHH MTV PTHT KCN Chu Lai
8	Nhà máy sản xuất sợi công nghiệp	100 ha	1.000	Công ty Hyosung Hàn Quốc
9	Dự án Khí - Điện và các ngành công nghiệp sau khí.	1000 ha	12.700	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Exxon Mobil
10	KCN Tam Anh - Trường Hải.	210 ha	50	Công ty TNHH C&N Vina Tam Anh – Hàn Quốc

Nguồn: Ban Quản lý KKT mở Chu Lai 2016.